

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

### **Thạch Lam (I)**

#### **Tiểu sử**

Tên thật: Nguyễn Tường Sáu, sau đổi thành Nguyễn Tường Vinh, đổi thêm một lần nữa là Nguyễn Tường Lân.

#### **Tác phẩm**

Truyện ngắn Gió đầu mùa (1937), Nắng trong vườn (1938), Sợi tóc (1942).



### **Mục Lục**

Vài hàng về tác giả và tác phẩm – TT & NTThiết - 2
<b>Buổi sớm - 9</b>
Dưới bóng hoàng lan – 11
<b>Bên kia sông - 16</b>
Ngày Tết đọc lại Thạch Lam – Vương Trí Nhàn – 20
<b>Nhà mẹ Lê – 30</b>
<b>Gió lạnh đầu mùa - 32</b>
<b>Cô hàng xén – 37</b>
Khái Hưng, Nhất Linh, Thạch Lam...- Trọng Đạt - 45

#### **Phụ đính:**

**Sợi tóc – Cái Chân què – Duyên số**  
**Người bạn cũ - Tôi ba mươi – Tình xưa**  
**Ba bài tựa của Khái Hưng viết cho Tú Mỡ, Thạch Lam**  
**Quê hương thơm mát trong văn Thạch Lam**

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Vài dòng về tác giả và tác phẩm Thu Tứ & Nguyễn Tường Thiết



Thạch Lam tên thật là Nguyễn Tường Vinh, sinh năm 1910 tại Hà Nội, là người con thứ sáu trong gia đình Nguyễn Tường. Năm 14 tuổi mới đậu bằng Cao đẳng tiểu học, ông phải khai tăng một tuổi để thi bằng Thành chung và đổi tên là *Nguyễn Tường Lân*.

Trong thời kỳ hưng thịnh của mình Tự lực Văn đoàn có hai cơ quan ngôn luận là *Phong Hoá* và *Ngày Nay*. *Phong Hoá* xuất bản sớm hơn mang tính cách mở đường, nhiều khi ngã sang đấu tranh gay gắt, trong khi *Ngày Nay* được hình thành muộn hơn và do đó, dằm hơn, chín hơn.

Tên tuổi Thạch Lam đã xuất hiện trên *Phong Hoá* nhưng với *Ngày Nay* sự có mặt của Thạch Lam mới thật là cuộc trình diện đầy đủ. Ở đây, có thời gian ông làm thư ký toà soạn, lo việc sắp xếp bài vở và thực sự đã mang lại cho tờ báo một sắc thái riêng: sắc thái của một ấn phẩm chuyên về nghệ thuật. Thạch Lam trình bày qua về cách sắp xếp bài vở, về những khó khăn trên các phương tiện in ấn mà toà soạn đã phải tìm cách vượt qua để mang lại cho tờ báo một tính cách hoàn hảo. Đọc những dòng này, ai là người có lúc vào trong hậu trường bếp núc của việc làm báo, ắt hẳn cảm thấy được thông cảm: ra cái sự làm báo, thời nào cũng vậy. Không phải ngẫu nhiên mà trong một bài viết ở số báo nào đó, Thạch Lam lấy câu cách ngôn Á - rập sau đây làm đề từ: "*Hưởng, đấy là khôn ngoan - Khiến hưởng, đấy là đức hạnh.*"

Đặt vào hoàn cảnh của số báo, câu này có nghĩa: làm cho người khác vui, chuẩn bị những món thức ăn tinh thần ngon lành thanh sạch cho bạn đọc thân yêu, đấy là đạo đức của người làm báo. Ở chỗ này, mỗi người cảm bút giống như nhiều nhân vật phụ nữ trong văn Thạch Lam, những người chi chút kỹ càng, lấy sự tận tụy hy sinh làm lẽ sống của chính mình.

Thạch Lam mất tháng 6 năm 1942 tại một ngôi nhà tranh nghèo nàn thơ mộng làng Yên Phụ:

*"...Buổi sáng hôm ấy từ khách sạn Galaxy trước vườn hoa hàng Đậu tôi đạp xe ôm lên Yên Phụ. Chiếc xe hai bánh luôn lách trên đường Thanh Niên trong dòng xe cộ nườm nượp. Đường này xưa kia có tên Cổ Ngư nằm xuyên giữa hai cái hồ lớn của Hà Nội là hồ Tây và hồ Trúc Bạch. Đến cuối đường, vòng qua khách sạn Sofitel, xe vào một con đường nhỏ ôm sát hồ Tây và ngừng lại trước một cái cổng gạch quét màu vôi vàng.*

*Tôi nhìn lên vòm cổng hình cánh cung đề hàng chữ LÀNG YÊN PHỤ rồi trả tiền bác lái xe thả bộ vào làng trên con ngõ rất hẹp thoắt dốc. Mặt ngõ trắng xi măng sạch sẽ. Hai bên những căn nhà gạch nằm ép sát nhau, quét vôi trắng, ngói mái đỏ, hai ba tầng cao. Nhiều nhà trước có cửa song sắt thò ra những chấm đỏ hoa giấy.*

*Đi vào ngõ khoảng nửa cây số đến một khúc quanh một tấm bảng bằng đá đen đập mắt tôi.*

Trên bảng có hàng chữ màu vàng ĐÌNH YÊN PHỤ dưới đề “Di tích lịch sử văn hóa. Đã xếp hạng.” Một mũi tên chỉ vào đình nằm phía bên kia ngõ. Ngay khúc quanh một bờ xi măng cong vòng cao bằng đầu gối chắn ngõ với một cái đầm sen.

Khúc đường cong, đình Yên Phụ và cái đầm sen là ba điểm chuẩn giúp tôi định được vị trí ngôi nhà tôi đang tìm, ngôi nhà thời xưa xưa chúng tôi vẫn gọi bằng cái tên thân mật “nhà cây liêu.”

Nhà ấy là nơi tôi đã từng ở những ngày rất thơ ấu, cũng là nơi chú Sáu tôi, nhà văn Thạch Lam đã sống, viết và chết tại đó.

Đứng xoay lưng về phía đầm sen nhìn vào đình Yên Phụ nhà cây liêu nằm sát đình phía tay phải, ngay vị trí khúc đường cong. Trước nhà có bờ tường gạch chạy dài trên là lan can làm bằng những thanh sắt đầu có móc nhọn. Đằng sau hàng lan can ấy lại che đi bằng những tấm tôn sơn màu xanh khiến ở ngoài nhìn vào không thể nào thấy được ngôi nhà bên trong. Cuối bờ tường xây một cổng gạch có mái ngói, giữa cổng có hai cánh cửa sắt cũng sơn xanh đóng kín mít. Theo trí nhớ tôi thì phía sau cổng mé trái là vị trí của một khóm tre. Khóm tre ấy không còn nữa. Nếu còn thì hôm nay tôi phải nhìn thấy nó ló lên cao khỏi bờ tường này. Khóm tre ấy cũng chính là khóm tre mà chú Thạch Lam tôi đã nhiều lần nhìn ngắm và tả những cảm nghĩ của mình trong Theo Giọng “khi thấy các lá tre thổi vút một chiều tôi cảm thấy một vang động âm thầm và kín đáo trong tâm hồn.” Khóm tre ấy chắc là đã bị ai chặt mất từ một thuở nào xa xôi lắm cùng với cây liêu ven hồ Tây yêu quý của chú.

Không một khoảng hở để tôi có thể ghé mắt nhìn trộm vào trong. Tôi đứng ở ngoài tận ngàn nhìn cánh cổng và bờ tường một lát rồi tôi quay trở lui, lững thững bước vào đình Yên Phụ ở sát cạnh, mang theo hình ảnh ngôi nhà mà mặc dù tôi đang ở rất gần nó, vẫn nguyên vẹn trong tôi là ngôi nhà cũ kỹ trong tâm tưởng sáu mươi năm trước.

Thửa ấy chúng tôi thường hay sang chơi bên đình Yên Phụ. Tôi còn nhỏ quá không thể nào nhớ hình dáng đình ra sao. Toàn thể khu này chỉ lưu lại trong trí tôi một màu xám xám nhàn nhạt trong đó hiện lên cái sân gạch bát tràng rộng thênh thang. Tôi bước vào sân đình vắng lặng. Màu xám nhạt thì vẫn còn nguyên đấy, nhưng cái sân gạch bé nhỏ hơn rất nhiều so với ký ức. Trong sân có mấy vại sành lớn trồng những cây mẫu đơn trở hoa đỏ thắm. Tôi đến gần nhìn những đóa hoa này và ngay tức khắc hiện lên trong mắt những chấm đỏ xoay tít. Thì ra tôi đã thấy hoa này rồi, ở đây, thời bé. Hoa mẫu đơn là tập hợp của vô số những cánh hoa bé tí màu đỏ với những cọng hoa li ti hình ống. Chúng tôi thường ngắt những cọng đó rồi luôn một sợi tóc qua ống, thắt một đầu nút và vẽ tròn sợi tóc trên hai đầu ngón tay nhìn những cánh hoa đỏ xoay xoay như một cái chong chóng tí hon.

Không một bóng người. Từ lúc rời khỏi đường Thanh Niên để bước vào làng Yên Phụ những tiếng ồn ào của Hà Nội dường như đứng lại ở phía ngoài cổng làng. Trong tĩnh lặng hình như ngay cả tiếng chim kêu ở đây nghe cũng thanh sắc hơn. Tôi bước qua cái sân gạch. Nhưng thay vì đi thẳng vào đình phía chính diện tôi rẽ tay phải đi qua một cái vườn cây mà tôi đoán sau vườn là hồ Tây. Bước ra khỏi bóng tối của vườn cây mắt tôi lóa đi trong giây lát. Phản chiếu ánh gắt nắng hè mặt hồ Tây như một tấm gương mênh mông bằng nước. Một bờ rộng xi măng uốn vòng quanh đình Yên Phụ. Dưới bờ ấy sóng vỗ vào thêm mang theo những cánh bèo trôi rập rình. Tôi đi lần phía tay phải theo bờ nước cho tới lúc tôi không thể nào tiến xa nữa. Một hàng rào bằng lưới sắt ngăn đình Yên Phụ với căn nhà bên cạnh. Từ một bụi rậm nhìn qua lưới tôi lặng người thấy phía sau của căn nhà cây liêu cùng với mảnh vườn nhỏ ở ven hồ.

Ngôi nhà cũ của chúng tôi không còn nữa. Trước mặt tôi là một căn nhà gạch hoàn toàn khác, chắc là được xây rất gần đây vì màu nước vôi tường còn mới nguyên. Như vậy là từ hồi chú

Sáu tôi ở đây, căn nhà tranh của chú đã được xây lại hai lần bằng gạch. Tôi không thấy được toàn thể phía sau nhà vì bị chắn bởi một bức tường rộng bằng gạch ở giữa vườn. Tường này có khoét ba cái cửa tò vò lớn lại có mái hiên lợp ngói được xây với mục đích trang trí hơn là thực dụng. Trước là cái vườn nhỏ ngày xưa chúng tôi vẫn chơi đùa. Vườn thoải xuống hồ. Xưa kia chỗ tiếp giáp với nước có cắm một hàng cọc tre lúc nào cũng vương bám những cánh bèo trôi bèo bồng theo sóng vỗ. Những cánh bèo bây giờ vẫn còn đó, lại còn có vẻ dày đặc hơn. Nhưng cây liễu trong tâm tưởng tôi thì biến mất. Chỗ đó bây giờ người ta trồng hai cây cau, giữa hai cây căng sợi dây kẽm phơi quần áo. Những chiếc cánh áo bay phấp phật thay chỗ cho những nhánh liễu xưa kia lúc nào cũng chao nghiêng trong gió.

Một con chuồn chuồn xanh bay vụt trong trí nhớ tôi. Nó sà xuống đậu trên một chiếc lá liễu. Chà, con chuồn chuồn này thật to! Đầu bóng như hòn bi ve. Thằng bé đưa cánh tay thò phía sau đuôi con vật. Chiếc đầu bóng khế nhích một cái rất nhẹ như thể muốn ngoái nhìn phía sau. Thằng bé vội ngừng tay. lát sau nó nín thở phóng tay thật nhanh nắm lấy chiếc cánh mỏng. Tôi còn nhớ lại như in cái cảm giác nhấp nhấp của những đường gân nhỏ trên cánh con chuồn chuồn áp vào làn da giữa hai đầu ngón tay. Thằng bé vạch bụng mình đưa đầu con vật gần lỗ rốn. Các anh nó nói để chuồn chuồn xanh cắn rốn sẽ biết bơi. Nó thèm biết bơi lắm. Nhưng cái miệng to ngoác của con chuồn chuồn làm nó sợ. Thằng bé tính thả con vật đi nhưng nó bỗng nghĩ ra được một trò chơi. Nó gập hai chiếc cánh chuồn chuồn làm một rồi lấy tay bứt đôi trước khi thả. Con vật với đôi cánh cụt ngắn không bay lên cao được. Nó đâm chúi xuống đám bèo. Thằng bé quên phắt con chuồn chuồn xanh. Mắt nó theo dõi những chấm đỏ bay loăng quăng trên đám bèo: vô số những con chuồn chuồn ớt đỏ chót là xuống nhón đậu trên những cánh hoa bèo tím, những hoa bèo nhấp nhô trên sóng nước mang những chấm đỏ rung rinh. “Nếu mình biết bơi mình sẽ bắt những con chuồn đỏ ấy.” Thằng bé nghĩ thế và nó tiếc đã không để con chuồn chuồn xanh cắn rốn. Không biết bơi như các anh tôi, tôi cùng chị Thoa làm thuyền. Chị Thoa khéo tay lắm. Chị làm thuyền bằng những thân bèo ghép sát nhau giữ bởi những cây tăm cắm xuyên. Một cái đũa tre cắm giữa thuyền, một hai chiếc lá bèo to xuyên qua đũa làm cánh buồm. Chúng tôi làm nhiều thuyền như thế lắm. Nhưng những chiếc thuyền được thả xuống hồ không đi xa được vì thường bị vướng mắc giữa những đám bèo luôn luôn dày đặc ở ven bờ hồ. Chúng tôi phải nhờ các anh lớn bơi ra ngoài thả thuyền ra khơi. Những con chuồn chuồn bay lả trên đám bèo, những cánh bướm bay loáng trên bờ cỏ... Như thế đấy. Vòn vẹn những hình ảnh vật vãnh như thế lưu giữ mãi trong ký ức tôi về căn nhà của người chú... toàn những cái không đáng nhớ.

Nhưng chú Đình Hùng thì khác. Trí nhớ của nhà thơ này mới thật đáng nhớ. Trong cuốn hồi ký viết về những kỷ niệm “chia ngọt sẻ bùi cùng Thạch Lam” chú đã tả quang cảnh nơi tôi đang đối diện này bảy mươi năm trước như sau:

“Tuy là nhà tranh nhưng ngăn nắp sáng sủa, có đủ cửa kính lẫn cửa chớp, có thêm cao, với một khoảng sân nhỏ mấp mé ngay bờ hồ, với cây liễu rũ cành lá xuống nước và khóm tre xào xạc ngoài cổng.”

“Tôi đã ngủ nhiều đêm dưới mái nhà ấy, và canh khuya, khi cái tiếng vọng mơ hồ của thành phố xa xa lắng dần vào không khí ửng ả của vùng hồ nước mát rượi, nằm nghe sóng vỗ vào bờ thao thức, nghe hơi thở uyển chuyển của gió lùa qua khóm tre, tôi cảm thấy những thời khắc đó thật đáng quý, khung cảnh thật dịu lành mà quyến rũ, và tôi thán thía tại sao Thạch Lam không muốn đổi ngôi nhà tranh của anh lấy bất cứ một lầu đài dinh thự nào...”

“Những người bạn văn nghệ mà tôi thường gặp ở nhà Thạch Lam đạo đó là: Nhất Linh, Khái Hưng, Trần Tiêu, Thế Lữ (cùng cả vợ nhỏ là nữ kịch sĩ Song Kim), anh bạn thơ Huyền Kiều, Nguyễn Tường Bách, Đỗ Đức Thu, Đoàn Phú Tứ, đôi khi Nguyễn Xuân Sanh, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Xuân Khoát, Nguyễn Lương Ngọc, và một lần, Nguyễn Tuân, một lần Nguyễn

*Đỗ Cung...”*

*“Tất cả những người kể trên đều đã có lần tụ họp tại nhà Thạch Lam, thường thường quanh mâm rượu, thỉnh thoảng quanh chiếu tổ tôm hay cạnh khay trà. Ở địa vị chủ nhân tác giả Hà Nội băm sáu phố phường thực đã xứng đáng với cái danh ‘Hào sĩ’ mà chúng tôi tặng anh.”*

*“Tôi không bao giờ quên được bữa rượu hội kiến đầu tiên có mặt Nhất Linh, Thế Lữ, Huyền Kiều, Thạch Lam...”*

\*\*\*

Một tiếng động sột soạt ở phía sau lưng khiến tôi ngoảnh ra sau nhìn. Từ trong một bụi chuối bước ra một cụ già quần áo nâu, râu tóc bạc phơ nhưng người trông cứng cáp khỏe mạnh. Thấy tôi cụ trở mắt nhìn. Cái nhìn nghi hoặc làm tôi lúng túng. Rõ ràng là tôi vừa bị bắt quả tang đang toan tính chuyện gì mờ ám. Một người lạ đến khu này mà không vào đình, lại lén lút chui vô cái xó kẹt này nhìn chằm chằm vào căn nhà bên cạnh thì quả là rất khả nghi.

Tôi mỉm một nụ cười gượng tiến lại phía cụ già lễ phép hỏi:

– Thưa cụ, cụ có phải cụ Từ trông nom đình Yên Phụ không ạ?

Ông cụ nhướng đôi mắt.

– Phải. Chính tôi. Ông muốn gì?

Tôi phân trần:

– Thưa cụ cháu định vào tham quan đình nhưng cháu nhìn mãi chẳng thấy một ai cả, cháu bèn ra hồ để ngắm cảnh.

Thấy cụ già hết nhìn tôi lại nhìn căn nhà bên kia lưới sắt, vẻ nghi ngờ, tôi nói thêm:

– Chẳng nói đâu gì cụ... cháu từ ở nước ngoài về. Trước đây hồi cháu còn bé, để cũng đã sáu mươi năm rồi, chúng cháu có ở căn nhà này. Vâng đúng là nhà này vì cháu nhớ nhà cháu sát cạnh đình Yên Phụ. Cháu bèn mạn phép tự tiện mò vào đây chỉ cốt là để nhìn lại căn nhà cũ của cháu, chứ thực tình không có ý gì khác. Nhưng cháu chẳng nhận ra được nhà cháu ngày xưa. Họ phá ra xây lại hết rồi. Cháu nhớ là ở chỗ cây cau kia kia trước kia có một cây liễu...

Nói đến đây tôi thấy đôi mắt cụ Từ dịu xuống. Cụ nói:

– Cậu nhớ thế là đúng rồi. Cây liễu đó ai chặt mất từ lâu lắm. Ở đây không còn một ai nhớ ra là chỗ đó ngày xưa có cây liễu, ngoài tôi.

– Thưa cụ, như vậy cụ trông nom đình này đã lâu lắm. Chắc cụ biết trước kia nhà này là nhà tranh và nhà văn Thạch Lam đã từng sống trong nhà tranh đó.

– Ừ tôi biết chứ. Ông Thạch Lam tôi không được quen nhưng tôi biết ông Hoàn. Ông gì Hoàn nhỉ...? Tôi quên rồi. Hình như ông ta cũng có liên hệ với ông Thạch Lam.

– Thưa, chú Nguyễn Kim Hoàn là anh rể của chú Thạch Lam cháu...

Chúng tôi vừa nói chuyện vừa đi chậm về phía đình. Đi qua bụi chuối gần đến bên hông đình thì cụ Từ lại rẽ ngang dẫn tôi ngược lại phía hồ. Cụ nói:

– Chẳng mấy khi mà đình làng này được đón khách từ ở nước ngoài về. Cậu ra đây một lát uống với chúng tôi chén nước.

Chúng tôi vào một lối mòn xuyên giữa bụi chuối. Qua mấy chậu cây cảnh thì đến lại cái bờ xi-măng cong vòng lúc nãy. Nhưng khúc bờ xi-măng này nhìn ra phía khác của hồ. Từ chỗ này không thấy nhà cây liễu, nhưng thấy được mái chùa Trấn Quốc ló ở tít xa. Một hàng dứa cao phủ bóng mát trông dọc theo bờ xi-măng. Dưới bóng cây mấy người đàn ông ngồi ngắm cảnh



hồ trên những chiếc ghế nhựa thấp, trước một cái bàn con có để một ống điều cày, một bình nước trà và mấy cái chén.

Cụ Từ chỉ tôi ngồi trên ghế rồi giới thiệu tôi với mọi người. Tất cả những người này đều đứng tuổi. Khi được biết tôi là cháu ruột của nhà văn Thạch Lam, một người lên tiếng bình phẩm:  
– Thạch Lam à? Đệ nhất văn sĩ đấy! Văn thế mới đích thật là văn! Trước sau không một ai có thể viết được như Thạch Lam. Tôi dám cam đoan thế...

Với một vẻ trân trọng đặc biệt ông ta tiếp tục nói về Thạch Lam và những nhà văn khác thời đó. Giọng nói có xen lẫn chút u hoài như thể các nhà văn ông vừa nhắc tới khiến ông nhớ lại một thời tuổi trẻ của mình. Câu chuyện xoay quanh vấn đề văn chương và đặc biệt là văn chương của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Tôi hơi ngạc nhiên nghe những vị này bàn về văn đoàn cũng như thành viên của văn đoàn này với một sự hiểu biết khá chính xác, mặc dù Tự Lực Văn Đoàn là một đề tài cấm kỵ không được nhắc đến từ hơn một nửa thế kỷ. Trước đây tôi đã có dịp nói chuyện với vài người trong giới trẻ Hà Nội như mấy cô chủ hướng dẫn viên các hãng du lịch hoặc các cô cậu sinh viên làm việc ở quầy tiếp tân các khách sạn, những người trẻ này có khả năng về ngoại ngữ rất cao, thể nói được nhuần nhuyễn cả hai thứ tiếng Anh, Pháp. Nhưng khi được hỏi về Tự Lực Văn Đoàn thì đa số trả lời là họ chỉ biết đến nhà văn Thạch Lam với truyện ngắn Hai Chị Em được dạy trong giáo trình giảng văn bậc trung học.

Rít một hơi thuốc lào một người khác ngửa cổ lên trời nhả khói rồi nói:

– Bây giờ người ta không biết viết văn... Cả một thế hệ không biết viết văn... Sách truyện bây giờ người ta in khối ra đấy mà chả có một cuốn nào viết ra hồn... Văn chả ra văn.

Tôi lên tiếng bênh vực:

– Bác nói thế có hơi quá không? Nhìn chung thì đúng như thế đấy, nhưng cũng có ngoại lệ chứ. Tôi đã đọc vài truyện tôi rất thích của một hai tác giả ở Hà Nội. Theo tôi họ viết cũng hay lắm.

– Ông nói thế là thế nào? Ông thử nêu tên vài cuốn tôi nghe thử? Làm sao họ có thể viết văn hay như những tiểu thuyết của nhóm Tự Lực Văn Đoàn được?

Tôi im lặng. Hơn bốn mươi năm trước hồi ở Sài Gòn đã có lần tôi nói tôi thích đọc văn của nhóm Sáng Tạo hơn đọc văn Tự Lực Văn Đoàn và khen nhóm này có nhiều tay viết rất cừ, mới chỉ nói thế thôi mà đã gây tranh luận trong đám bạn bè. Bây giờ nếu tôi mở miệng khen ngợi một hai nhà văn đương thời của Hà Nội với các vị mê say Tự Lực Văn Đoàn, xem văn của nhóm này như chuẩn đích cho cái hay của văn chương mọi thời thì chắc cũng lại chỉ gây tranh cãi vô ích.

Cụ Từ cúi xuống rót thêm nước chè vào chén của tôi. Từ lúc nãy cụ yên lặng không tham dự vào câu chuyện văn chương. Cụ chắc đã trên tuổi bát tuần. Cái tuổi mà nếu các nhà văn bậc tiền bối còn sống hẳn là đã gọi cụ bằng hai tiếng thân mật “chú em.” Tôi nhìn ra hồ Tây phía xa. Trong rặng cây xanh bên kia bờ nổi bật mái đỏ của hai gian nhà lớn hai tầng. Thấy tôi nhìn phía bên kia hồ cụ Từ chỉ tay về phía ấy nói: “Bên ấy là làng Thụy Khuê”.

Gió... không thổi dài ở đây, bây giờ, mà lồng lộng thổi từ mặt hồ Tây mênh mang phía trước.

*(...Trích Một Trăm Ngọn Nén của Nguyễn Tường Thiết)*

\*\*\*

Vì mất sớm nên sự nghiệp văn chương của ông rất khiêm tốn chỉ vỏn vẹn có một số trước tác với nhiều bi kịch, đề tài của ông thường hướng về những người nghèo nàn cùng khổ với một tấm lòng bác ái vị tha ân cần chia sẻ. Ông cũng trước tác một số đoản thiên yêu đương tình tứ với một lối viết, một tinh thần khác hẳn so với các bậc đàn anh nhưng cùng thời với ông như Nhất Linh Khải Hưng ở điểm ông chú trọng tới khía cạnh hiện thực, nên truyện của ông không mang nhiều kịch tính như ta thường thấy ở những sáng tác của Khải Hưng, Nhất Linh.

Truyện *'Bên Kia Sông'* tiêu biểu cho lối viết đoản thiên lãng mạn của tác giả. Có lẽ đây là truyện tình hay nhất không những của Thạch Lam mà của chung Tự Lực Văn Đoàn, y hệt như không khí lãng mạn hết sức nhẹ nhàng trong truyện *Mối Tình Đầu* (Premier Amour) của Ivan Tourgueniev, một tác giả cổ điển Nga thế kỷ thứ 19. Cũng có thể nói là ông đã chịu ảnh hưởng của Tourgueniev chăng?

Truyện một cậu học trò lớp ba, mới mười mấy tuổi đã yêu một thiếu nữ lớn hơn mình một cách ngây thơ chân thật.

### Sơ lược.

*"...Một cậu bé mười ba tuổi theo cha mẹ dọn về ở một phố chợ huyện Văn Dương buôn bán tạp hóa. Bên kia sông, một khu dân cư thưa thớt thường gọi là bến Sen, dân hai bên không giao thiệp với nhau. Dân bên huyện coi bến Sen như một vùng bí mật đáng sợ. Dần dần cậu thân với một người bạn học Tiên. Nhà Tiên ở bên kia sông, một hôm chủ nhật Tiên rủ cậu sang bên Sen chơi. Nhà Tiên ở cuối phố, sát ngay cánh đồng, cũng bán tạp hoá. Bà mẹ Tiên dịu dàng quý mến cậu, chị Tiên độ mười tám tuổi xinh đẹp cũng quý mến cậu. Cậu bé rung động và yêu nàng, cậu và Tiên ra bãi tha ma chơi. Từ đấy cậu thường sang bên Sen luôn để được thấy người đẹp. Không bao lâu cậu theo cha mẹ dọn lên Hà Nội, cậu sang bên Sen thăm chị em Tiên, Thúy lần chót và gục đầu vào Thúy khóc.*

*Mười năm sau cậu trở lại Văn Dương, quang cảnh nay đã hoàn toàn khác xưa, phố chợ sầm uất hơn, cái cầu đã bị gió bão cuốn đi, cậu đi đò sang sông; bên Sen nay chỉ còn là một bãi đất bỏ hoang, cỏ xanh mọc trên các nền nhà, không một bóng người. Cậu nhớ đến Thúy, đến vẻ đẹp sâu muện của nàng.."*

Truyện được diễn tả bằng lời tự thuật chân thành của một cậu bé về khoảng thời gian ngắn ngủi mà cậu đã sống ở huyện Văn Dương và tình cảm của cậu: Vùng bến Sen ở bên kia sông ám ảnh trí tưởng tượng của cậu vì thường nghe người ta kể cho nhau nghe những chuyện xảy ra bên ấy, nhiều khi cậu ra sau nhà trèo lên mô đất cao để nhìn sang bên Sen. Từ sự tò mò cậu quen Tiên nhà ở bên ấy, nhân dịp ấy băng qua cầu sang Sen để thoả mãn trí tò mò của mình, và rồi được nếm mùi tình yêu quý báu:

*"Chúng tôi vừa ngồi thì bỗng trong nhà bước ra một người con gái độ mười bảy mười tám tuổi. Tôi biết ngay là chị Tiên vì giống Tiên như hệt, cũng nước da trắng, hai mắt to và cái dáng điệu cao quý. Trông thấy em, chị Tiên nở một nụ cười trên môi thắm, một nụ cười tươi và duyên dáng như trong đời tôi chưa từng thấy bao giờ.*

*Em đã về đấy à?*

*Chị Thúy lại gần chúng tôi, săn sóc hỏi em. Tôi ngây người trước cái sắc đẹp của nàng, trong lòng tự nhiên cảm động, tuy còn trẻ nhưng tôi cũng biết là tôi đang đứng trước sự gì quý báu và hiếm có, một sự gì mong manh rồi sẽ không còn nữa".*

Cái tuổi ngây thơ trong trắng dễ xúc động xiết bao trước sự dịu dàng triu mến, một sự tình cờ khiến cậu đứng trước một mối tình cao quý và hiếm có thay, nhưng linh tính cũng cho cậu biết

nó sẽ chỉ thoáng qua như một giấc mơ diễm ảo. Bản chất con người, ngay từ thuở thiếu niên đã biết rung động giữa sự thơ ngây trong trắng của mối tình non trẻ dưới nét bút chân thực kỳ tài của Thạch Lam:

*“Khi Thúy để tay lên vai tôi, tôi thấy rung động cả người, tôi cảm thấy tôi bắt đầu yêu nàng.*

*Em cũng học một lớp với Tiên à?*

*Vâng ạ.*

*Thúy vuốt khẽ qua tóc tôi bảo:*

*Em ngoan ngoan quá.*

*Nàng tiếp.*

*Ở đây chơi với em Tiên rồi ăn bánh nhé . . .*

*Nàng hỏi chuyện tôi luôn, tôi trả lời hoạt bát và vui vẻ, không phải cốt nói, nhưng cốt được nghe cái tiếng trong trẻo và êm ái của nàng”.*

Mối tình trong trắng ngây thơ đã thúc đẩy cậu bé qua sông để được thấy người đẹp, được nghe giọng nói dịu dàng của nàng, nhìn cái miệng xinh tươi của nàng và để được sống những giây phút thần tiên thơ mộng thật là cao quý và hiếm hoi:

*“Chị Thúy coi tôi như em cũng săn sóc và âu yếm tôi như Tiên. Nhiều khi chị để tôi ngả đầu vào lòng, xoa tóc tôi, hỏi những câu chuyện ân cần. Đến bây giờ trải qua bao nhiêu lâu, tôi vẫn còn nhớ, lúc nhìn lên, đôi mắt trong và cái miệng xinh thắm của nàng cúi xuống tôi, bàn tay nhỏ mát của nàng đặt trên trán tôi nóng ươn ướt mồ hôi sau khi cùng với Tiên chạy nhảy ngoài cánh đồng . Tôi còn nhớ mãi hình ảnh người con gái yếu điệu và tươi đẹp ấy, nổi lên trong thời niên thiếu của tôi như một nàng tiên hiền hậu, giữa một vùng cây cỏ lạ”.*

Nhưng cũng đúng như ý nghĩ ngây thơ của cậu cái gì quý báu và hiếm có đến một ngày nào sẽ không còn nữa vì cậu phải theo cha mẹ dọn lên Hà Nội, cái tình chị em cao quý và cảm động dạt dào đến hồi kết thúc sau những ngày thần tiên ngắn ngủi:

*“Chị Thúy đứng đợi chúng tôi ở bên cửa. Tôi nhìn chị tự nhiên trong lòng man mác buồn. Một sự linh cảm báo cho tôi biết trước rằng không bao giờ còn gặp lại chị nữa. Tôi lặng yên nép vào người chị, đến lúc nàng đặt tay lên vai êm ái bảo:*

*Bao giờ chị mới lại được gặp em?*

*Tôi bỗng thổn thức cả người, nước mắt trào ra khóe mắt; tôi gục đầu vào Thúy khóc”.*

Một tình yêu chân thực trong lòng cậu bé mười ba tuổi, không phải một sự ngộ nhận mơ hồ. Nó thực sự hiện hữu trong cậu nên mười năm sau, lớn lên chàng có dịp trở về Văn Dương, trước mắt quang cảnh sầm uất hơn xưa. Cậu bé nay đã thành người lớn đi đò sang sông để hy vọng gặp lại người con gái xinh đẹp năm xưa và cũng để tìm lại dấu vết của mối tình ngây thơ chân thật ngày nào. Nhưng hỡi ôi! bến Sen nay chỉ toàn là cảnh hoang tàn đổ nát, vắng lặng không một bóng người, chàng nhớ đến Thúy, đến dáng điệu thùy mị của nàng, đến nét u sầu trên mặt nàng, nhưng nay còn đâu?

*“Đôi mắt nàng như vùng trời trong thẳm tôi đã được soi thấy cái dư vị của cuộc đời”.*

Chàng đi tìm những kỷ niệm cũ, nhưng cái thuở mộng mơ diễm ảo ấy nay còn đâu? Nó đã tan biến đi như mây khói chỉ để lại một cảnh thực tế phũ phàng, chàng nửa tỉnh nửa mê y như trong giấc mơ Trang Sinh Hồ Điệp, không biết mình hoá ra bướm hay bướm hóa ra mình, và dưới đây là lúc chàng đã tỉnh cơn mơ: *“Những kỷ niệm cũ của một thời niên thiếu xa xăm, trong buổi chiều lên như sương mù che phủ tâm hồn tôi. Đến bờ, tôi còn quay lại lần cuối nữa, nhìn rặng cây, cái quán, với làng mạc xa xa dưới chân giải núi tận đầu kia; vùng bên kia sông đối với tôi không còn gì bí mật nữa, chỉ còn cho tôi trông thấy cái buồn thảm của một mảnh đất nghèo”.*



So với các đồng nghiệp Khái Hưng, Nhất Linh..., Thạch Lam có một bút pháp và nghệ thuật độc đáo về tình cảm yêu đương. Từ truyện xã hội, tình yêu, tâm lý..., người ta thấy ở ông một giá trị hiện thực khác thường, đến nỗi Khái Hưng đã phải nói đọc văn Thạch Lam ta thấy rùng rợn vì sự thành thật .

Bên Kia Sông, một truyện tình yêu ngây thơ quý báu và hiếm có thay! Tác phẩm đã rung cảm được người thưởng thức ngay từ lúc khởi đầu vì nó chân thực quá. Một câu chuyện giản dị, đơn sơ đã được bút pháp thần sầu của Thạch Lam đưa lên thành một đoàn thiên lãng mạn tuyệt vời, độc đáo, quý báu và hiếm có như mối tình thanh cao ấy với một chung cục đượm vẻ buồn mệnh mang và hoang vắng như cảnh tượng náo nùng bên kia sông. Một kiệt tác rất xứng đáng được xếp ngang hàng với những đoàn thiên bất hủ trên văn đàn thế giới.

Buổi sớm có vài chỗ khác *Dưới bóng hoàng lan*:

*người gặp lại quê là một kẻ ăn chơi hư hỏng chứ không phải một thanh niên có công ăn việc làm tử tế, người ấy ở quê có mẹ chứ không phải chỉ còn bà, người ấy không có cô hàng xóm thân thiết nào cả, do đó không có ai mỗi mùa hoàng lan lại giắt hoa lên tóc để tưởng nhớ mùi hương của mối tình thơ dại...*

Thế nhưng đọc *Buổi sớm* vẫn không khỏi nghĩ đến *Dưới bóng hoàng lan*. Vì trong truyện nào thì cũng có quê trong sáng, mộc mạc, đầm ấm đợi chờ.

Gần như là cổ tích rồi! Chẳng bao lâu nữa, trên cái đất nước mấy nghìn năm quê này, làm gì còn ở đâu có quê như Thạch Lam từng thấy. “Vang bóng một thời” sắp sửa, quê ơi!

*(...trích Bên kia sông, một truyện tình diễm ảo của Thu Tứ)*

## Buổi sớm

Cả đêm Bính trần trọc không ngủ được, tuy chàng đi chơi về khuya. Trên tấm gối dẫm mồ hôi, Bính áp má nằm nghiêng cổ nhắm mắt. Nhưng hễ chập chờn một ít lâu, những mơ mộng kỳ dị, không liên lạc, lại đến ám ảnh chàng. Bính mở mắt, ngơ ngác nhìn lên đỉnh màn rồi lại nhìn nếp màn lặng rữ yên trong bóng sáng lờ mờ của ngọn đèn con vắn nhỏ. Chàng nghe chiếc đồng hồ treo trên tường buồn bã đánh hết giờ nọ sang giờ kia, và cái tiếng tích tắc đều đều kêu se se cái sống ban đêm của giầy cốt thép. Bính thấy mệt mỏi vô cùng hơn bao giờ hết, đè nặng trên đầu các tay chân và thắm vào thớ thịt rời ra: tất cả những cuộc chơi trác táng từ trước đến nay như cùng dồn cái mệt đến người Bính trong lúc này.

Một tiếng gà gáy đầu tiên êm từ xa đưa lại. Đêm tàn, buổi sớm bắt đầu; ánh sáng mờ và yếu ớt len vào khe cửa và khe hở của lá gối lợp nhà mà cái nóng ban ngày đã làm hé tách ra, - một thứ ánh sáng lạnh và biêng biếc như thiếc mới.

Bính tung màn ngồi dậy. Không khí trong căn nhà tranh ẩm ướt qua một đêm đã trở nên u uất và nặng nề, đè nén trên mí mắt chàng. Bính toan nằm lại, như mọi khi; nhưng về sau, không hiểu tại sao, chàng bước xuống đứng dậy hẳn. Đất lạnh dưới bàn chân cho chàng một cảm giác mát và dễ chịu; chàng để chân (*chân không?*) đi đến mở cửa buồng, và một lát sau, chàng đã ở ngoài sân.

Bính ngồi trên thềm gạch, bên gốc cau. Thật là lạ lùng, ban sớm! Yên tĩnh mà mát quá, một yên tĩnh mát hay một cái mát yên tĩnh chàng cũng không biết nữa. Nước trong bể nhỏ lẳng trong và

mát lạnh, sương ở ngọn lá cây hồng cũng mát mát, đất sân cũng mát khô và sạch sẽ. (Nước giữ cái mát của đêm trên mặt, và cây hồng giữ cái mát của đêm trong kẽ lá.) Bính bắt đầu thấy cái mệt mỏi trong người tan dần, máu bắt đầu chảy mạnh như xô nhau đi đón khí trời trong.

Đã lâu lắm, chàng không dậy sớm. Chàng đã quên không biết buổi sáng thế nào. Bao nhiêu năm nay miệt mài trong những cuộc hành lạc của đêm, chàng trở về nhà trong đêm khuya khi người ta bắt đầu đi bán hàng. Nhiều lần nằm mệt mỏi trên chiếc xe, mắt díp đi vì buồn ngủ, chàng gặp những người đàn bà gánh hàng rau lên chợ bán; những gánh rau mới hái, tươi xanh và ướt nước, khác hẳn cái thân hình rời rã và khan ráo của chàng lúc ấy. Ba, bốn giờ đêm! Giờ Hà Nội đang ngủ yên trong các căn nhà đóng kín, giờ mà ở ngoài, dãy đèn điện chiếu sáng những con đường dài vắng, yên lặng và trống trải, chỉ có lá khô rơi. Lúc ấy chàng mới ở những ngõ hẻm tối tăm đi ra, mũ đội sụp, hai tay bỏ túi và bước chân nặng trên hè gạch. Cái chấm đỏ thắm như màu mệt (?), của một ngọn đèn lục lọi treo giữa lối, lặng chiếu từ đầu xa, tận đầu phố đằng kia.

Chàng đã sống như thế, bao nhiêu lâu nay rồi? Bính cũng không nhớ nữa. Lâu lắm, trước ngày vì hết tiền, mất việc, chàng phải về ở căn nhà cũ này, cái dinh cơ nghèo nàn độc nhất còn lại của nhà chàng.

Bính đưa mắt nhìn mảnh vườn nhỏ trước mắt, cái sân đất khô hầy còn vết chổi quét của mẹ chàng chiều hôm trước. Cảnh vật quen thuộc này đối với chàng thành lạ, vì đã lâu chàng không nhìn thấy trong buổi sớm bao giờ. Cái núi non bộ nhỏ mà thầy chàng, khi còn sống, vẫn hay đứng lặng ngắm hàng giờ; cái bể con rêu phủ, hai thân cau mọc trắng, luống rau mà mẹ chàng vun xới, cây hồng nhung lầy hoa cùng (?) buổi sớm, tất cả những vật đó bây giờ trở lại dần thân mật như ngày xưa.

Cái mát và rộng thoáng của buổi mai khiến Bính nhớ lại ngày tuổi trẻ. Độ ấy, chàng dậy sớm cũng như mọi người, khoẻ mạnh và tinh táo như mọi người. Chàng lấy thau múc nước trong bể ra rửa mặt, nước mưa lạnh thấm mát vào da. Buổi sớm bấy giờ chàng thích lắm. Chàng ưa nhìn trời cao và trong xanh, những lá cây ngoài vườn, tươi và mướt với một vẻ riêng, hình như chúng cũng mới tỉnh dậy như người. Qua giậu thưa, thấp thoáng những người đi chợ sớm, tiếng cười nói vang lền với tiếng đòn gánh kiu kịt vì những bì gạo nặng. Rồi vừa học ôn lại bài nhà trường bên chiếc án thư đầu nhà, chàng vừa lắng nghe những tiếng gù gù của bầy chim bồ câu trong chuồng bên xóm.

Không bao giờ Bính nhớ lại những ngày tươi trẻ ấy. Chàng vẫn quên đi, và đêm tối sau mệt mỏi làm mất cái quá vắng đã xa xăm ấy. Giấc ngủ nặng nề không để chỗ cho những nhớ lại mong manh, còn lúc tỉnh, chàng đắm đuối dẫn mình vào những cuộc vui chơi chán nản.

Bính không muốn nghĩ đến cái có tại sao chàng trụ lạc. Từ khi thầy chàng mất đi Bính đâm ra ăn chơi mà mệt. Đêm quyến rũ chàng như ngọn lửa quyến rũ con thiêu thân. Đêm và ánh sáng rực của đèn, ánh sáng làm mịn má hồng và làm thắm cặp môi của những gái đàng điếm lẳng lơ: rượu sánh trong cốc, với gói thuốc phiện thơm càng làm trí chàng say sưa. Bao nhiêu lần chàng đã giằng tay mẹ già níu giữ con trước cửa, bước vội ra để không nghe tiếng nức nở ở lại trong bóng tối. Chàng chơi mãi cho của cải hết, nhà cửa bán dần, và sức khỏe của chàng ngày một mất đi. Một sự chua chát thấm vào tâm hồn chàng, một sự chán nản cho mình và cho người khác. Có lẽ mỗi thất vọng trước sự tan vỡ của những mộng tưởng cao quý và đẹp đẽ trong đời chàng đã đẩy Bính xuống vực sâu. Trong thâm tâm, chàng mơ hồ cảm thấy như một bóng lửa sáng chiếu ngoài đêm tối, đáng lẽ chàng theo mà chàng đã không theo.

Nhưng hôm nay, cái mát của buổi mai làm tươi lại những cảm giác trong sạch, thanh cao ngày

nhỏ. Tiếng gù gù của chim bồ câu bên hàng xóm không còn nữa, nhưng tiếng cười nói của những người đi chợ sớm vẫn vang lên bên giậu thưa. Nước mưa trong bể vẫn mát như ngày còn trẻ; trên cao, trời xanh thẳm không một gợn mây, trời lát nữa sẽ rực rỡ những ánh hồng của nắng.

Bính đứng dậy bước đến bên bụi hồng nhưng cạnh bể. Chàng cúi xuống ngắt một bông hoa, như ngày xưa, chàng ngắt để trên đĩa sứ sớm mai; bông hoa vừa hé nở, cánh nhỏ còn khép giữ một giọt sương long lanh trong như ngọc. Tự dóa hoa bốc lên một mùi hương quen mến, mùi hương mộc mạc và đầm ấm của hồng nhà; Bính tưởng mùi hương dịu dàng và cao quý cũng như tình yêu của mẹ chàng đối với chàng.

Lòng thương mẹ rung động khẽ trong tâm Bính, Chàng muốn sớm nay, khi trở dậy, bà mẹ già đã nhiều lần khóc vì con lại thấy trên đĩa sứ mấy bông hoa hái trong sương sớm như ngày xưa. Đây là thức dâng của buổi sớm mai, của cái mát thanh cao giữ trong khe lá và trên mặt nước mưa. Bính thấy tâm hồn cũng trở nên mát rượi và yên tĩnh. Chàng thấy mình, lại như ngày trẻ, đang cúi người nhìn sương đọng trên chùm lá tươi non. Và tiếng buổi sớm, tiếng gù của đôi chim bồ câu bên hàng xóm từ những ngày đã qua trong thời niên thiếu, lại hình như vang vang ở đây.

Chàng đứng dậy; gió mát từ ngoài đồng rộng quanh nhà nhẹ nhàng đưa lại mùi cỏ ướt. Trời đã đổi màu xanh ra màu hồng phơn phớt, trên cao. Bình minh của ngày rực rỡ bắt đầu tươi sáng ở phía xa.

Trong nhà, bà mẹ đã trở dậy, vén màn, ngồi lán tràng hạt (*thiếu mấy chữ?*) cụ niệm trăm câu kinh Phật. Tiếng mẹ chàng còn trong và nhẹ như xưa.

Bính rón rén đi vào, không dám động mạnh. Chàng đến bên bàn thờ đặt hoa trên đĩa, thay nước mưa trong chiếc bát cổ. Và khi đặt tràng hạt xuống, mẹ chàng hỏi như ngày xưa, dịu dàng và âu yếm, như khi chàng còn nhỏ:

- Sao dậy sớm thế, con?...

*(Trong tập Nắng trong vườn)*

## Dưới bóng hoàng lan

Thanh lách cánh cửa gỗ để khép, nhẹ nhàng bước vào. Chàng thấy mát hẳn cả người; trên con đường gạch bát tràng rêu phủ, những vòng ánh sáng lọt qua vòm cây xuống nhảy múa theo chiều gió. Một mùi lá tươi non phảng phất trong không khí. Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán bên ngoài trời nắng gắt rồi thông thả đi bên bức tường hoa thắp chạy thẳng đến đầu nhà. Yên tĩnh quá, không một tiếng động nhỏ trong căn vườn, tựa như bao nhiêu sự ồn ào ở ngoài kia đều ngừng lại trên bức cửa.

Thanh bước lên thềm, đặt va-li trên chiếc trường kỷ, rồi ngó đầu nhìn vào trong nhà: bóng tối dịu và man mát loáng qua những màu sắc rực rỡ chàng đem ở ngoài trời vào; Thanh chưa nhìn rõ thấy gì cả; một lát, quen bóng tối, chàng mới nhận thấy cảnh tượng gian nhà cũ không có gì thay đổi, cũng y nguyên như ngày chàng đi xưa. Sự yên lặng trầm tịch đến nỗi Thanh trở nên ghen hờn; mãi mãi chàng mới cất được tiếng lên gọi khẽ:

- Bà ơi!

Một cái bóng lẹ làng từ trong vệt ra, rơi xuống mặt bàn; Thanh định rõ nhìn: con mèo của bà chàng, con mèo già vẫn chơi đùa với chàng ngày trước. Con vật nép chân vào mình khẽ phe phẩy cái đuôi, rồi hai mắt ngọc thạch xanh dương lên nhìn người. Thanh mỉm cười lại gần vuốt ve con mèo:

- Bà mày đâu?

Thanh bước xuống giàn thiên lý. Có tiếng người đi, rồi bà chàng, mái tóc bạc phơ, chống gậy trúc, ở ngoài vườn vào. Thanh cảm động và mừng rỡ, chạy lại gần.

- Cháu đã về đấy ư?

Bà cụ thôi nhai trà, đôi mắt hiền từ dưới làn tóc trắng đưa lên nhìn cháu, âu yếm và mến thương.

- Đi vào trong nhà không nắng cháu.

Thanh đi bên bà, người thẳng, mạnh, cạnh bà cụ gầy còm. Tuy vậy chàng cảm thấy chính bà che chở cho chàng, cũng như những ngày chàng còn nhỏ.

- Nhà không có ai ư bà?

- Vẫn có thằng Nhân, hôm nay nó đi đong thóc bên kia xóm. Để chúc nó về. Con đã ăn cơm chưa?

- Dạ chưa. Con ở tàu về đây ngay. Nhưng con không thấy đói.

Bà nhìn cháu, giục:

- Con rửa mặt đi, rồi đi nghỉ không mệt. Trời nắng thế này mà con không đi xe ư?

Thanh cười:

- Có một tý đường đất, cần gì phải xe. Con đi bộ hàng ngày cũng được.

Nhưng Thanh cũng vẫn theo lời bà. Chàng đến bên bể múc nước vào thau rửa mặt. Nước mát rơi và Thanh cúi nhìn bóng chàng lay động trong lòng bể với những mảnh trời xanh tan tã.

Tất cả những ngày thuở nhỏ trở lại với chàng. Thanh vắng nhà đã gần hai năm nay, vậy mà chàng có cảm giác như vẫn ở nhà tự bao giờ. Phong cảnh vẫn y nguyên, gian nhà vẫn tịch mịch và bà chàng vẫn tóc bạc phơ và hiền từ.

Trên trường kỷ, ngọn đèn con và cái điều cũ kỹ. Con mèo già tròn mình nằm bên cạnh, mắt lim dim trong sự bình yên và nhàn nhã. Thanh trông thấy cảnh ấy đã nhiều lần. Lần nào trở về với bà chàng, Thanh cũng thấy bình yên và thông thả như thế. Căn nhà với thửa vườn này đối với chàng như một nơi mát mẻ và hiền lành, ở đây bà chàng lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để mền yêu chàng.

- Ấy, bà làm gì thế? Bà để mặc cháu.

Bà cụ vẫn không thôi phẩy chiếc quạt trần lên đầu giường:

- Đã lâu không có ai nằm nên bụi bám đầy khắp cả.

Thanh phải để mặc cho bà sửa chiếu và xếp lại gối. Chàng thấy mình bé quá.

- Cháu đi nghỉ chẳng mệt. Để bà hái mấy lá rau nấu canh ăn cho mát.

Bà cụ đi ra. Thanh bỗng thấy mệt mỏi. Chàng lặng nằm xuống giường, ruỗi chân tay, khoan khoái. Ngoài khung cửa sổ, trời xanh ngắt ánh sáng; lá cây rung động dưới làn gió nhẹ. Một thân cây vút cao lên trước mặt. Cùng một lúc, chàng lẩm bẫm: "cây hoàng lan!", mùi hương thơm thoang thoảng đưa vào. Thanh nhắm mắt ngửi hương thơm và nhớ đến cái cây ấy chàng thường hay chơi dưới gốc nhật hoa. Đã từ lâu lắm, ngày mới có căn nhà này, ngày cha mẹ chàng hãy còn. Rồi đến ngày một bà một cháu quán quýt nhau. Thanh ra tỉnh làm rồi đi về hàng năm, các ngày nghỉ. Bây giờ cây đã lớn.

Thanh thấy tâm hồn nhẹ nhõm tươi mát như vừa tắm ở suối. Chàng tắm trong cái không khí tươi mát này. Những ngày bận rộn ở tỉnh giờ xa quá. Khu vườn với các cây quen đã nhận biết chàng rồi.

Nghe tiếng bà đi vào, Thanh nằm yên giả vờ ngủ. Bà lại gần sờ buông màn, nhìn cháu và xua đuổi muỗi. Gió quạt đưa nhẹ trên mái tóc chàng. Thanh vẫn nằm yên, nhắm mắt nhưng biết bà ở bên mình. Chàng không dám động đậy, yên lặng chờ cho bà lại đi ra. Bà xuống bếp làm cơm hẩm. Tiếng dế nhỏ dần.

Chàng cảm động gần ứa nước mắt. Bà yêu thương cháu quá, giờ chỉ có mình cháu, với mình bà. Mà bà làm bếp có một mình thôi ư? Không, hình như có tiếng người khác nữa, tiếng trong và mau hơn. Thanh lắng nghe: một tiếng cười sẽ đưa lên. Tiếng ai? Nghe quen quá mà Thanh không nhớ được.

Chàng lẳng lẳng ngồi dậy, tỳ trên cửa sổ, cúi mình nhìn ra phía ao. Bóng cây hoàng lan lay động cả một vùng. Chàng chợt nhớ, chạy vù vù xuống nhà ngang, gọi vui về:

- Cô Nga...

Người thiếu nữ đương nhật rau nghe tiếng gọi vội ngừng đầu: một nụ cười, đôi mắt trong sáng lên; rồi tiếng nhẹ nhàng:

- Anh Thanh! Anh đã về đây à?

Thanh đứng tựa bên cột, chưa trả lời. Chàng nhìn cô thiếu nữ xinh xắn trong tà áo trắng, mái tóc đen lánh buông trên cổ nhỏ, bên cạnh mái tóc bạc trắng của bà chàng. Cô Nga, cô bé hàng xóm vẫn sang chơi với chàng trong vườn, và mỗi lần về, chàng lại gặp ở nhà như một người thân mật.

Một lát cô Nga nói:

- Anh Thanh độ này khác hẳn trước. Anh chóng nhớn quá.

- Tôi vẫn thế đấy chứ.



Bà cụ cúi trên rổ rau, không nhìn cháu đáp:

- Cô trông em có phải gầy đi không? Không bằng độ còn ở nhà.

Nga ngừng nhìn Thanh, cười:

- Đấy em nói có sai đâu. Anh trông lại đen đi nữa.

Lá rau tươi xanh ngắt bên bàn tay trắng hồng nhỏ nhắn. Thanh cũng ngồi ghé xuống. Thế là lại như lúc còn ở nhà, ngày ngày chàng cũng vẫn với Nga xuống bếp xem bà làm cơm. Câu chuyện vẫn vui vẻ và vẫn đậm, có lúc chàng lầm tưởng Nga chính là em gái ruột của mình.

Lúc Nhân bưng cơm đặt lên bàn, bà cụ bảo cô thiếu nữ:

- Ở đây ăn cơm một thể, cháu ạ.

Thanh nhìn lên:

- Ăn cho vui, cô Nga.

- Xin phép cụ và anh thôi, em vừa mới ăn cơm xong ở nhà. Em đứng đây cũng được chứ gì.

Thanh ra vẻ không bằng lòng:

- Không, cô phải ngồi ăn cơm. Cô làm khách mãi.

Nga sợ, vén áo ngồi bên cạnh bà cụ, nhưng nàng chỉ ăn nhỏ nhẹ, cầm chũa, và buông dũa luôn để xới cơm cho Thanh. Bữa cơm vui quá. Thanh ăn rất ngon miệng, lòng thư thái và sung sướng. Thỉnh thoảng chàng nhìn đôi môi thắm của Nga, hai má hồng. Và nụ cười tươi nở, nàng nhìn lại Thanh, một chút thôi, nhưng bao nhiêu âu yếm.

Ngoài vườn, trời vẫn nắng. Giàn thiên lý pha xanh một bên tà áo trắng của Nga. Những búp hoa lý non và thơm rủ liềm trong giàn, lẫn vào đám lá. Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân xinh xắn của Nga, ngày nào, đi trên đó. Hai bàn chân nhỏ, lấm tấm cát, để dấu tự ngoài ao trở về... Chàng đột nhiên mỉm cười, rồi hỏi:

- Cô Nga có còn hay đi nhặt hoàng lan rơi nữa không?

Nga cũng cười hơi thẹn:

- Vẫn nhặt đấy. Nhưng không có ai tranh nữa.

Nàng nhìn Thanh, mắt như tự lại những hình ảnh tự bao giờ, và sẽ vuốt mấy sợi tóc mai ra một bên. Thanh thấy quả tim đập nhẹ nhàng.

Bà cụ thì mãi nhìn cháu. Bác Nhân khoanh tay đứng dựa bên cột nghe; bác cũng vui mừng vì thấy cậu về, vẫn mạnh khỏe và xinh trai như ngày trước. Còn cô Nga vẫn tươi đẹp và vui vẻ như thế. Có cô nhà cũng đỡ vắng, và bà cậu cũng đỡ buồn; hàng ngày cô chạy sang chơi giúp đỡ bà cụ giã cối trầu và nói chuyện đến người đi vắng ở trên tỉnh đã lâu không về thăm nhà.

Bữa ăn xong, Thanh với Nga đã trở lại thân mật như khi còn nhỏ. Thanh dắt nàng đi thăm vườn; cây hoàng lan cao vút, cành lá rủ xuống như chào đón hai người. Có lúc gần nhau, Thanh thấy mái tóc Nga thoang thoang thơm như có giắt hoàng lan. Nhưng hoa lan chưa rụng, vẫn còn tươi xanh ở trên cành. Nga bảo Thanh:

- Những ngày em đến đây hái hoa, em nhớ anh quá.

Thanh chẳng biết nói gì; chàng vít một cành lan xuống giữ ở trong tay để Nga tìm hoa, rồi nhẹ nhàng buông ra cho cành lại cong lên. Nâng soi vào vai hai người, nhưng dưới chân đất vẫn mát như xưa.

- Bao giờ anh lên tỉnh?

- Ngày mai thôi. Kỳ này được nghỉ ít. Nhưng mai kia, tôi sẽ về ở đây lâu hơn.

Lòng Thanh dịu lại. Nga đến bên bể múc nước rửa hoa, rồi xếp bày trên quả trâu. Bà cụ nhìn cô, âu yếm:

- Hoa hãy còn non lắm, sao hái sớm thế, con?

Nga thưa:

- "Anh con hái đấy ạ" và nàng nhìn Thanh mỉm cười.

Đêm ấy, một bà, một cháu với một cô láng giềng chuyện trò dưới bóng đèn mãi tới khuya, khi trăng lên. Qua vườn, Thanh tiễn Nga ra đến cổng, đi qua hai bên bờ lá đã ướt sương. Mùi hoàng lan thoang thoang bay trong gió mát. Không lường lự, Thanh cầm lấy tay Nga, để yên trong tay mình. Nga cũng đứng yên lặng. Lâu lâu, Nga rút tay sẽ nói:

- Thôi em về.

Thanh đi trở vào rất thông thả. Có cái gì dịu ngọt chẳng tơ ở đâu đây, khiến chàng vương phải. Chàng đến trường kỷ ngồi ở bên đèn.

Sáng hôm sau, Thanh đã phải lên tỉnh. Chiếc va-li chàng nặng những thức quà bà chàng đã ban cho. Thanh cảm mũ đứng nghe lời khuyên bảo ân cần của bà dưới giàn hoa lý. Chàng vẫn bé quá và lại đi xa.

Tới cổng, Thanh còn đứng lại nhìn cây hoàng lan và các cây khác trong vườn. Bác Nhân nhanh nhẩu cầm đỡ va-li cho chàng, Thanh dặn khẽ:

- Bảo tôi có nhời chào cô Nga nhé.

Rồi chàng bước ra đi nửa buồn mà lại nửa vui. Thanh nghĩ đến căn nhà như một nơi mát mẻ và sung sướng để chàng thường về nghỉ sau việc làm. Và Thanh biết rằng Nga sẽ vẫn đợi chàng, vẫn nhớ mong chàng như ngày trước. Mỗi mùa cô lại giắt hoàng lan trong mái tóc để tưởng nhớ mùi hương.

## Bên kia sông

Huyện lỵ nơi quê tôi là một huyện miền hạ du, cũng giống những huyện lỵ khác của nước ta, không có gì là đặc biệt. Huyện không to lắm, nhưng rất sầm uất và đông đúc. Nhờ có con đường xe hỏa đi qua, và một con sông nhỏ, nhánh của sông Nhị hà, nên sự buôn bán đâm ra thịnh vượng. Phố huyện có một giầy - bên này là đường xe hỏa, một giầy nhà lá trát vách hay tường gỗ, những cửa hàng nhỏ nhỏ của người trong làng mở bán các thức lật vặt. Trừ hai cái nhà gạch hai tầng và khá rộng: hai hiệu của người khách đến lập nghiệp ở đây không biết từ bao giờ, hai hiệu buôn to nắm hết cả quyền lợi buôn bán ở trong huyện. Sau quầy hàng bằng gỗ, lúc nào cũng thấy một hai chú Khách ngồi gẩy bàn tính, và ông chủ hiệu, người béo tốt, hồng hào, đầu bóng như hòn bi, ngồi bệ vệ trong ghế bành, luôn tay châm mỗi lửa vào cái điếu thuốc lòn. Những người khách chú ấy, và cái cửa hàng đồ sộ của họ, là những người vật lộn đầu gây cho tôi hình ảnh của sự giàu có, bởi làm cho tôi đoán thấy một nước lạ ở đâu đâu, nước kỳ dị mà họ ở đấy đến đây; thường ngày, có khi hàng giờ, tôi dừng lại đứng ngắm họ, nhìn nhận các cử chỉ của họ, và nghe tiếng họ nói lúi lo, khiến tôi nghĩ đến một thế giới khác lạ lùng.

Hồi ấy, tôi mới mười ba tuổi. Thầy mẹ tôi ở Hà Nội vì buôn bán thua lỗ nên mới dọn hàng về huyện này - chỗ quê của thầy tôi - đã được hai năm. Chúng tôi ở một căn nhà nhỏ ba gian ngay giữa phố, mặt trước nhìn ra đường xe hỏa, mặt sau trông ra cánh đồng ruộng. Mẹ tôi dọn một cửa hàng tạp hóa nhỏ để bán cho những người nhà quê quanh vùng đẩy họ lên huyện những ngày phiên. Vì chợ họp ngay ở giữa phố, những hàng quà bánh, hàng gạo, hàng cà, quang gánh ngổn ngang và thúng mủng xếp hàng hai dãy đối diện nhau. Dưới trời, tiếng ồn ào của người họp chợ, một tiếng ồn ào đặc biệt, vang động và sang sảng, từ đám đông ấy bốc lên như ngọn lửa, bao trùm lấy cả huyện; một đám đông hoạt động, và vui vẻ, rực rỡ nhiều màu, đầy ánh sáng và tiếng cười, lẫn những câu chửi rửa lạnh lạnh như kim qua không khí.

Đó là tất cả nơi quê tôi, tất cả quang cảnh cái huyện Văn Dương miền hạ du, mà một người trong họ tôi sinh làm thơ đã vịnh trong bốn câu tuyệt tác này:

*Văn Dương xuân sắc có sao buồn,  
Đủ mặt ta, tàu khắp bán buôn.  
Dưới bến thuyền buôn chen chúc đậu.  
Trên đường xe hỏa lại qua luôn!*

Tôi qua ở đấy tất cả cái tuổi niên thiếu của tôi, sung sướng và nhảy nhót như một con chim giữa cuộc sống hoạt động kia bao bọc lấy tôi, để hết cả mắt mà trông, cả tai mà nghe, cả mũi mà ngửi cái mùi cát, mùi đất, lẫn mùi khói rác người ta đốt ở đầu làng buổi chiều, theo gió với sương mà tràn vào trong phố.

Tất cả chợ huyện, những kẽ ngách hay bãi không, đối với tôi đều quen thuộc, thân mật như một vật cũ trong nhà. Nhưng, bên kia sông, ở về phía huyện nha, cách chợ độ nửa cây số, có một nơi đối với tôi như một xứ bí mật, xa lạ. Nơi ấy, người trong phố vẫn gọi là bến Sen, và con sông đi qua chỗ ấy được gọi tên là sông Sen. Bến Sen là một túm nhà độ hơn mười nóc, lấp vào cây cối xanh um, ở hai bên vệ một con đường giải đá đi tắm tấp không biết về đâu. Phía sau, là một cánh đồng hoang, đầy bãi tha ma và bụi dứa; bên này, một con đê nhỏ và một rặng cây; bên kia, một cái quán cột đá, đứng cạnh con đường nhỏ ngoằn ngoèo đi vào làng có cây đa tiên, một cây đa cổ không biết mấy trăm năm, rễ thẳng xuống đất to mấy người ôm, khiến không ai có thể phân biệt được đâu là gốc, đâu là rễ. Gần đấy, có một cái phần mộ xây đá bỏ hoang, một vài tượng đá mốc rêu lẫn trong cỏ rậm, dưới hai gốc thông cao vút, chội lên cả một

vùng.

Một cái cầu gỗ lung lay sắp đổ, một cái cầu nhà nước đã bỏ, bắc qua sông, nối liền bến Sen với chợ huyện bên này. Trong những dịp rất hiếm mà tôi được sang bên ấy, không lần nào tôi đi qua chiếc cầu đó mà không ghê sợ; các ván cầu cũ đã một rung động dưới bước đi, và qua khe hở, tôi trông thấy dòng sông thăm thẳm chảy. Nhưng những dịp sang chơi bến Sen rất ít, vì người ở bên này không hay giao thiệp với người bên ấy. Bến Sen ăn về tỉnh khác, tỉnh Bắc; những bọn cướp nhiều lần vào cướp ở phố huyện rồi lùi sang đó để trốn tránh sự tầm nã, lại càng làm cho vùng đó đối với dân huyện, đối với tôi, thành một vùng hay nhộn và đáng sợ. Người trong phố thường thì thăm kể với nhau những chuyện xảy ra bên ấy; và mỗi khi có người ở bến Sen sang, ai ai cũng chăm chú nhìn như một người ở chốn xa lạ nào đến.

Có lần, một ông cụ già râu bạc đến chơi nhà tôi, cùng thầy tôi uống rượu và ngâm thơ phú. Khi biết ông ta ở bên Sen, tôi nhìn ông ta khâm phục lắm, mẹ tôi lại bảo ông ta là một ông đồ rất hay chữ, ở cái làng ven sông phía bên kia, một làng nổi tiếng vì ngày xưa, đã có một thời mười tám ông tiến sĩ. Khi ông cụ ra về, tôi đưa ra đến đầu cầu, tôi dừng lại nhìn ông giương ô đi qua cánh đồng, đến khi ông nhỏ lấp ở chân trời.

Vùng bên Sen cứ luôn luôn ám ảnh trí tưởng tượng non nớt của tôi. Nhiều lần, tôi lên ra đằng sau nhà, đứng lên một mô đất nhìn sang bên kia sông, nhìn khu nhà nấp bên cây cối, cái quán trơ vơ và rặng cây trên bờ đê, bên con đường đi không biết về đâu, về những chốn xa xăm nào tận bên kia giải đồi núi lờ mờ xanh ở chân trời; với tôi, sinh trưởng ở chốn đồng bằng bùn lầy nước đọng, đồi núi quặn rũ như một tiếng gọi lạ lùng. Trong giải núi ấy, có một quả đồi mà những buổi chiều nắng trong, tôi thấy nổi đỏ lên trời xanh. Trên đỉnh đồi, người ta thấy rõ một chùm cây, mẹ tôi bảo đó là chùa Thiên Thai. Thiên Thai! cái tên huyền ảo thần tiên ấy khiến tôi nghĩ đến những chốn bồng lai xinh đẹp, chốn vui chơi của những tiên ông mà thầy tôi vẫn đọc đến tên trong các truyện và kể cho tôi nghe. Rồi tôi thơ thẩn cho đến buổi chiều, đến lúc mặt trời thấp xuống, để được trông cả vùng bên kia sông chói lòa, rực rỡ tia ánh nắng; rồi tối hơn nữa, lúc chỉ còn ráng chiều chiếu các nền mây, được trông dãy nhà mờ đi và thấp xuống, lẫn vào mặt đất, và hai gốc thông cao lên, nổi đen trên da trời.

\*\*\*

Dần dần, tôi được có nhiều dịp sang chơi bên Sen. Sự đó là nhờ ở anh Tiến, bạn tôi. Tôi đang học ở lớp ba trong trường, gần hết năm, thì Tiến xin vào học. Tôi yêu mến anh ta ngay; Tiến là một đứa trẻ mảnh dẻ và xinh xắn, mắt to và da trắng, tóc mềm như sợi tơ. Tôi yêu Tiến như yêu một cô con gái, Tiến thùy mị, hiền lành và hết lòng với bạn. Nhưng ngoài những nét tốt ấy, Tiến khiến tôi gần gũi và quặn rũ tôi là vì anh ở bên kia sông. Một cái đó đã khiến cho anh ta đối với tôi trở nên một đứa trẻ kỳ dị khác thường. Tôi kết bạn với Tiến rất là thân thiết, và chiều nào tan học, tôi cũng tiễn anh ta đến tận đầu cầu rồi mới trở về.

Một hôm chủ nhật, Tiến rủ tôi sang chơi nhà. Tôi sung sướng như một người sắp được đi phiêu lưu mạo hiểm, vì lần ấy là lần đầu tôi được sang bên kia sông. Tôi với Tiến cùng đi qua cầu; chúng tôi dừng lại tựa vào thành cầu nhìn xuống sông; mấy con thuyền của các người buôn bán chen nhau đậu bên bờ, trên có mấy đứa trẻ chơi đùa và con chó nằm cuộn tròn trên mũi thuyền ngủ. Đó chính là những chiếc thuyền từ tỉnh Bắc về, chở những thứ hàng lạ. Tiến giơ tay chỉ vào đám thuyền bảo tôi:

- Ngày trên Bắc về đây, chúng tôi cũng đi một chiếc thuyền như thế này.

Tôi nhìn Tiến muốn hỏi anh ta về tỉnh Bắc xa xôi ấy, nhưng lại thôi. Tiến đã giắt tay tôi qua cầu đi đến phố Sen. Nhà Tiến ở cuối phố, sát ngay cánh đồng. Tôi thấy một cửa hàng tạp hóa cũng

giống như cửa hàng của mẹ tôi, nhưng nhỏ hơn. Trên tấm phản, sau mấy ngăn hàng, một bà cụ già tóc bạc phơ, vẻ mặt nhân từ, đang ngồi tĩnh tiền. Thấy tôi và Tiến bước vào, bà cụ tươi nét mặt hỏi:

- Cháu đi đâu về thế?

Tiến vừa lấy vạt áo lau mồ hôi, vừa đáp:

- Thừa bà, con sang chợ chơi ạ.

Bà cụ nhìn vào tôi, đứng nấp sau lưng Tiến, bảo:

- Cháu về mà uống nước. Cả cậu nữa, cậu vào chơi. Trời nắng thế này mà đi có nhọc không?

Tiếng bà cụ êm dịu và ngọt ngào, khiến tôi thấy dễ chịu và vui vẻ.

Tiến mời tôi vào trong nhà, bày biện rất sơ sài, những đồ đạc rẻ tiền và cũ kỹ. Chúng tôi vừa ngồi thì bỗng trong nhà bước ra một người con gái độ mười lăm tuổi. Tôi biết ngay là chị Tiến, vì giống Tiến như hệt, cũng nước da trắng, hai mắt to. Trông thấy em, chị Thúy nở một nụ cười trên đôi môi thắm, một nụ cười tươi và duyên sắc như trong đời tôi chưa từng thấy bao giờ.

- Em đã về đấy à?

Tiếng nói cũng êm dịu như tiếng bà cụ, nhưng trong hơn. Thúy lại gần chúng tôi, săn sóc hỏi em. Tôi ngây người trước cái sắc đẹp của nàng, trong lòng tự nhiên cảm động; tuy còn trẻ nhưng tôi cũng biết là tôi đang đứng bên một sự gì quý báu và hiếm có, một sự gì mong manh rồi sẽ không còn nữa.

Khi Thúy để tay lên vai tôi, tôi thấy rung động cả người, tôi cảm thấy tôi bắt đầu yêu nàng.

- Em cùng học một lớp với Tiến à?

- Vâng ạ.

Thúy vuốt sẽ qua tóc tôi, bảo:

- Em ngoan ngoãn quá.

Nàng tiếp:

- ở đây chơi với em Tiến rồi ăn bánh nhé. Tiến, chị có để phần bánh trên bàn kia kìa.

Thúy không ăn, chỉ ngồi nhìn chúng tôi; tôi thấy nàng nhìn Tiến rất thương yêu khiến tôi ghen với bạn đã có người chị xinh đẹp và ân cần như thế. Nhưng nàng cũng hỏi chuyện tôi luôn, tôi trả lời hoạt bát và vui vẻ, không phải cốt nói, nhưng cốt được nghe cái tiếng trong trẻo và êm ái của nàng.

Ăn xong, Tiến rủ tôi ra chơi ngoài bãi tha ma đằng sau nhà. Lần đầu, tôi được đứng giữa cái vùng bí mật, được nhìn gần hai gốc thông với mấy tượng đá giấu trong cỏ. Tiếng thông reo rì rào như một tiếng đàn xa lạ, trầm như ở một cõi khác nào đưa lại, và cái quán cột đá lộng gió giữa cánh đồng hình như đang đợi chờ những người ở thời nào, lâu lắm, đến nghỉ chân.



Từ hôm ấy, thường thường tôi vẫn sang bên Sen luôn. Tôi muốn gần gũi cây cỏ bên vùng ấy, đối với tôi vẫn có một vẻ riêng khác hẳn cây cối bên này. Tôi muốn được luôn luôn trông thấy Thúy, được nghe tiếng nói của nàng, được nhìn cái miệng xinh tươi của nàng hé trên hàm răng đen nhánh. Cả bà cụ cũng khiến tôi yêu mến. Tôi không biết rõ gì về gia đình của Tiến, nhưng trên mặt các người trong nhà ấy, lúc nào tôi cũng thấy phảng phất một vẻ trầm mặc, một nét thoáng buồn, càng khiến họ đáng yêu. Tôi đoán trước khi đến buôn bán ở đây, họ đã có một cuộc đời lạ lùng và phong phú, mà vết tích còn lại là những đồ vật kỳ dị, như thanh gươm, cái khánh đồng, con rùa ngọc, để trong một cái tủ kính mà gỗ đã long sơn. Với lại họ khác những người vui vẻ, thô sơ bên này thế; chị Thúy và Tiến đều có nước da trắng xanh, chân tay nhỏ nhắn, những dáng điệu thanh nhã, tiếng nói nhẹ, không như các người hồng hào vì cục mịch ở trước nhà tôi. Hồi ấy, tôi cho là vì họ ở cái vùng bí mật ấy, hay là vì họ là những người khác thường nên mới dám đến ở đó.

Tôi chơi với Tiến càng ngày càng thân mật; tôi được coi như một người con của gia đình ấy. Chị Thúy coi tôi như em, cũng săn sóc và âu yếm tôi như Tiến. Nhiều khi chị để tôi ngả đầu xuống bên lòng, xoa tóc tôi, hỏi những câu chuyện ân cần. Đến bây giờ trải qua bao nhiêu lâu, tôi vẫn còn nhớ, lúc nhìn lên, đôi mắt trong và cái miệng xinh thắm của nàng cúi xuống tôi, bàn tay nhỏ nhắn của nàng đặt trên trán tôi nóng vì chạy nhảy ngoài cánh đồng. Tôi còn nhớ mãi hình ảnh người con gái yếu điệu và tươi đẹp ấy, nổi lên trong thời niên thiếu của tôi như một nàng tiên hiền hậu, giữa một vùng cây cỏ lạ.

Nhưng không bao lâu, tôi phải từ giã người bạn nhỏ của tôi; thầy mẹ tôi dọn nhà lên Hà Nội, tôi cũng phải đi theo. Buổi cuối cùng của tôi với Tiến bên sông Sen vào một ngày mùa đông u ám và rét lạnh. Chúng tôi cùng nhau đi thăm một lần cuối cùng mấy ông tượng đá vẫn ngồi yên trong cỏ; giờ xa nhau gần đến, có lẽ không bao giờ còn gặp nhau nữa, song chúng tôi còn trẻ quá không biết buồn. Đến lúc Thúy đặt tay lên vai tôi, êm ái bảo:

- Bao giờ chị mới lại được gặp em?

Tôi bỗng thổn thức cả người, nước mắt tràn ra khóe mắt, tôi gục đầu vào vai Thúy khóc.

\*\*\*

Câu chuyện phải có lúc hết. Mười năm sau tôi mới lại có dịp trở về Văn Dương. Quang cảnh khác xưa, phố chợ bây giờ sầm uất hơn, nhà ngói san sát. Những người cũ ngồi bán hàng đều già, râu tóc bạc, và những trẻ cùng học với tôi trước kia bây giờ đã ngồi thay vào đấy, thành những người lớn trông lạ hẳn đi.

Tôi sang bên kia sông; cái cầu sắt không còn nữa: một đêm gió to, cầu bị sập và người ta cũng không sửa chữa vì con đường sang Bắc ít người qua lại. Bây giờ qua sông phải dùng đò. Tôi qua đò lúc buổi chiều, lúc sương đã bắt đầu xuống lẫn với khói trong mấy chiếc thuyền chài đậu ở bến đưa ra. Một cảnh hoang tàn đợi tôi: bên kia sông, giờ chỉ còn là miếng đất bỏ hoang, cỏ mọc trên những thềm nền nhà cũ. Một cái quán nước siêu vẹo trống không bên một gốc đa cằn. Cả một dãy phố đã mất đi, những cây cối lơ thơ và xơ xác dưới gió chiều: chỉ giặng cây bên đê vẫn còn, vẫn như cũ, bên con đường xa thẳm không biết về đâu, con đường sắp đầy ánh tối mệnh mông, tận chân trời không có một bóng người nào.

Tôi không dám đi xa nữa; buồn rầu, tôi trở lại đò, qua dòng sông đã xám dưới sương mù. Tôi không hỏi người lái đò xem những người trước ở đây bây giờ đâu, tôi chắc anh ta cũng không biết. Thấy chân cầu gạch đen rêu phủ, tôi nhớ lại người bạn nhỏ của tôi, nhớ đến Thúy, dáng điệu thùy mị đáng yêu của nàng, cái vẻ buồn lúc nào cũng phảng phất trên mặt nàng, bây giờ tôi đoán biết đã che kín bao nhiêu sự đổi thay đau đớn. Đôi mắt nàng như vùng trời trong thẳm

tôi đã được soi thấy cái dư vị của cuộc đời.

Lên bờ, tôi còn quay lại lần cuối nữa, nhìn rặng cây, cái quán, với làng mạc xa xa dưới chân giải núi tận đâu kia; vùng bên kia sông đối với tôi không còn bí mật nữa, chỉ còn cho tôi trông thấy cái buồn thảm của đất nghèo.

*Báo Ngày nay số 100, 6 tháng 3-1938.*

## Ngày Tết đọc lại Thạch Lam Vương Trí Nhàn

*“... những năm tiền chiến - và nhìn rộng ra, cả mấy chục năm đầu thế kỷ XX - cũng chính là thời gian mà, được sự gợi ý của Âu hóa, ý thức dân tộc trở dậy mạnh mẽ hơn bao giờ hết ...”*

Với tôi, Thạch Lam là ngôi bút của một đất nước buồn bã và của những vẻ đẹp nay đã bị đánh mất. Bởi vậy, -giống như một nghịch lý- ông thường trở lại trong tâm trí vào những ngày vui. Nhân dịp tết âm lịch Mậu Tí, xin gửi tới bạn đọc một chùm bài viết ngắn về Thạch Lam, tôi viết từ hơn chục năm trước và đã in vào một tập sách cũ mang tên *Chuyện cũ văn chương* (Hà Nội, NXB Văn học, 2001).



### 1. Những ngày Tết dưới con mắt một người Hà Nội lịch lãm

Sự tiết chế, sự điềm đạm vốn là một đặc điểm thấy rõ ở văn chương cũng như con người Thạch Lam. Biết điều đó, người ta sẽ không ngạc nhiên, khi nghe ông kể rằng ông thường đón Tết một cách không mấy vỏ vậ, đúng hơn là đơn sơ thanh đạm. *“Tết của nhà nghệ sĩ vốn giản dị... một chai rượu mùi, một gói kẹo, một gói thuốc lá, thế là đủ. Chẳng phải vì nghệ sĩ không*

*ước ao hơn, nhưng vì nghệ sĩ vốn nghèo”. Có điều, trong khi đứng tách riêng ra không chịu đua đả với mọi người về những tiện nghi vật chất, thì nhà văn ấy lại vẫn mở rộng lòng đón Tết, và cũng đủ hồi hộp rung động trước cảnh xuân sang.*

Qua văn ông, người ta đọc ra những cảm giác thiêng liêng mà có lẽ người Việt nào cũng trải qua, cái thiêng liêng nảy sinh trước tiên do bắt gặp những vận động tự nhiên của trời đất, nhưng lại càng thiêng liêng vì được cùng với người thân sống lại những phong tục tập quán đã được cộng đồng dân tộc hình thành qua ngàn năm lịch sử.

### **Những chiếc bánh chưng hay là nét đẹp của phong tục**

Những ai từng đọc [Hà Nội băm sáu phố phường](#) hẳn nhớ những tinh tế của ngòi bút nhà văn trong việc ghi lại các món ẩm thực hình thành của người dân thường Hà Nội. Trong khi quan sát mọi người chuẩn bị đón Tết, Thạch Lam cũng không quên nhắc lại những phong tục có tự ngàn đời, như việc gói bánh chưng chẳng hạn.

*“Ồ, chiếc bánh chưng vuông vắn và đầy đặn, màu xanh như mạ non, gạo nhien ra như bông tuyết và giữ trong lòng bao nhiêu quý báu của miếng ngon: lượt đậu mịn và vàng đậm, những miếng mỡ trong như hổ phách, những miếng nạc mềm lấm tấm hạt tiêu. Và thoang thoang một một chút mùi cà cuống, gắt như cô gái chua, sắc như mũi kim lạnh”.*

Trong những đoạn văn như thế, người ta không chỉ thấy sự thành thạo trong chuyện ăn uống, mà còn bắt gặp sự nhạy cảm riêng của tác giả trước cái quan niệm hàm chứa đằng sau các món ăn: Với người Hà Nội thanh lịch, mọi chuyện không được phép qua loa lấy lệ, hoặc xô bồ tùy tiện thế nào cũng được, mà phải kỹ lưỡng thận trọng, tuân theo những luật lệ nghiêm khắc và chắc chắn, bao giờ cũng gửi vào đấy một ý niệm về vẻ đẹp. Từ đấy, toát ra cái tinh thần của một nền văn hoá độc đáo mà theo tác giả, nếu không bảo nhau giữ gìn, ta sẽ đánh mất.

### **Phố xá với những sắc thái đa dạng**

Sau khi tự nhận rằng chỉ chuẩn bị cho Tết ở mức tối thiểu, Thạch Lam kể:

*“Thế rồi hai tay bỏ trong túi áo - và cầu trời cho thời tiết hơi rét và hơi mưa bụi, tôi lẫn trong đám đông xuôi ngược trên hai bên hè phố”. Nói cách khác, niềm vui của ông là được đi ngắm cảnh thiên hạ đón Tết. Trong tầm nhìn của ông, có cây cảnh phố xá, lại có đủ loại mặt người. Trầm lặng và như muốn lẫn đi giữa chung quanh, song con người ông vẫn có sức bao dung rất lớn.*

Qua những truyện ngắn như [Cô hàng xén](#), ta biết rằng Thạch Lam rất hay nói tới sự nhẫn nại, sự hy sinh. Thì ngay khi đi trên đường phố nhộn nhịp, ông cũng không quên điều đó.

*“Các thiếu nữ trong ngày sắm Tết có rất nhiều vẻ đáng yêu. Đi đâu mà vội vàng thế? Vẻ chậm sợ mẹ mắng hay sao? Áo quần không kịp trang điểm, mái tóc không kịp vuốt ve, cho nên có một vẻ lơ đãng, một vẻ xuềnh xoàng khả ái! Giờ này là giờ các cô đảm đang, đi mua đi bán, đem cái vui về cho em trai và mẹ già, các cô hết lòng lắm. Chen lấn vào đám đông, không sợ bị chèn ép xô đẩy. Đi guốc cao cho khỏi lấm gấu quần. Và nhất là tự nhiên và dung dị”.*

Với tư cách tác giả [Nhà mẹ Lê](#), [Gió lạnh đầu mùa](#), Thạch Lam dành ít dòng để nói về Tết của người nghèo:

*“...Ở ngoài bãi sông, Tết lại có một vẻ riêng đặc biệt. Trông đũa bé đội mũ bông, áo mới dài và rộng, đeo chiếc khánh mạ vàng, nhặt ngòi pháo đốt, thấy cả cái Tết ái ngại và nho nhỏ của cả một vùng”.*

Và đây nữa, một nét Tết lạ của Hà Nội, dưới con mắt Thạch Lam:

*“Đêm 29 Tết, vào giờ trước giao thừa... Có ai lên trước chợ Đồng Xuân, để nhìn những cái gì còn lại, những cái gì bị khinh bỉ từ chiều? Những cành đào xấu xí, ít hoa; những bát thủy tiên tội tã, đã chuyển tay hết người này sang người khác mà không được ai mua, những chậu cây cúc và thược dược rã rời và lấm đất. Dưới mưa bụi, bùn đã vấy lên trên những cành đào, mai rải rác trên đường, bao nhiêu bàn chân giày xéo (...). Để trang điểm cho những căn buồng tiêu tụy, những căn nhà lá nghèo nàn ở các ngoại ô đối với nhiều người, tuy xấu xí tội tã mặc dầu, những thứ ấy cũng vẫn là biểu hiện của ước mong, của trông đợi”.*

### **Một nét thần thái**

Rồi bao nhiêu chuẩn bị đã xong, điều mọi người háo hức chờ đợi, mừng một, mừng hai, những ngày Tết thực thụ đã tới với bức tranh thiên nhiên thoảng qua một chút xao động lẫn những cảnh tượng sinh hoạt như ngàn đời vẫn vậy. Thạch Lam không nói gì khác những điều ai cũng biết, ấy vậy mà đọc ít dòng ghi chép của ông, người ta vẫn cảm thấy như tất cả vừa được nhận ra lần đầu.

*“Qua bãi cát rộng, con sông ngày Tết từ từ trôi mấy bông hoa nát không biết ở đâu về. Đây Tết rải rải khắp ven bờ. Một cái bến vài con thuyền đỗ, thế là cũng có khói hương cũng có hoa đào và xác pháo (...)*

Ngoài trời lại mưa bụi. Xuân có vẻ dề nén, bao bọc và dằng dai:

*Ngõ trúc lùn tùn tun ngọn trúc  
Mưa xuân lún phún lụn ngày xuân.*

Không hiểu tại sao hai câu thơ không nhớ của ai ấy thật đúng cái cảm giác tôi có lúc mùa xuân”.

Câu chuyện về những ngày Tết dưới con mắt Thạch Lam tới đây đã có thể dừng lại. Song có một điều lóe người đi sau không khỏi vướng vấn: Hình như nhân nói về một ngày lễ cổ truyền, Thạch Lam vừa động chạm tới một cái gì lớn hơn thuộc về thần thái của sinh hoạt cộng đồng, nghĩa là những yếu tố trường tồn trong thời gian. Và ai người muốn thử cắt nghĩa tại sao đến nay nhiều bạn đọc còn rất thích văn Thạch Lam, có lẽ phần nào tìm được câu giải đáp: Lớn lên trong cảnh đất nước bị thực dân thống trị, song lại tiếp nhận được một cách nhuần nhị nền văn hoá Pháp, Thạch Lam (cũng như nhiều đồng nghiệp đương thời) đã biết hướng toàn bộ tâm tình vào việc yêu mến, tìm hiểu, khám phá cốt cách dân tộc. Mà cái cách trở về với dân tộc của Thạch Lam thì chân thành và cảm động. Ở đây mọi tình cảm không ồn ào song lại rất thấm thía, càng hiểu cái nghèo túng chật vật của hoàn cảnh người ta cảm thấy nặng lòng với đất nước đã nuôi nấng mình lớn lên. Đó là cách nhìn, là tấm lòng của những trí thức chân chính.

## **2.**

### **Một số báo Tết**

Công việc chuẩn bị cho những số báo Tết càng cho thấy rõ điều đó.

Nhìn vào Ngày Nay số 198, số Tết 1940, trước tiên chúng ta bắt gặp mấy lời rào đón mà dù Thạch Lam không ký tên, ta cũng đoán ra chỉ ông mới viết như thế.

Ông thận trọng giới thiệu bức tranh phụ bản mang tên *Dưới hoa* do Trần Văn Cẩn vẽ, cho thấy rằng đây là *“một bức vẽ có giá trị, những nét uyển chuyển hợp với các màu nhã và êm dịu”*, bởi lẽ, qua những hình ảnh được phác hoạ *“hai thiếu nữ, tóc còn buông xoã, mình hơi gầy vì còn non trẻ đứng tựa dưới cành hoa phù dung”* người ta có được *“một cảm giác mát mẻ và tươi*

sáng". Ông dừng lại kỹ hơn ở bức tranh dùng làm phụ bản cho báo, bức *Ba thiếu nữ* của Tô Ngọc Vân. Nói về một tác phẩm mà như Thạch Lam gọi ra cái thần của người nghệ sĩ (cố nhiên đây là Tô Ngọc Vân trước 1945): *"trong nét bút và màu sắc của họa sĩ này, có phẳng phất một đầm thắm xác thịt, một tình yêu các hình thể nở nà vừa đến độ nảy nở. Một vài đường nhịp nhàng và hoạt động, sự hoà hợp của vài màu tươi thắm, thế là họa sĩ đủ khiến chúng ta có một cảm giác hơi say mê và ân ái. Và nhận thấy cùng một lúc cái nghệ thuật chắc chắn và cái thông minh ý nhị của họa sĩ"*.

Tiếp đó, Thạch Lam đứng ra đạo diễn chung cả số báo, mà nhiều lần, khi làm báo Tết, Thạch Lam cũng đã góp vào đây những bài viết riêng. Có khi ông viết về tục đi hái lộc, tục gói bánh chưng, có khi ông trình bày những suy nghĩ riêng về những bức tranh Đông Hồ - vốn là một "tài sản" của vùng Kinh Bắc xưa. Có khi đơn giản hơn mà cũng trực tiếp hơn, ông trình bày những suy nghĩ của mình về mấy ngày Tết. Có vẻ như ông muốn chia sẻ với chúng ta một ít tâm tình và gợi ý: nên hiểu nên sống mấy ngày Tết ra sao.

Bài viết *Nghệ thuật ăn Tết* tiếp sau đây là một trong những trường hợp đó.

Tuy ngắn, song *Nghệ thuật ăn Tết* được viết chặt chẽ, súc tích và mang đầy đủ ý vị riêng vốn có ở ngòi bút Thạch Lam, một ngòi bút thiên về cảm giác và thường có những xúc động giàu chất thơ. Xin lưu ý thêm là trên văn bản còn có cả mấy cái *vi nhét* nho nhỏ kèm vào bài và cũng là của chính Thạch Lam.

### **Nghệ thuật ăn Tết**

*Hưởng, đấy là khôn ngoan; khiến hưởng, đấy là đức hạnh*

(Cách ngôn Ả-rập)

*Ngày Tết, đối với nhiều người, chỉ có thú vị khi nào nghĩ lại - người ta thường hay cùng nhau nhắc tới những Tết năm ngoái, năm xưa với một vẻ mến tiếc âu yếm, lẫn với đôi chút ngậm ngùi. Nhất những Tết ngày còn nhỏ... Lúc ấy, cùng với những nỗi vui ngày Tết đã qua, còn vương niềm thương tiếc tuổi niên hoa, cái tuổi mà người ta nhận là "vô tư lự", ngây thơ và sung sướng.*

*Nhưng nỗi nhớ tiếc ấy chẳng ích lợi gì, mà lại ngăn chúng ta không toàn hưởng được thời khắc hiện giờ. Đậm đà, mạnh mẽ hơn bao nhiêu là sự hưởng thụ ngay hiện tại, thêm vào cái thú hưởng những giờ vui, cái thú vô song của sự mình biết mình đương hưởng.*

*Ngày còn ít tuổi, tôi không hiểu biết được cái thú uống trà. Chén trà thơm lúc đó như sao bằng được những mộng đẹp tôi đang mơ tưởng trong lòng. Bây giờ tôi đã có biết rồi - và thỉnh thoảng một buổi sớm hay trưa, nâng chén trà lên để nhìn qua hương khói. Hưởng hương vị chén trà thì ít, nhưng hưởng cái thú ở đời, và nhất là hưởng cái giờ khắc nghỉ ngơi, nhàn nhã, mà tự mình cho phép (người ta chỉ có thể hưởng được cái khoái lạc của nghỉ ngơi, khi biết cái nghệ thuật nghỉ ngơi cũng như biết cái nghệ thuật làm việc).*

*Tôi hiểu là vô ích và điên dại cuộc theo đuổi mộng ảo không cùng, việc lần để ngày lại ngày hạnh phúc. Tôi hiểu rằng hoa nở sớm nay cũng tươi đẹp chẳng kém hoa nở ngày mai, thời tiết xuân nay êm dịu hơn xuân bao giờ hết, và trời trong cùng ánh nắng kia hiện giờ đã đẹp vô ngần...*

*Tết! Còn dịp nào trong đời ta nhiều thú vị vui tươi hơn nữa. Ngày Tết nhắc ta nhớ lại những Tết đã qua, và khuyên ta an hưởng ngay cái Tết bây giờ. Đêm giao thừa "thời gian qua nghỉ bước trên từng cao"[1] là giờ khắc say sưa êm dịu nhất. Hưởng mùi thơm thuy tiên, cánh*



hồng hoa đào nở, hương làn khói trầm vấn vít đủ lên cao. Hương đi, trong cái khoái lạc của sáng suốt, trong cái minh mẫn của tinh thần, trong sự thư thái thanh thoi của lòng bình tĩnh. Tiếc thương như gia vị và mong mỗi như làm ấm nóng cái thú vô cùng.

Rượu sánh trong cốc pha lê trong trộn mùi khói pháo với hương thủy tiên. Tiếng pháo nổ vui từ nhà nọ sang nhà kia, liên tiếp, đi mãi vào trong đêm để làm vang động bầu không khí xuân của khắp cả các gia đình. Đó là tiếng hiệu lệnh của sự thông đồng chung hưởng.

\*\*\*

Lúc đó mỗi nhà đều uống rượu thường năm mới. Rồi chiếc bánh chưng đầu năm mang lên, xanh mịn trên đĩa trắng. Bánh chưng gói khéo thì vuông và chắc rắn: gạo mềm và niễn, nhân đậu và mỡ quánh vào nhau. Chỗ nạc thì to ra như bông gạo. Có nhà gói lấm nạc, nhưng nhiều mỡ vẫn ngon hơn: mỡ phần, chỗ giòn, lúc chín thì trong, và không có thớ. Bánh chưng kẻ mặn là phải vị. Nhưng có dăm bảy chiếc gói ngọt cũng hay. Chỉ khó làm sao cho đừng sượng, và đường với đậu phải biến với nhau mà thôi.

Tưởng lúc xén dưa đưa miếng bánh chưng lên, thoảng mùi lá dong thơm và mùi nếp cái, ăn với dưa hành trong như ngọc thạch, hoặc với củ cải đậm và ròn như pháo xuân! Đó là tất cả hương vị của cái Tết Annam, ngày nay và ngày xưa.

\*\*\*

Sáng mùng một, chúng ta uống rượu và ăn mứt. Rượu hẳn là phải rượu tây: những thứ vang cũ ngọt như Porto, nồng chua như Vermouth, hay say như Cognac. Uống những thứ ấy thích hơn liqueurs. Nhưng sao ta không có rượu ngon của ta? Tiếc vì bây giờ cái gì của người mình cũng vụng về và giả dối. Còn đâu thứ rượu cau có tiếng ở Hoàng Mai, thứ rượu cúc nổi danh ở tỉnh Bắc? Cái hào nhoáng, cái lộng lẫy bề ngoài đã thay cái chân thực, cái cần thận của người xưa. Đơn sơ và cấu thả đã cướp chỗ của tốt bền, ở tất cả những sản phẩm của nước mình.

\*\*\*

Mứt ngày trước cũng ngon và khéo léo hơn mứt bây giờ. May gần đây, sự làm đã khá. Đã có mứt sen Cự Hương, mứt khoai Việt Hương, vị cũng nhã, mà trình bày lại sạch sẽ, tinh tươm. Đem làm quà ngày Tết kể cũng tạm được.

Mứt phải đủ ngũ vị: ngọt, bùi, đậm, béo và cay. Thứ mứt gừng cay là quý nhất. Chỉ tiếc thay mứt gừng ngoài Bắc thô và mạnh quá. Tôi ước ao được một ngành mứt gừng ở trong Trung - mứt gừng của Huế, làm bằng mầm gừng non và cả nhánh, trong như ngọc và cay mềm dịu cũng như con gái Huế.

\*\*\*

Thế rồi đi du xuân ngày mùng một, nhìn cây nêu phấp phới trước các nhà, tiếng khánh sành reo theo gió. Một cuộc hoà nhạc của sắc màu: quần áo mới của bầy trẻ, xác pháo đỏ trên gạch rêu, màu hồng nhạt hay đỏ tươi của câu đối giấy dán trên cổng, và màu củ cẩm (hay cánh sen) trên những tranh tết – nhất là cái màu tím mát ấy, màu của đất nước Annam, của thời xưa chân thật mà không bao giờ nhìn tôi không thương nhớ ngậm ngùi...

\*\*\*

Trong lúc đó, trời xuân đầy mây thấp và gần gũi, thời tiết êm ả như đợi chờ, gió xuân nhẹ như hơi thở, và cây cối đều nở mầm non, lộc mới - tất cả cái gì như đầm ấm, như dịu dàng. Còn hưởng cái thú nào man mác và thanh cao hơn nữa?

\*\*\*

Cho nên ngày Tết, tôi mong các bạn cùng vui vẻ tươi sáng như ánh mùa xuân, trong khi lần giở những trang của tập báo vì các bạn này.

### 3.

#### Cảm xúc về đất nước

Đọc *Hà Nội băm sáu phố phường*, người đọc đã có dịp cùng với Thạch Lam sống và lắng nghe nhịp sống của một vùng đô thị thuở thanh bình. Trước đó, đọc những truyện ngắn như *Dưới bóng hoàng lan*, *Gió lạnh đầu mùa*, *Nhà mẹ Lê*... chúng ta đã thấy nhà văn này mang nặng những tâm tình riêng và có một sự trân trọng riêng với những hồn quê mộc mạc.

Nhưng Thạch Lam - nhà văn với một vốn liếng văn hoá vững chắc, cây bút có cốt cách trí thức điển hình - còn đi xa hơn thế. Trong mấy năm cuối đời, ông thường để cho cảm hứng trang trải tới những khu vực tưởng như trừu tượng hơn, mà lại là nơi cô kết mọi tình cảm của chúng ta - ông hay nói tới đất nước.

Con đường riêng được ông lựa chọn, là nói về nghệ thuật dân tộc. Trong những dịp tết, ông kể chuyện về những bức tranh Đông Hồ với “*những màu tuy tươi thắm mà cổ xưa, màu cánh sen, màu xanh lá mạ, là bài ca hát của người và vật truyền nhau trên đồng ruộng*”. Còn như đọc bài viết dưới đây, chúng ta sẽ được cùng ông trở lại với những tiếng hát dân gian - những điệu xẩm. Ông phác ra khung cảnh ở đó người ta nghe hát. Ông chăm chú đọc ra những điều người ta trông chờ và gửi gắm qua các điệu hát.

Và nhất là ông tìm cách ghi lại những cung bậc tình cảm của mọi người - cả người hát lẫn người nghe - trong cái cảnh diễn dân dã đó. Nhà văn muốn thử làm một công việc khó khăn và hấp dẫn là mang lại cho tâm hồn dân tộc một hình hài, một khuôn khổ. Câu văn ông có chỗ lúng túng, ngập ngừng như chính ông cũng chưa biết làm sao ghi cho chính xác cái trạng huống của tâm tình. Mặc! Ông vẫn cảm thấy phải nói ra bằng được những nỗi niềm bấy lâu đã nấu nung trong lòng mình. Cái hồn của đất nước được Thạch Lam gọi ra bằng những lời lẽ riêng. Ông đã nhuộm cho cảnh vật, cánh đồng, con đường, cây đa, bến nước.... một sắc thái riêng - sắc thái Thạch Lam. Giờ đây, người ta có thể nghĩ khác về đất nước, so với những điều Thạch Lam đã nghĩ gần sáu chục năm trước. Nhưng lòng yêu đất nước của ông, thì tưởng như nói đi nói lại bao nhiêu cũng không đủ.

#### Đọc đường

*Một con đường dài dưới sáng trăng. Hai bên dãy nhà lá thấp, mái tranh cũ như lặn vào màu trời. Một cây đa lớn trong bóng tối thấp thoáng ánh trăng của vài chiếc bình vôi.*

*Đấy là một phố chợ nhỏ miền hạ du, một cảnh rất quen mắt ở chốn bùn lầy nước đọng. Trong các căn nhà lụp xụp và tối tăm ấy, sống những gia đình nhỏ An Nam [2], những người nghèo hèn mà đời kiếm ăn thật là eo hẹp và chật vật. Những đêm sáng trăng này, họ vui vẻ. Tâm hồn giản dị của họ chịu ảnh hưởng của thời tiết một cách mật thiết, không tự biết. Cái vui của họ dễ đến, nhưng mà cũng dễ đi - và tiếng cười của họ có khi nổi lên vô tư lự. Họ xúm quanh lại ngồi nghe một đám xẩm già, đánh cây đàn bầu gỗ mộc, và ca hát những bài hát tự nghìn xưa vẫn lưu truyền trong dân gian, ai cũng thuộc nhớ, mà lần nào họ cũng vẫn muốn nghe. Những bài hát thương tiếc cái tình tuyệt vọng của anh chàng lười Trương Chi, ngậm ngùi cái tình bằng hữu của Lưu Bình Dương Lễ, hay tán thưởng lòng can đảm của Thạch Sanh. Muốn cảm động được đám người mộc mạc ấy, những tính tình kia cũng phải thu về giản dị và cổ sơ - những tính tình mới có của người bước vào vòng lễ nghĩa, của những tâm hồn chất phác như những tâm hồn vẫn giữ chất phác kia.*

*Qua cảm động, đến vui cười, chế nhạo và giễu cợt. Những bài về quê mùa, những câu đố*

*hóm hĩnh, những bài ca hơi chút dĩ thoã và trai lơ. Đánh tam cúc, Đi hái chè, Lầy chồng già, chồng trẻ... bao nhiêu tiếng cười thẳng thắn và hồn nhiên nổi lên khuyến khích và điểm vị cho câu hát. Và cái tiếng cười cợt trong câu hát ấy, hơi đơn sơ và thành thật, láu lỉnh như nháy mắt với người bên cạnh, giễu cợt có khi cay chua nhưng mà không ác ý, có đôi chút triết lý rộng lượng với những hèn yếu của người đời - đó là tiếng cười cợt Annam, của lũy tre, của ruộng lúa. Lên đến cao nguyên, vùng rừng vùng núi, tiếng cười câu hát ấy đã thêm một chút man mác, rộng rãi nhớ thương, thêm một chút buồn xa xôi và tưởng nhớ.*

\*\*\*

*Ai là người cúi xuống góp nhặt và thưởng thức những bông hoa trong nội cỏ đất nhà ấy, giữ lấy mùi hương thơm mát mẽ và kín đáo, từ xưa vẫn thấm nhuần cảnh vật quanh ta?*

\*\*\*

*Một chuyến đò ngang, một xá chợ, một đầu đường... chỗ nào có dăm ba người nghe là có đám xẩm xoan lên tiếng. (Dễ thử đến có khi chẳng có ai nghe nữa, mà một ông cụ xẩm cũng vẫn gảy đàn và ca hát, đôi mắt đưa lên như cố hình dung những bóng người tưởng tượng, và lắng tai nghe chờ đợi không biết đến bao giờ một tiếng đồng trên chậu thau). Cái giọng hát xẩm thật là một giọng hát đặc Annam. Hay là tôi tưởng thế, bởi vì mỗi lần nghe cái giọng hát buồn buồn, tâm thường và quê mùa ấy, là mỗi lần tôi thấy như đê nén, quần quai trên tâm hồn tôi, cái tâm hồn hèn mọn và nhẩn nại của giống nòi - của cả đồng ruộng nghèo nàn và bạc bẽo phủ sương chiều. Tôi không muốn một bài ca hùng hồn, hăng hái, đầy những công việc xuất thế, anh hùng, bởi vì không phải thật là như thế. Tôi nhận ra cái hèn mọn, nghèo nàn kia, nhận một sự buồn mà người ta phải chịu vậy, nhưng mà tôi yêu mến, thiết tha cái linh hồn thật của đất nước ấy, là linh hồn của tôi, có những ràng buộc chặt chẽ, những rung động thẳng ngay đến bên trong. Cái giọng hát quê mùa, không có gì là cao quý nhẩn nại, không có gì là siêu việt, là cái giọng hát đã làm cảm động những người cùng giống với tôi, những người sống chật vật, khó khăn, nhưng mà vẫn vui vẻ, vẫn tin trời, không ghen ghét mà cũng chẳng thù hằn ai. Trên manh chiếu rách giải ngay mặt đất đó, đã diễn ra bao nhiêu lần cái cảnh sinh hoạt của người bình dân Annam. Tiếng đàn, nhị một điệu nhắc đi nhắc lại, quen thuộc và êm ả, như trên cánh đồng lúa, ngày lại ngày, năm rồi qua năm khác, đem lại cũng chừng ấy công việc, chừng ấy vui buồn.*

*Đường, chợ chúng ta sẽ vắng lạnh, nếu không còn giọng ca hát nữa.*

\*\*\*

*Làn khói rắc buổi chiều ở đầu làng, vì không có gió đưa, nên là sát mặt đất để lẫn vào dải sương mù bắt đầu rơi xuống cánh đồng. Tiếng ếch nhái xanh ròn trên ruộng mạ. Và bóng người dãi qua cái quán gạch giữa cánh đồng, cái quán gạch giờ này trơ vơ và lạnh lẽo.*

*Bạn có nhận thấy cứ đến buổi chiều sương phủ, những làng mạc xa xa hình như thu bé lại, thấp xuống, thấp xuống để lẫn với đất ruộng, còn cánh đồng mênh mang bóng tối thì từ từ dâng lên ngang với chân trời? Giờ khắc ấy, ở đâu ra mà khắp cả, trên dưới và khắp bốn phương, hình như tiết ra ở cảnh vật, ở cây cỏ, ở ruộng nương, một nỗi buồn thấm thía, không đâu, một nỗi buồn vừa chán nản vừa chua xót, khiến người ta bỗng dưng thấy lạnh lẽo, thấy lẻ loi? Tranh giành, chiến đấu bấy giờ thấy vô ích và quá sức yếu ớt của mình. Phải dễ dãi, phải thân mật, để được gần gũi người khác cho thêm ấm cúng.*

*Đó là cái mạch buồn riêng của đất nước nhà, âm thầm như dòng suối dưới nội cỏ, cái mạch buồn hiu hắt chảy trong sông, hay xa xôi theo dải đê đến tận chân trời. Cảnh của ta tuy nhiều nơi thật là đơn sơ, bằng phẳng, nhưng có vẻ riêng biệt cảm dỗ chúng ta. Chúng ta tha thiết mến yêu có lẽ vì cảnh vật như một tấm gương, và chúng ta thấy chiếu vào trong đó*

*hình ảnh và tâm hồn của chính chúng ta.*

*Chúng ta nghèo nàn, nhưng chúng ta biết sự nghèo nàn ấy.*

\*\*\*

*Đọc đường cái quan, ngày xưa, còn có chiếc cầu dịp đá, và bóng đũa của những cái cồng xanh. Những ngày rục rờ, còn có vồng lọng tung bồng của một ông nghệ về vinh quy, với cô gái quê má lúm răng đen, gợn mình trong chiếc vồng, âu yếm nhìn ông tân khoa, chồng ta, và do công ta thức khuya dậy sớm hái dâu dệt lụa để chàng ăn học.*

*Bây giờ những cái đó đã mất rồi, mà trên đường, chúng ta chưa có cái gì khác thay vào. Chúng ta đi, hai bàn tay trắng.*

Văn bản trích từ tuần báo *Chủ Nhật*, số ra 16/11/1940 (*Chủ Nhật* là cơ quan của Tự lực Văn đoàn ra đời sau khi *Ngày Nay* bị đóng cửa nhưng cũng chỉ tồn tại một thời gian ngắn).

#### 4.

##### **Một cách tìm về dân tộc**

Khi nói đến thời tiền chiến, nhiều người chỉ nghĩ đó là thời kỳ xã hội ta “Âu hoá”, hội nhập với thế giới hiện đại. Thế nhưng những năm tiền chiến - và nhìn rộng ra, cả mấy chục năm đầu thế kỷ XX - cũng chính là thời gian mà, được sự gợi ý của Âu hóa, ý thức dân tộc trở dậy mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Các nhà trí thức chia nhau gánh vác những công việc một dân tộc muốn tự hiểu mình, tự biết mình, bắt buộc phải làm: Viết lại lịch sử. Suu tầm thơ văn cũ. Nghiên cứu về tục ngữ ca dao, về tranh dân gian, về ca trù. Bàn lại về *Cung oán*, về *Truyện Kiều* v.v. Việc gì cũng được làm một cách thận trọng. Riêng các nhà văn nhà thơ cũng đóng góp vào việc này theo cái cách của riêng mình. Có người viết truyện theo lối tiểu thuyết hoá các sự kiện, các nhân vật đã sống cách đây vài thế kỷ. Có người ghi lại những nếp sống cổ truyền đang dần mai một. Có người đưa vào thơ mình cái hồn thơ dân gian duyên dáng, trữ tình...

Có thể nói trong suốt trường kỳ lịch sử, chưa bao giờ sáng tác văn chương lại trở nên gần gũi với đời sống bình thường của xứ sở như lúc này.

So với một số đồng nghiệp trong Tự lực Văn đoàn, trên đường trở về với dân tộc, có vẻ như Thạch Lam không có nhiều may mắn trời cho. Ông không có cái vốn dân gian bền chặt như Tú Mỡ, cũng không biết chữ Hán và thuộc nhiều sử sách cũ như Khái Hưng. Trong khi một người như Nhất Linh còn có lúc viết một thứ văn nghiêng hẳn về quy phạm cũ (*Nho phong, Người quay tơ*) thì Thạch Lam, ngay từ lúc xuất hiện, đã bộc lộ một cốt cách Tây học không giấu vào đâu được. Chỉ cần quan sát kỹ câu văn của Thạch Lam, người ta có thể nhận ra sự gần gũi của ông với nền văn chương tiếng Pháp rõ rệt đến độ nào.

Nhưng Thạch Lam là một nghệ sĩ bẩm sinh, hơn thế nữa, một nghệ sĩ được đào luyện chắc chắn về văn hoá. Một người gọi là thẩm nhuần văn hoá thực thụ, một trí thức chân chính, dù lớn lên trong hoàn cảnh nào, cũng sẽ nặng lòng với cái dân tộc đã sinh ra mình, cũng muốn trở về với cội nguồn, và có những xúc động sâu xa trước đời sống quê hương, nhất là khi quê hương đó đã phải chịu đựng nhiều đau khổ.

Và chúng ta, nếu chăm chú đọc lại Thạch Lam, sẽ thấy một vương vấn thường xuyên về dân tộc, như một ám ảnh. Ông để tâm suy nghĩ về quê hương, làng xóm, những người lao động nghèo túng vất vả, những nét phong cảnh như ngưng đọng tự bao đời. Và ông viết về những nét đẹp của quê hương như trong bài *Tranh Tết* mà sau đây bạn đọc sẽ đọc.

Với cái nhìn ngả sang xã hội học, trước tiên Thạch Lam tìm thấy ở những bức tranh Tết (ở đây là tranh Đông Hồ) một ý nghĩa nhân sinh rõ rệt. Ông yêu nhất ở tranh, cũng như ở cuộc đời thường, cái vẻ mộc mạc. Ông ân cần nhận ra rằng giữa người làm tranh và những người dân thường chẳng có sự khác biệt là bao, nhờ thế các tranh có được cái vẻ sống thật, nó là cái thi vị riêng mà chỉ các tác phẩm dân gian mới có. Còn như cái việc phần lớn các tác phẩm ấy mang tính cách khuyết danh, lại được ông xem như một nét đẹp; “*Trong sự giấu tên kín tiếng của các nghệ sĩ xưa ấy, có một cao quý và trong sạch đáng yêu*”.

Song nói vậy, không có nghĩa là Thạch Lam chỉ biết có mơ mộng. Trong một bức tranh quen thuộc như Đám cưới chuột, ông ghi nhận một triết lý dân gian: nhẫn nhục chịu đựng, thích ứng để sống. Người ta cảm thấy khi viết những lời bình luận về bức tranh này, ở Thạch Lam vừa thoáng qua một nụ cười vui, tự hào, vừa có một nỗi âm thầm đau xót, thông cảm.

Cái khó của một nhà văn khi viết về hội họa là phải diễn tả phải diễn ra bằng lời những điều nhà nghệ sĩ đã miêu tả bằng đường nét và màu sắc. Cũng là một điều dễ hiểu khi Thạch Lam đôi lúc tỏ ra lúng túng, và chắc chắn ông không bằng lòng với mình. Có điều, chỉ qua mấy câu bàn kỹ vào giá trị nghệ thuật của tranh dân gian, Thạch Lam vẫn tự chứng tỏ là ông hiểu khá kỹ về nghề vẽ và nhất là có một mỹ cảm tinh tế. Ông xa lạ với những gì vụng về, giả dối, lộn xộn. Ông thích những giá trị lâu bền. Khi Thạch Lam viết rằng “*cái nghệ thuật phải tự nhiên và thật*” thì đó không phải là nhận xét riêng của ông về tranh dân gian: đây cũng là những tiêu chí nghệ thuật mà nhà văn này theo đuổi và đã có dịp bộc lộ qua các sáng tác.

Trong cái mỹ cảm tinh tế ấy của Thạch Lam, người đọc hôm nay nhận ra một phần quan niệm về cái đẹp của ông cha ta, của người Việt chúng ta nói chung. Và như vậy, đã có thể nói là trên con đường tìm về dân tộc, Thạch Lam (với cái vốn văn hoá Tây phương như đã nói ở trên) cuối cùng vẫn là một trong những người tới đích sớm.

### **Tranh Tết**

*Những tranh ngày Tết người ta bán nơi nhà quê kẻ chợ. Đó là những tranh khắc gỗ, do mấy làng làm. Tranh vẽ nhiều cảnh, tất cả cuộc sinh hoạt của thôn xóm Annam, những bà mẹ và trẻ em thường gọi là “tranh gà lợn”. Đó là những tranh rất cổ của ta.*

*Những bản gỗ của các tranh ấy không rõ có từ bao giờ, và do ai vẽ. Trong sự giấu tên kín tiếng của các nghệ sĩ xưa ấy có một cao quý và trong sạch đáng yêu. Đó hẳn là những người bình dân vẫn sống chung lộn với những người khác trên đồng ruộng, cùng sống một cuộc đời, cùng làm những công việc im lặng và khó nhọc. Họ không biết họ là nghệ sĩ, và có lẽ, nếu không có một trường hợp nào đó, một kích thích gì đột nhiên, họ suốt đời không bao giờ vẽ cả.*

*Những người đó vẽ với tất cả tâm hồn của họ. Vẽ đối với họ tức là sống lại ngay chính cái đời họ sống. Những cảnh đồng ruộng, các công việc cày cấy, những cảnh trong gia đình hay ở sân sau, được họa trên giấy một cách rất linh động và đúng nét. Cái khoa học đáng điệu của họ - nếu có thể gọi được thế, một sự tự nhiên, không xếp đặt trước - thật là lạ lùng. Đáng điệu của người cày ruộng, người quạt thóc v.v... như sống thật. Tất cả cái thi vị, một mạc và đơn sơ của đồng ruộng, phô diễn trên giấy. Những gia súc, vì họ sống gần gũi và thân mật với chúng, trong nét họa cũng trở nên thân mật như thực. Cả đến các gia thần, ông Táo Quân, ông Thổ Công, cũng chỉ là những người cùng sống chung dưới một nóc, có liên lạc mật thiết đến cuộc đời của người.*

\*\*\*



Những nghệ sĩ Annam của thôn quê đó còn cả cái giễu cợt khôi hài ý tứ và chân thật nữa. Trong bức tranh “Đám cưới chuột”, hay “Ông đồ ếch và học trò” có thấm thía một cái duyên vui và rộng lượng. Những người giản dị ấy không mất lòng kính trọng của họ đối với mọi việc. Cái roi mây trong tay ông đồ hay cái hoả lò để quẹt nước cho thầy biểu hiện tất cả cái tinh thần cốt yếu của buổi học, cùng một lúc với cái khôi hài thân mật của người vẽ.

Trong cảnh “đám cưới chuột” tôi thấy sự mềm dẻo và, quen đi, dai dẳng của cuộc sống. Bao nhiêu triết lý trong việc dâng biếu cá cho chú mèo! Tất nhiên là muốn được an hưởng thì phải dứt lốt; trước khi đám cưới đi, người ta đã trừ tính rồi. Mới đầu còn là sợ hãi bắt buộc, rồi sau mãi, biết đâu lại không thành quen đi, và lấy làm sung sướng và vui vẻ nữa. “Ngài” sẵn lòng nhận cá, thế là ơn huệ rồi.

\*\*\*

Tôi muốn dừng lại lâu hơn ở những cảm tưởng mà các tranh tết ấy đã dạy trong trí tôi. Không phải là họa sĩ, tôi e sự phán đoán về màu, nét của tôi không đủ đúng đắn. Những bức tranh mộc mạc ấy, ngày tết, trang hoàng cho vách đất, cửa phen ở thôn quê, chỉ là hình ảnh của cái đời ấy. Những màu tuy tươi thắm mà cổ xưa, màu cánh sen, màu xanh lá mạ, là bài ca hát của người và vật truyền nhau trên đồng ruộng: cái gì tựa như một tục lệ hằng năm nhắc lại, mà không vì thế mất vẻ đáng yêu.

Tôi ước ao những tranh ấy cứ còn mãi. Những bản gỗ ấy bây giờ còn ở làng Hồ (Bắc Ninh). Hình như còn vài làng nữa, tôi không nhớ tên. Những màu sắc đều lấy trong thảo mộc cả. Bởi vậy không có cái sắc lánh và lạnh rần của kim loại, vẫn dịu và mát tuy rất tươi. Màu đen rất ám cúng, êm như nhung, và màu trắng thì ánh như xà cừ.

Mấy năm gần đây, đã có thấy các chợ bày những tranh lới mới, vẽ những cảnh bây giờ. Nhưng vụng về và giả dối, thật rõ cái không trật tự, sự lẫn lộn của các giá trị ở buổi này. Không phải ai cũng có thể vẽ được những tranh đẹp như cũ. Phải cần một họa sĩ mà tâm hồn cảm thẳng ngay với cảnh vật của đất nước, không cần đến sự môi giới của trí thông minh. Cái nghệ thuật phải tự nhiên và thật.

Họa sĩ Nguyễn Gia Trí mấy năm trước đây có khắc vài bản gỗ mà họa sĩ gọi nhữn nhận là một “cuộc thí nghiệm”. Với tôi, sự thí nghiệm ấy đã thành công đầy đủ rồi. Trong mấy bức chụp đây, người ta thấy rõ họa sĩ đã đi đúng đường. Đáng điệu và các nét thật linh hoạt và phối phối. Tôi không thể nói hết được cái giá trị cao về nghệ thuật.

Một hương vị cổ kính và mãi mãi hiện ra trong các tranh ấy. Cử chỉ của cô bé đội lá sen trên đầu để che mưa có tính cách gì bình dân và Annam lắm. Và cây bàng lá thu che bóng cho chị hàng rươi tựa bao nhiêu năm trở lại.

Những tranh Tết kia là hình ảnh bằng màu sắc của cuộc sống Annam, cũng như những câu ca dao là hình ảnh thơ điệu. Hai nghệ thuật cùng một nguồn và nghệ sĩ nọ có khi là nghệ sĩ kia. Sống cùng một màu đất và cùng một gió mùa, họ lưu truyền cái gì là sâu sắc, bền chặt và tinh túy nhất trong tâm hồn chung của dân gian, yên tĩnh hay biến đổi, nhưng biểu lộ trong tất cả trạng thái có khi rất nhỏ nhặt của cuộc đời.

[\*] Bài viết trên đây của Thạch Lam được viết ra đầu xuân 1941. Năm đó, cả Phong Hoá, Ngày Nay đều đã đình bản, tờ Chủ Nhật ra được mấy số cũng bị rút giấy phép, nhóm Tự Lực không còn báo trong tay, đành phải tổ chức một đầu sách gọi là Sách tết Đòi nay. Lại một điều là trong cuốn sách 48 trang khổ to như báo ấy, các tác giả Thế Lữ, Khái Hưng đều không ký tên thật của mình sau các bài viết. Và Thạch Lam cũng vậy. Chúng tôi chỉ căn cứ vào giọng văn và nội



*dung bài viết mà khôi phục lại tên tác giả.*

[1] Lời thơ Thế Lữ

[2] Để giữ nguyên màu sắc lịch sử của tác phẩm, chúng tôi giữ nguyên những chữ như Annam (mà không thay bằng Việt Nam). Song các lỗi chính tả thì đã chữa, để phù hợp với chính tả tiếng Việt hiện hành.

Nguồn: Chuyện cũ văn chương  
(Hà Nội, NXB Văn học, 2001)

## Nhà mẹ Lê

Đoàn Thôn là một cái phố chợ tồi tàn gần ngay một huyện lỵ nhỏ ở trung châu . Hai dãy nhà lợp xúp, mái tranh xuống thấp gần đến thềm, che nửa những cái chái nửa đã mục nát. Gần đấy là những quán chợ xiêu vẹo đứng bao bọc một căn nhà gạch có gác bưng bít như một cái tổ chim, nhà của một người giàu trong làng làm ra để bán hàng. Người ở phố chợ là bảy tám gia đình nghèo khổ không biết ở đâu, mà người dân trong huyện thường gọi một cách khinh bỉ: những kẻ ngụ cư . Họ ở đâu đến đây kiếm ăn trong mấy năm trời làm đói kém, làm những nghề lật vật, người thì kéo xe, người thì đánh đập, hay làm thuê, ở mướn cho những nhà giàu có trong làng. Người ta gọi mọi gia đình bằng tên người mẹ, nhà mẹ Hiền, nhà mẹ Đồi, nhà mẹ Lê . Những gia đình này giống nhau ở chỗ cùng nghèo nàn như nhau cả .

Nhà mẹ Lê là một gia đình một người mẹ với mười một người con. Bác Lê là một người đàn bà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay nhăn nheo như một quả trám khô . Khi bác mới đến phố, ai ai cũng chú ý đến đám con của bác: mười một đứa, mà đứa lớn mới có mười bảy tuổi! Đứa bé nhất hãy còn bé trên tay

Mẹ con bác ta ở một căn nhà lá . Chừng ấy người chen chúc trong một khoảng rộng độ bằng hai chiếc chiếu, có mỗi một chiếc giường nan gãy nát . Mùa rét thì trái ổ rơm đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc. Đối với người nghèo như bác một chỗ ở như thế cũng tươm tất lắm rồi . Nhưng còn cách kiếm ăn ? Bác Lê chật vật, khó khăn suốt ngày cũng không đủ nuôi từng ấy đứa con. Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác ta đã phải trở dậy để đi làm mướn cho những người trong làng. Những ngày có người mướn ấy, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà .

Đó là những ngày sung sướng. Nhưng đến mùa rét, khi các ruộng lúa đã gặt rồi, cánh đồng chỉ còn trơ cuống rạ, dưới gió bắc lạnh như lưỡi dao sắc khía vào da, bác Lê lo sợ, vì không ai mướn bác làm việc gì nữa . Thế là cả nhà nhịn đói, mấy đứa nhỏ nhất: con Tý, con Phún, thằng Hy mà con chị nó bé, chúng nó khóc lả đi mà không có cái ăn. Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét như thịt con trâu chết. Bác Lê ôm lấy con trong ổ rơm, để mong lấy cái ấm của mình áp ủ cho nó . Thằng con lớn thì từ sáng đã cùng thằng Ba ra cánh đồng kiếm con cua, con ốc, hay sau mùa gặt, đi mót những bông lúa còn sót lại trong khe ruộng. Thật là sung sướng, nếu chúng mang về được một lượm, trong những ngày may mắn. Vội vàng bác Lê đẩy con ra, vợ lấy bó lúa, đem để xuống dưới chân vò nát, vét hạt thóc giã lấy gạo . Rồi làm một bữa cơm nóng lúc buổi tối giá rét, mẹ con ngồi chung quanh nồi cơm bốc hơi, trong khi bên ngoài gió lạnh rít qua mái tranh.

\*\*\*

Cuộc đời của gia đình bác Lê cứ như thế á mà lặng lẽ qua ngày nọ rồi lại đến ngày kia . Tuy vậy cũng có những ngày vui vẻ . Những ngày nắng ấm trong năm, hay những buổi chiều mùa hạ, mẹ con bác Lê cùng nhau ngồi chơi ở trước cửa nhà . Các người hàng xóm cũng làm như

thế, các bà mẹ ngồi rủ rỉ với nhau những câu chuyện kín đáo; các trẻ con nô đùa dưới quán chợ, còn các bà già thì ngồi giữ tóc cho chúng và gọt tóc chúng bằng mảnh chai sắc. Thằng cả ngồi đan lại cái lò. Còn những đứa khác chơi quanh gần đấy. Trong những ngày hè nóng bức, con bác Lê đưa nào cũng lờ đầu. Bác ta bảo là một cái bệnh gia truyền từ đời ông tam đại nên bác lấy phẩm xanh bôi cho chúng nó. Trông mẹ con bác lại càng giống mẹ con một đàn gà, mà những con gà con người ta bôi xanh lên đầu cho khỏi lẩn. Người phố chợ thường nói đùa bác Lê về đàn con đông đúc ấy. Bác Đồi kéo xe, người vui tánh nhất xóm, không lần nào đi qua nhà bác Lê mà không bảo:

- Bác phải nhớ thỉnh thoảng đếm lại con không quên mất.

Bác Lê bao giờ cũng trả lời một câu:

- Mất bớt đi cho nó đỡ tội.

Nhưng mọi người biết bác Lê quý con lắm. Tuy bác hết sức công bằng, người ta cũng thấy bác yêu thằng Hy hơn cả. Nó là con thứ chín, ốm yếu, xanh xao nhất trong nhà. Bác thường bế nó lên hôn hít, rồi khoe với hàng xóm, nội cả nhà chỉ có nó là giống thầy cháu như đúc. Rồi bác lại ôm con ngồi lặng yên một lát, như để nhớ lại chuyện gì đã lâu lắm.

Những đêm sáng trăng mùa hạ, cả phố bắc chõng ngồi ngoài đường, vì trong nhà nào cũng nóng như một cái lò, và hàng vạn con muỗi vo ve. Dưới bóng trăng, những đá rải đường trông đen lay láy và lấp lánh ánh sáng. Đất hãy còn giữ cái nóng buổi trưa và bốc lên một cái mùi riêng, lẫn mùi rác bần và mùi cát. Mọi người họp nhau nói chuyện. Trẻ con nghịch chạy quanh các bà mẹ, hình như quên cảnh khổ sở, hèn mọn, ai ai cũng vui vẻ chuyện trò, tiếng cười to và dài như người lớn, xen lẫn với tiếng khúc khích của các cô gái chúm chụm sát nhau trong bóng tối, người ta thấy tiếng bác Hiền nói vang, tiếng bác Đồi thuật lại buổi xe kiếm may mắn. Trong một căn nhà đưa ra một tiếng võng và tiếng hát lanh lảnh của bác Đồi gái, đã đem hết tiền buổi xe kiếm được của chồng vào hiệu khách mua một cân táo tàu rồi nằm võng vừa nhai vừa hát trống quân: "Ngày xưa, có anh Trương Chi ..

Mấy năm sau, sự kiếm ăn ngày một thêm khó khăn. Buổi chợ họp không đông đúc như trước. Những tiếng nói chuyện trong sương lúc mờ sáng của các người hàng sáo gánh gạo kịt kịt trên đờ để đem xuống huyện bán, người ta không nghe thấy nữa. Cái đói kém đến chen lẫn trong các phố chợ. Bác Hiền ngày nào cũng gánh hàng đi rồi lại gánh hàng về. Còn thường thấy bác Đồi kéo cái xe không, đi lảng vảng trong huyện và vợ bác cũng không hay nằm võng hát trống quân nữa. Bác Lê trong lúc ấy, đi khắp các nhà trong làng, xin làm mướn, nhưng các nhà có ruộng không ai mướn. Bác có làm không công, người ta cũng chỉ cho có nửa bát gạo, đùm bọc về không đủ cho ba đứa con ăn. Những ngày nhịn đói liên tiếp nhau luôn. Bác Lê thấy đàn con ngày một gầy còm, buổi chiều bác mệt nhọc chán nản trở về, hỏi thằng cả xem có đánh được ít cá nào không, thì nó buồn rầu khẽ lắc đầu, trả lời rằng các hồ ao người ta đã cấm không cho nó thả lờ nữa.

Mùa rét năm ấy đến, giá lạnh và mưa gió lầy lội. Đàn con bác Lê ôm chặt lấy nhau rét run trong căn nhà ẩm ướt và tối tăm vì đèn đuốc không có nữa. Máy gia đình ở phố chợ đều đói rét và khổ sở. Nhưng mỗi nhà đều lặng lẽ, âm thầm và chịu khổ một mình, không than thở với láng giềng hàng xóm lời gì, ai nấy đều biết cũng nghèo khổ như nhau. Một buổi chiều, mà đàn con đã nhịn đói suốt buổi, bác Lê vá lại manh áo rét, gọi đứa cả đến rồi bảo:

- Ở nhà trông các em, tao vào ông Bá xem có xin được ít gạo nào không?

- Ban sáng u đã vào nhà người ta có cho đâu, cậu Phúc lại còn bảo hễ u vào nữa thì cậu ấy thả chó ra cắn.

Bác Lê đáp:

- Nhưng biết làm thế nào! Không có thì lấy gạo đâu ra mà ăn? Thôi tao cứ liều vào lần nữa xem sao.

Nói xong, bác Lê mở cửa liếp ra đi. Trong lòng bác vẫn có chút hy vọng trong buổi sáng lúc vào xin gạo. Ông Bá đã đuổi máng không cho. Bác nhớ lại cảnh sang trọng, ấm cúng

trong nhà ông Bá . Những chậu sứ, câu đối thếp vàng sáng chói . Không lẽ ông Bá giàu có thế mà không thí cho mẹ con bác được bát gạo hay sao ?

Ở nhà, đàn con bác ngồi nhìn nhau đợi trong ổ rơm. Bác đi đâu không thấy về . Thằng Hy lắng tai nghe tiếng chó cắn trong làng rồi bảo chị nó:

- Hình như u về đấy chị ạ .

Thằng cả đi lại bên cửa bếp nhìn ra ngoài . Bỗng có tiếng chân người rầm rập, đến tiếng gọi, rồi lũ trẻ thấy bác Đồi và một người nữa khiêng bác Lê vào trong nhà . Trên bắp chân người mẹ , máu đỏ chảy ròng ròng.

Thằng cả hiểu ngay mẹ nó bị chó ông Bá cắn. Bác đặt người bị thương xuống chiếu rồi ra đi sau khi dặn:

- Bây giờ, bác lấy lá lốt mà dịt cho nó cầm máu . Chó tây cắn thì độc lắm đấy

Khi bác đi khỏi, lũ trẻ xúm quanh lấy mẹ . Thằng Hy vừa mếu máo vừa hỏi:

- U làm sao thế , u ?

Bác Lê nén cái đau, giảng cho con biết:

-Thật cậu Phúc ác quá ! Đã không cho thì thôi lại còn thả chó ra đuổi, tao đã chạy mà không kịp, nên nó cắn phải . May gặp bác Đồi, chứ không biết bao giờ mới về đến nhà .

Bác ngừng lại nhìn đàn con ốm yếu, rồi thở dài:

- Thế là mẹ con lấy gì ăn cho đỡ đói bây giờ .

Thằng Hy òa lên khóc, con Tý cũng khóc theo . Bác Lê giơ tay ôm chúng nó vào lòng nghĩ thân phận mình, bác cũng ứa nước mắt.

Đêm ấy, bác Lê lên cơn sốt. Những cái rùng mình lạnh lẽo nổi nhau lướt trên da bác, manh chiếu rách không đủ đắp ấm thân. Trong lúc mê sảng, bác Lê tưởng nhớ lại cả cuộc đời mình, từ lúc còn bé đến bây giờ , chỉ toàn những ngày khổ sở nhọc nhằn. Cái nghèo không biết tự bao giờ đã vào nhà bác. Lúc sinh ra bác đã thấy nó rồi, và từ đó nó cứ theo liền bác mãi . Nhưng có người muốn làm thì không đến nỗi . Bác nhớ lại những buổi đi làm khó nhọc, nhưng bác vui vẻ được lĩnh gạo về cho con, những bữa cơm nóng mùa rét, những lúc thằng Hy và con Tý vui đùa giằng co chiếc bánh bác mua cho chúng.

Rồi đến những ngày đi mót lúa mỗi lưng trên cánh đồng, nhặt những bông lúa thơm, những lúc vò lúa dưới chân ... Bác Lê nhớ lại cái cảm giác vui mừng khi thấy cạnh bông lúa sắc sạt vào thịt da . Đấy còn là những ngày no đủ . Rồi đến những buổi chợ sáng, những ngày nhìn đói như hôm nay. Bác mơ màng thấy vàng son chói lọi trong nhà ông Bá, thấy nét mặt gian ác của cậu Phúc, con chó tây nhe nanh chồm đến.

- Trời ơi ! Sao tôi khổ thế này ?

Tiếng kêu thất thanh của bác làm lũ trẻ giật mình, chúng nó ngồi dậy đưa mắt sợ hãi nhìn người mẹ .

Hai hôm sau, bác Lê lại lên cơn mê sảng rồi chết. Người trong phố chợ gom góp nhau mua cho bác một cỗ ván mộc, rồi đưa giúp bác ra cánh đồng, chôn vùi dưới bãi tha ma nhỏ ở đầu làng. Khi trở về, qua căn nhà lạnh lẽo âm u, họ thấy mấy đứa con nhỏ con bác Lê ngồi ở vỉa hè . Con Tý đang dỗ cho thằng Hy nín khóc, nói dối rằng mẹ nó đi chợ một lát rồi sẽ về . Nhưng họ biết rằng bác Lê không trở về nữa và họ thấy một cái cảm giác lo sợ đè nén lấy tâm can họ, những người ở lại, những người còn sống mà cái nghèo khổ cứ theo đuổi mãi không biết bao giờ hết.

## Gió lạnh đầu mùa



Buổi sáng hôm nay, mùa đông đột nhiên đến, không báo trước. Vừa mới ngày hôm qua giờ này còn nắng ấm và hanh, cái nắng về cuối tháng mười làm nứt nẻ đất ruộng, và làm ròn khô những chiếc lá rơi. Sơn và chị chơi cỏ gà ở ngoài cánh đồng còn thấy nóng bức, chảy mồ hôi.

Thế mà qua một đêm mưa rào, trời bỗng đổi ra gió bắc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt. Sơn tung chăn tỉnh dậy, nhưng không bước xuống giường ngay như mọi khi, còn ngồi thu tay vào trong bọc, bên cạnh đứa em bé vẫn nắm tay ngủ kỹ. Chị Sơn và mẹ Sơn đã trở dậy, đang ngồi quạt hỏa lò để pha nước chè uống. Sơn nhìn thấy mọi người đã mặc áo rét cả rồi.

Nhìn ra ngoài sân, Sơn thấy đất khô trắng, luôn luôn cơn gió vi vu làm bốc lên những màn bụi nhỏ, thổi lẩn những cái lá khô lạo xạo. Trời không u ám, toàn một màu trắng đục. Những cây lan trông chậu, lá rung động và hình như sắc lại vì rét.

Sơn cũng thấy lạnh, vội vợ lấy cái chăn trùm lên đầu rồi cất tiếng gọi chị. Mẹ Sơn nghe thấy, đặt chén nước chè xuống, bảo chị Lan:

- Con vào buồng lấy thùng áo ra mẹ mặc cho em, đi.

Rồi quay lại bảo Sơn:

- Con sang đây mà ngồi cho ấm. Bước khéo để cho em bé ngủ.

Sơn kéo chăn lên đắp cho em, ngồi xếp bằng bên khay nước. Mẹ Sơn rót cho một chén, Sơn cầm lấy chén chè nóng áp vào mặt, vào má cho ấm, rồi để mặt vào miệng chén cho hơi bốc lên. Bà Sơn thường vẫn bảo làm thế cho tỉnh mắt.

Người vú già xù xù cái áo bông cánh rách, xách siêu nước từ dưới nhà lên, vừa xuyt xoa vừa nói:

- Rét quá! Múc nước cồng cả tay.

Vú giơ tay hơ trên hỏa lò. Mẹ Sơn hỏi:

- Năm nay rét sớm hơn mọi năm vú nhỉ?

Người vú già ra về nhớ lại, đáp:

- Cũng chả bằng cái năm mợ đi cân gạo bên Sông. Gớm, mới rét làm sao! Sáng tôi dậy, bà sai đi chợ, cứ run lên cầm cập.

Sơn cũng nhớ cái rét năm ấy rõ rệt lắm, như mới đây thôi. Buổi sớm hôm ấy, mẹ Sơn cũng ngồi uống nước chè như sáng hôm nay và cũng lấy áo rét ra mặc.

Chị Lan từ trong buồng đi ra, khệ nệ ôm cái thúng quần áo đặt lên đầu phản. Mẹ Sơn đặt cái vỉ buồm lục đống quần áo rét. Sơn nhận ra cũng những cái áo Sơn đã mặc năm ngoái, năm kia: một cái áo vệ sinh màu nâu sẫm với một cái áo dạ khâu chỉ đỏ. Sơn cầm giơ những cái áo lên, thấy mát lạnh cả tay. Từ bộ quần áo thoảng ra hơi mốc của vải gấp lâu trong hòm, làm Sơn nhớ lại những buổi đầu mùa rét từ bao giờ, lâu lắm, ngày Sơn còn nhỏ.

Mẹ Sơn giơ lên một cái áo bông cánh đã cũ nhưng còn lành lặn, nói:

- Đây là áo của cô Duyên đây.

Duyên là đứa em gái bé của Sơn, chết từ năm lên bốn tuổi. Mẹ Sơn nhắc đến làm Sơn nhớ em, cảm động và thương em quá. Vú già là người đã nuôi Duyên từ lúc mới đẻ, với lấy cái áo lật đi lật lại ngắm nghía, tay mân mê các đường chỉ:

- Giá bây giờ em nó có còn cũng chả mặc được.

Mẹ Sơn yên lặng không nói gì. Nhưng đến lúc nói với Sơn lại để mặc áo, Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt.

Sơn đã mặc xong áo ấm áp: cả cái áo dạ chỉ đỏ lẫn áo vệ sinh, ngoài lại mặc phủ cái áo vải thâm dài. Sơn đứng trên giường trước mặt mẹ, đã quay đi quay lại ba, bốn lần để mẹ Sơn ngắm áo. Sau cùng, mẹ Sơn vuốt các tà áo cho phẳng phiu, rồi đẩy Sơn ra, bảo:

- Thôi, con đi chơi.

Sơn xúng xính rủ chị ra chợ chơi. Nhà Sơn ở quay lưng vào chợ, cạnh một dãy nhà lá của những người nghèo khổ mà Sơn quen biết cả vì họ vẫn vào vay mượn ở nhà Sơn. Sơn biết lũ trẻ con các gia đình ấy chắc bây giờ đang đợi mình ở cuối chợ để đánh khăng, đánh đáo.

Không phải ngày phiên, nên chợ vắng không. Mấy cái quán chợ vơ lộng gió, rác bần rải rác lẫn với lá rụng của cây đề. Gió thổi mạnh làm Sơn thấy lạnh, và cay mắt. Nhưng chân trời trong hơn mọi hôm, những làng ở xa Sơn thấy rõ như ở gần. Mặt đất rắn lại, và nứt nẻ những đường nho nhỏ, kêu vang lên lanh tanh dưới nhịp guốc của hai chị em.

Đến cuối chợ đã thấy lũ trẻ đang quây quần chơi nghịch. Chúng nó thấy chị em Sơn đến đều lộ vẻ vui mừng, nhưng chúng vẫn đứng xa, không dám vồ vập. Chúng như biết cái phận nghèo hèn của chúng vậy, tuy Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa với, chứ không kiêu kỳ và khinh khỉnh như các em họ của Sơn.

Thằng Cúc, con Xuân, con Tý, con Túc sán gần giường đôi mắt ngắm bộ quần áo mới của Sơn. Sơn nhận thấy chúng ăn mặc không khác ngày thường, vẫn những bộ quần áo nâu bạc đã rách vá nhiều chỗ. Nhưng hôm nay, môi chúng nó tím lại, và qua những chỗ áo rách, da thịt thâm đi. Mỗi cơn gió đến, chúng lại run lên, hàm răng đập vào nhau.

Thằng Xuân đến mó vào chiếc áo của Sơn, nó chưa thấy cái áo như thế bao giờ. Sơn lật vạt áo thâm, chìa áo vệ sinh và áo dạ cho cả bọn xem. Một đứa tắc lưỡi, nói:

- Cái áo này mặc thì nóng lắm. Chắc mua phải đến một đồng bạc chứ không ít, chúng mày nhỉ.

Đứa khác nói:

- Ngày trước thầy tao cũng có một cái áo như thế, về sau bán cho ông lý mất.

Con Túc ngây ngô giương đôi mắt lên hỏi Sơn:

- Cái này cậu mua tận Hà Nội phải không?

Sơn ưỡn ngực đáp:

- Ở Hà Nội, chứ ở đây làm gì có. Mẹ tôi còn hện mua cho tôi một cái áo len nhiều tiền hơn nữa kia.

Chị Lan bỗng giơ tay vẫy một con bé, từ nãy vẫn đứng dựa vào cột quán, gọi:

- Sao không lại đây, Hiền? Lại đây chơi với tôi.

Hiên là đứa con gái bên hàng xóm, bạn với Lan và Duyên. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước gần đến trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay. Chị Lan cũng đến hỏi:

- Sao áo của mày rách thế Hiền, áo lành đâu không mặc? Con bé bụ xịu nói:

Hết áo rồi, chỉ còn cái này.

- Sao không bảo u mày may cho?

Sơn bây giờ mới chợt nhớ ra là mẹ cái Hiền rất nghèo, chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc thì còn lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa. Sơn thấy động lòng thương, cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên ngày trước vẫn cùng nói với Hiền đùa nghịch ở vườn nhà. Một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong trí, Sơn lại gần chị thì thầm:

- Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.

- Ừ, phải đấy. Để chị về lấy.

Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo. Sơn đứng lặng yên đợi, trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui.

Nhưng cái vui của Sơn không được bao lâu. Bữa cơm về tới nhà, Sơn không thấy mẹ đâu cả, hỏi vú già:

- Mẹ tôi đi đâu hở vú?

- Chị Lan và cậu cứ ăn cơm trước đi. Mẹ còn đi ăn giỗ đến trưa mới về.



Rồi vú già nhìn rõ vào mặt Sơn, hỏi:

- Có phải cậu đem cho con Hiên cái áo bông cũ phải không?

Sơn ngạc nhiên đáp:

- Phải. Nhưng sao vú biết?

- Con Sinh nó nói với tôi đấy Sinh là đứa em họ của Sơn, vẫn hay nói hỗn với vú già, nên vú ấy ghét. Nó lại còn bảo hễ mợ về nó sẽ sang mách với mợ cho cậu phải đòn.

Sơn lo quá, sắp ăn, bỏ đĩa đứng dậy, van:

- Thế bây giờ làm thế nào, hở vú? Mợ tôi biết thì chết.

- Ai bảo cậu dại dột đem cho áo nó? Bây giờ cậu sang bảo cái Hiên trả lại thì không việc gì.

Sơn vội vàng ra chợ tìm cái Hiên nhưng không thấy con bé ở đó. Đến nhà cũng không thấy ai, mẹ nó cũng không có nhà. Hai chị em lo sợ, đi ra cánh đồng tìm cũng không gặp. Gần đến buổi chiều, Sơn và chị chưa đòi được áo. Lan trách em:

- Sao em lại nghĩ đem cho nó cái áo ấy, có phải bây giờ mẹ mắng chết không.

- Ai bảo chị về lấy? Nếu chị không về lấy thì em biết đâu.

Chị Lan đầu dụi:

- Thôi, bây giờ phải về nhà vậy chứ biết làm thế nào.

- Nhưng mà em sợ lắm.

Chị Lan thở dài, nắm chặt lấy tay em, an ủi:

- Đàng nào cũng phải về cơ mà. May r a có lẽ mẹ không mắng đâu.

Hai chị em lo lắng dắt nhau lên về nhà. Đến cửa, Sơn nghe thấy tiếng mẹ nói ở trong với tiếng một người đàn bà khác nữa, nghe quen quen. Lan dắt tay Sơn khép nép bước vào, hai chị em ngạc nhiên đứng sững ra khi thấy mẹ con Hiên đang ngồi ở cái ghế con trên đất trước mặt mẹ, tay cầm cái áo bông cũ.

Thấy hai con về, mẹ Sơn ngừng lên nhìn rồi nghiêm nghị bảo:

- Kia, hai cô cậu đã về kia. Thế áo bông của tôi đâu mà tự tiện đem cho đấy?

Sơn sợ hãi, cúi đầu lạng im, nép vào sau lưng chị. Bác Hiên vừa cười vừa nói:

- Tôi về thấy cháu nó mặc cái áo bông tôi hỏi ngay. Nó bảo của cậu Sơn cho nó. Tôi biết cậu ở đây đùa, nên tôi phải vội vàng đem lại đây trả mợ. Thôi, bây giờ, xin phép mợ tôi về.

Mẹ Sơn hỏi:

- Con Hiên không có cái áo à?

- Bẩm nhà cháu độ này khổ lắm, Chẳng để dành được đồng nào may áo cho con cả. Thành thử vẫn cái áo từ năm ngoái nó mặc mãi.

Mẹ Sơn với cái âu đồng, lấy tiền đưa cho bác Hiên:

- Đây, tôi cho mượn năm hào cầm về mà may áo cho con.

Khi bác Hiên bước ra khỏi cửa, mẹ Sơn vẫy hai con lại gần, rồi âu yếm ôm vào lòng mà bảo :

- Hai con tôi quý quá, dám tự do lấy áo đem cho người ta không sợ mẹ mắng ư?

## Cô hàng xén

Cô Tâm bết mệt hẳn đi khi nhìn thấy cây đa và cái quán gạch lộ ra trong sương mù. Cùng một lúc, dây tre đầu làng gần hẳn lại, cành tre nghiêng ngả dưới gió thổi và nghe thấy tiếng lá rào rào và tiếng thân tre cọt két. Cô sắp về đến nhà rồi, gánh hàng trên vai nhẹ đi, và những cái uốn cong của đòn gánh bây giờ nhịp với chân cô bước mau. Cô thấy chắc dạ và ấm cúng trong lòng, bỏ hẳn nỗi lo sợ từ nãy vẫn quanh quẩn trong trí khi cô qua quãng đồng rộng, trơ gốc rạ dưới gió bắc vi vút từng cơn.

Qua cái cổng gạch cũ, cô vào hẳn trong làng. Ngõ tối hơn, đất mấp mô vì trâu bước, nhưng cô thuộc đường lối lắm. Chân cô dẫm lên lá tre khô và tai nghe tiếng xao xác đã quen; mùi bèo ở dưới ao và mùi rạ ướt đưa lên ẩm ướt. Đi ngang các nhà quen, cô thấy ánh sáng đèn chiếu qua rào, và tiếng những người quen thuộc ở trong đưa ra.

-- 'À, bác cả Sĩ đã về rồi'. Lần nào hàng bác cũng bán hết sớm, bác cũng ra về trước vì nhà có con mọn. Còn cô, cô cũng có thể về sớm được vì chợ chiều cũng vắng người mua. Nhưng cô còn cứ vui chị vui em, lần khăn ở lại. 'Chỉ tại con Liên nó cứ giữ mình để về một thể. Bây giờ nó đã về đến nhà chưa?'

Cô Tâm lại nghĩ đến mình, mẹ già đang mong đợi và các em đang nóng ruột vì quà. Gối kẹo bông cô đã gói cẩn thận để ở dưới thúng, mỗi đứa sẽ được hai cái. Chắc hẳn chúng sẽ vui mừng lắm.

Tâm vội vã bước mau. Trước đình, sân gạch rộng đầy bóng tối và yên lặng; con sấu đá vẫn phục yên trên bệ ở ngoài, hình dáng quen thuộc quá. Bỗng cô dừng lại; cô suýt va phải một người ở ngõ rẽ ra. Người kia cũng tránh sang bên, sát vào hàng rào. Nhưng Tâm nhận ra ngay:

-- Bác Mỹ đấy ư ? Đi đâu mà tối thế ?

Người kia tiến một bước, nhìn tận mặt: 'Ai ? A, cô Tâm, cô đi chợ về.'

Tâm đã bước xa rồi, hàng tre vi vút thêm, trời lại lấm tẩm mưa lạnh rơi xuống mặt. Cô đi qua nhà bà cụ Nhiêu rồi về đến ngõ. Cánh cửa gỗ chưa đóng. Cô xoay đầu đòn gánh đẩy cửa rồi bước vào. Tất cả cái tối tăm rét mướt, và cánh đồng hoang vắng cô để lại ở ngoài. Đây là nhà rồi. Mùi phân trâu nồng ấm sặc ngay vào cổ; thoáng qua, cô nghe tiếng chân trâu đập trong chuồng. Con

vá thấy động sửa lên, rồi chạy lại vấp vào chân quần quít. Trong nhà mấy đứa em reo:

-- A, á. Chị Tâm đã về.

Tâm đặt gánh ở trên thềm. Ánh đèn chiếu ra, cô thấy quần áo lấm tẩm ướt vì mưa bụi. Thằng Lân chạy ra trước nhất, xuyết nữa vấp vào cửa bực bàn. Rồi thằng Ái, con Bé cũng theo ra.

-- Quà của chúng em đâu, chị ?

Nó cúi xuống định lục vào gánh hàng, Tâm vội bảo em:

-- Ấy chớ, để chị lấy cho, không khéo vỡ cả kính.

Cô nhìn xuống ô hàng; mưa chỉ hơi phớt trên kính, chưa việc gì. Hàng không có cái gì ướt.

-- Kẹo đây, mỗi đứa hai chiếc.

Chúng nó xúm cả chung quanh chị.

-- Em bé ngoan ngoan quá, đây phần riêng chị dành em đây này.

Bỗng tiếng dụi dàng của bà Tú ở dưới nhà đưa lên:

-- Tâm con đã về đấy ư ?

-- Thưa ư, vâng ạ.

Bà Tú đến dắt lũ con, khẽ bảo:

-- Chúng mày háu ăn quá, không để cho chị vào đến nhà nữa. Rồi quay lại Tâm:

-- Con rửa chân tay rồi đi ăn cơm kẻo đói. Sao về muộn thế, con ?

-- Thưa ư, hôm nay con ngồi chợ Sơn ạ. Con Gái từ nãy ở dưới bếp lên cứ đứng mãi góp chuyện ở trên thềm. Bà Tú quay ra bảo:

-- Kia không cất hàng vào cho cô, còn đứng làm gì ở đấy ?

Trong nhà ấm cúng, khác hẳn ở ngoài. Ngọn đèn thân mật chiếu trên án thư, những nét vàng đã cũ của câu đối hoành phi lơ mờ ánh trong bóng tối. Mâm cơm đầy lòng bàn còn để ở giữa phản.

-- Con ngồi đây rồi ăn cơm. Trời rét thế này thì mai nghỉ chợ thôi con ạ. Di làm gì cho nó khổ ?

Em bé nói theo:

-- Chị ở nhà với chúng em chị ạ. Mai chủ nhật chúng em được nghỉ.

Tâm mỉm cười xoa đầu em. Cô sung sướng vì thấy mẹ săn sóc, các em mến yêu. Bao nhiêu nỗi mệt nhọc cô thấy tiêu tán cả. Những lúc này khiến cô quên hết cả bao nhiêu nỗi e ngại khó khăn. Cô thấy vui vẻ và nẩy nở trong thâm tâm những ý muốn tốt đẹp cho gia đình. Bà Tú lại âu yếm giục:

-- Con ăn cơm đi, không đói. Thôi, hãy để đấy rồi bảo con sen nó cất cho có được không.

Tâm đáp: 'vâng'; nhưng cô vẫn chưa lại ngồi ăn ngay. Cô còn thu xếp hàng đã; hai cái hộp gỗ vuông đựng các thức hàng, và những gói buộc kỹ trong thúng. Tất cả vốn liếng quý báu, bởi nhờ nó, cô kiếm lời nuôi các em, giúp đỡ cha mẹ từ ngày trong nhà sút đi và ông Tú ở trên tỉnh dọn về đã ba bốn năm nay rồi. Ruộng nương chỉ còn hơn mẫu, cấy đủ thóc ăn, và căn nhà gạch cũ này là nhà thờ, chung cả họ. Ông Tú độ mắt kém cũng thôi không dạy học nữa. Tâm hỏi mẹ:

-- Thầy con chưa về cơ, u ?

Bà Tú chậm rãi đáp lời con, an phận:

-Thầy sang chơi bên ông chánh từ hôm qua, để thường còn ở vài ngày mới về.

Hai mẹ con biết rằng, có về nhà ông Tú cũng buồn chả biết làm gì, rồi lại đến đi chơi quanh quần các người trong làng.

Bữa cơm ngon lành quá, Tâm ngồi ăn dưới con mắt hiền từ và thương mến của mẹ. Các em cô quây quần cả chung quanh, hỏi chuyện chợ búa của chị. Tâm ngắm nghía các nét mặt xinh xẻo, những con mắt ngây thơ lóng lánh dưới mái tóc tơ của các em: cô thấy lòng đầm ấm và tự kiêu, lòng người chị chịu khó nhọc để kiếm tiền nuôi các em ăn học. Cô hỏi han sách vở của thằng Lân và thằng Ái, học lớp ba ở trường làng. Ngày trước, thời còn sung túc, cô cũng đã cấp sách đi học và về nhà lại được ông Tú dạy thêm chữ nho. Nhưng đã lâu, cô rời bỏ quyển sách, để bước chân vào cuộc đời rộng rãi hơn, khó khăn và chật chội. Buồn bán bây giờ mỗi ngày một chật vật, bởi cô vốn ít. Tất cả gánh hàng của Tâm chỉ đáng giá hai chục bạc. Giá vàng có nhiều tiền để buôn vải bán các chợ như Liên.

-- Thôi, các em đi ngủ đi, mai còn dậy sớm mà đi học chứ.

Lân cười, trả lời chị:

-- Mai chủ nhật cơ mà, chị quên rồi à ? Tối nay em thức rõ khuya để nói chuyện với chị.

Nhưng một lát sau, trong căn nhà yên tĩnh, chỉ còn Tâm và bà Tú ngồi trên phản: cô kiểm điểm và xếp đặt lại các thức hàng để mai đi phiên chợ Bằng chính. Những thứ hàng nho nhỏ, khác nhau và xinh xắn: cuộn chỉ, bao kim, hộp bút, cúc áo, giấy lợ, một trăm thức lật vạt qua lại trên ngón tay nhỏ của thiếu nữ, vừa quý báu lại vừa ít ỏi. Mỗi thứ đối với Tâm có một linh hồn riêng, và cô hàng lờ mờ đoán hiểu trong thâm tâm những khó nhọc và công của đã làm thành chúng. Tâm đã thêm vào vài thức hàng mới bắt đầu bán được ở chợ: phấn xoa mặt, dầu bôi tóc và son thoa môi. Cô ngắm nghía trên tay cái ống sáp con bằng đồng, hào rươi một cái -- đựng một chất đỏ thơm làm thắm tươi môi các thiếu nữ ở trên tỉnh. Đôi khi trong buổi chợ Tâm đã được thấy một vài cô gái tỉnh về quê, da trắng, môi đỏ, lịch sự và sang trọng. Có lần, một đêm khuya, Tâm đã lấy sáp bôi lên môi mình và ngắm trộm bóng trong chiếc gương tròn nhỏ. Cô Ba. Cô hơi thẹn thấy bóng mình trong đó, với đôi môi đỏ như sẫm máu...

-- Độ này, hàng có bán được không con ?

-- Thừa u, cũng khá ạ.

Chị Liên bán vải cũng chẳng đẹp bằng. Tâm biết mình xinh nhất chợ. Bọn con trai cứ hay quanh

quần chỗ cô ngồi và buông lời tròng gheo. Nhưng cô không để ý: Tâm thấy vững vàng ở giá trị và lòng cao quý của mình.

Nàng đã đảm đang nuôi cả một nhà, vớ lại, trừ phi là cô gái hư không kể, còn ai ở địa vị nàng cũng phải tảo tần buôn bán như thế. Làm việc, đối với Tâm, là lẽ chung của người ta. Cô thấy chung quanh toàn những đàn bà chịu khó làm ăn vất vả để nuôi chồng, nuôi con. Không bao giờ Tâm nghĩ cho mình, cho cuộc đời riêng của cô.

Nhưng Tâm cũng không khỏi thắc mắc vẫn vợ cho thân thể; Tâm ngừng lên nhìn nét mặt hiền từ của bà Tú, rồi quay đi, hơi e thẹn. Vì nàng có tâm sự kín riêng. Hình ảnh một người con trai lanh lợi, miệng tươi như hoa, ăn nói mềm mỏng dễ nghe. Những ngày phiên chợ Bằng, Tâm thường thấy người ấy ra hàng Tâm mua kim chỉ. Nàng mặt xuống hàng thấy cái nhìn âu yếm của người con trai ấy đè nặng trên người. Má Tâm phơn phớt đỏ. Câu chuyện ngược ngạo và giống một nhưng nàng thấy tâm hồn say sưa như nhấp rượu.

Người ta bảo đó là cậu giáo trường làng. Về người đúng đắn, có tư cách, chứ không chớt nhả như những anh trai làng khác. Nhưng nhìn cái áo lương cũ, Tâm cũng đoán là cậu giáo nghèo thì phải. Cũng như nàng.

Lúc lên giường nằm, dưới tấm chăn mỏng và lạnh. Tâm còn tư tưởng mãi đến con người xinh trai ấy. Trong nhà đã ngủ yên tĩnh cả rồi. Trên án thư, bên ngọn đèn hoa kỳ, chồng sách và cái ống bút của Lân, Ái che khuất ánh sáng. Các em nàng -- những đứa em thông minh và ngoan ngoãn quá -- không biết nàng có tảo tần mãi được để kiếm tiền mua giấy bút cho chúng ăn học không? Tâm mơ màng nghĩ đến sự thành công của các em sau này: đỗ đạt rồi làm trên tình giúp thầy mẹ. Nhà nàng lại sung túc và mát mặt như xưa.

Người chị mộc mạc và âu yếm ấy nghĩ ngợi trong đêm yên lặng. Tiếng trống cầm canh đã qua nửa đêm, nàng mới khẽ thở dài, nhắm mắt ngủ.

Tất cả những nỗi lo lắng lui đi và tâm hồn giản dị của thiếu nữ được nghỉ yên tĩnh.

Sáng sớm hôm sau, trong gió bắc lạnh, Tâm đã mở cổng gánh hàng lên chợ. Sương trắng còn đầy ở các ngõ trong làng; mùi rơm rác và cỏ ướt thoang thoang bốc lên, mùi quen của quê hương và của đất màu khiến Tâm thấy dễ chịu và thêm can đảm. Nàng rảo bước cho mau chóng đến chợ.

Cái đòn gánh cong xuống vì hàng nặng, kịt kịt trên mảnh vai nhỏ bé theo nhịp điệu của bước đi. Chịu khó, chịu khó từng tí một, hết bước nọ sang bước kia, cứ thế mà đi không nghĩ ngợi. Tâm thấy ngày nay cũng như mọi ngày, ngày mai cũng thế nữa; tất cả cuộc đời nàng lúc nào cũng chịu khó và hết sức, như tấm vải thô dệt đều nhau. Có phải đâu chỉ một mình cô; trong những lũy tre xanh kia, bao nhiêu người cũng như cô, cũng phải chịu khó và nhọc nhằn, để kiếm tiền nuôi chồng, nuôi con, nuôi các em. Tâm không chán nản cũng không tự kiêu, chỉ thấy yên tâm chắc chắn, như nhiều người khác cũng làm việc, cũng sống như nàng.

Tâm cứ bước đều chân và đến chợ vẫn còn sớm. Nàng bày hàng trên khoảng đất nàng vẫn ngồi xưa nay. Ánh sáng đầu tiên của mặt trời lấp lánh trên mặt kính các ô hàng. Các màu đua nhau thắm tươi dưới ngón tay xinh xắn của Tâm: những cuộn chỉ mượt, những cái cúc xà cừ, những gương lược sáng loáng. Cái gì cũng sạch sẽ ngăn nắp, nhỏ nhắn như công việc, như ý nghĩ của cô hàng xén.

Không khí giá và trong của buổi sáng làm hồng da dẻ và khiến máu chạy mạnh. Tâm thấy vui vẻ

nhanh nhẹn trong người. Chị Liên với thằng nhỏ gánh vải cũng đã đến rồi. Hai chị em cười nói chuyện trò như đôi chim sẻ:

-- Hôm qua mày bán được bao nhiêu? Tao ngồi mãi chỉ bán cho bà lý có một tấm lụa.

Tâm đáp:

-- Thế còn gì nữa; bằng cả ngày lãi của tao kiếm.

Chợ mỗi lúc một ồn ào. Người đến họp đã đông. Cái đông đúc và ồn ào ấy khiến cho Tâm như lịm đi. Tiếng nói, tiếng cười đùa, chửi rủa tràn đầy cả mấy gian hàng. Sự hoạt động rục rĩ và nhiều màu. Các hàng quà bánh, các thức hàng rẻ tiền và vụn vặt ở thôn quê, những hoa quả chua chát hái xanh trong vườn nhà, và bên kia đường, mùi thơm nôi cháo nóng của chị Tư bay ra ngào ngạt.

Tâm không nghĩ ngợi, lo lắng gì nữa. Sự buôn bán, mặc cả bao bọc lấy nàng như một hơi gió nóng.

Tất cả hàng tổng trong buổi phiên này. Từ những người đàn bà nghèo ăn mặc rách rưới, cho đến các bà tổng, bà lý, váy sồi, thắt lưng đũi và áo bông mềm, túi nặng những tiền. Một hai cô trên tỉnh, chừng con gái ông thừa hay ông chủ ty ở huyện, vui đùa đi lại trong chợ, răng trắng và môi đỏ. Tâm thấy họ hình như vô tâm và sung sướng lắm thì phải: các cô bá vai nhau mua hết thức này, thức nọ không tiếc tiền, ngây thơ như con trẻ. Tâm và Liên nhìn nhau mỉm cười.

Gần trưa, cậu giáo ra. Vẫn con người mảnh rẻ và nho nhã trong chiếc áo lương cũ. Bốn mắt nhìn nhau: Tâm má đỏ bừng, tay không biết làm gì. Cậu giáo ngượng nghịu, nửa muốn ngồi xuống bên hàng, nửa không dám. Chỉ có Liên là tinh nghịch, sống sượng lại hay nói đùa:

-- Kia ông giáo, mời ông mua hàng của em nó đi.

Rồi cô ngả đầu ra sau cười ngật nghẻo, trong lúc Tâm đưa mắt trách và cậu giáo khẽ mỉm cười.

Vụ gạt hái xong, cậu giáo Bài nhờ người mới lái đến hỏi Tâm. Bà mới là người cô trong họ như bà Tú. Sai khi khen ngợi cậu giáo là người chí thú nét na, bà mới bảo:

-- Tôi cũng vì tình chị em nói giúp cho cháu nó nên vợ chồng. Cậu giáo tuy nghèo nhưng là con nhà thế gia, ông cụ trước cũng có đi dạy học. Cháu Tâm nó mà về làm dâu nhà ấy thì không còn phải quản ngại điều gì nữa.

Bà Tú cảm ơn và đáp:

-- Vâng, bà để cho rồi tôi hỏi cháu xem thế nào đã.

Bà mới cười, vừa đứng dậy vừa trả lời:

- Được nơi xứng đáng, mình bằng lòng thì gả, chứ còn cần gì phải hỏi nó nữa.

Sau khi bà mới về, bà Tú đem câu chuyện hỏi ông Tú; ông bảo:

-- Bà xem chỗ nào nên gả thì gả, không phải hỏi tôi làm gì.



Rồi ông lại xách ô đi chơi sang làng khác. Bà nhìn theo ông, thở dài. Từ ngày trong nhà kém sút đến giờ, ông Tú như người mất hồn, chẳng còn để ý đến công việc gì nữa. Việc trong nhà ông để bà trông nom. Bà nghĩ đến Tâm âu yếm, Nếu không có nó sớm hôm buôn bán thì bà cũng không biết xoay sở vào đâu. Nhà năm, sáu miệng ăn, lại hai con đi học, hơn mẫu ruộng cấy chỉ đủ thóc dùng. Bà lại chợt nghĩ: nếu Tâm đi lấy chồng thì làm thế nào ?

Tuy vậy, buổi chiều hôm ấy bà gọi Tâm vào buồng và nói cho Tâm biết. Tâm yên lặng nghe, rồi thưa:

-- Con mà đi lấy chồng thì ai kiếm tiền cho các em ăn học ? Thôi u cứ để con ở nhà buôn bán và trông nom nhà cửa cho thầy u.

Bà Tú nhìn con, thương mến:

-- Không được, con gái đến tuổi phải đi lấy chồng, chứ con ở nhà mãi hay sao ? U sẽ làm hàng sáo để kiếm thêm chi tiêu trong nhà. Con cứ nghe u đi.

Bà thêm:

-- Với lại không đám nào hơn đám này nữa. Bà cụ đảng ấy cũng hiền lành và cậu Bài là người nét hạnh đứng đắn. Con về nhà ấy thì u mừng lắm.

Tâm cúi mặt thẹn đỏ hai gò má; nàng tưởng đến cậu giáo, con người xinh trai và nhã nhặn, mà mới buổi gặp lần đầu, nàng đã mến yêu ngay. Nhưng bỏ nhà đi lấy chồng ? Thăng Lân và Thăng Ái lấy tiền đâu mà mua sách vở học ? Nghĩ đến mẹ già phải làm lụng vất vả lòng Tâm lại không nỡ. Nàng khóc nói:

-- Thôi, u cứ để con ở nhà hầu hạ thầy và săn sóc các em. Chúng nó còn bé dại cả, nếu con đi thì ai là người trông nom nhà cửa.

Nhưng thương con, bà Tú không ngần ngại chút nào. Bà bằng lòng cho Tâm và nhấn tin cho bà mới biết. Bên nhà trai xin cưới ngay trước Tết.

Ngày về nhà chồng, Tâm buồn rầu không thiết gì trang điểm. Nàng gọi các em vào trong buồng để từ biệt: Lân và Ái níu lấy cổ Tâm quẩn quít, không muốn rời ra. Nàng âu yếm dặn dò:

-- Các em ở nhà chịu khó ăn, học nhé đừng để cho thầy u phải phiền lòng. Rồi tháng tháng chị sẽ gửi tiền về cho các em tiêu.

Tâm ngừng lại, ứa nước mắt không nói được nữa. Nàng xúc em bé lên hôn rồi ra ngoài lễ tạ cha mẹ.

Đám rước dâu theo con đường nhỏ trong làng đi ra cánh đồng. Hai bên ngõ, người trong làng đứng xem cô dâu và chú rể mới.

Buổi chiều hôm ấy, trong nhà bà Tú trở nên lạnh lẽo và vắng không. Bữa cơm chỉ có mấy mẹ con ngồi ăn. Lúc thấp đèn, bà Tú gọi con sen lên bàn nói chuyện về Tâm cho đỡ buồn. Thăng Lân và Ái cũng ngần ngại nhớ chị. Không còn những buổi tối chờ đợi chị Tâm gánh hàng về, nghe tiếng cười nói vui vẻ của chị và mong đợi chia quà nữa. Chúng ngồi nghe chuyện bà Tú mãi tới khuya rồi gục trên sách ngủ.

Về nhà chồng được vài hôm, Tâm lại phải đi bán hàng ngay để khỏi mất mấy phiên chợ Tết. Nhà chồng nàng cũng nghèo, nhà cửa không có gì. Cậu Bài dạy học trong làng được dăm bảy đồng bạc lương. Bao nhiêu việc chi tiêu trong nhà lại trông cả vào mình nàng.

Bây giờ gánh hàng trở nên nặng quá trên đôi vai nhỏ bé. Chiếc đòn gánh càng cong xuống và rên rỉ. Ngoài giang sơn nhà chồng nàng phải gánh vác, Tâm lại còn lo sao kiếm được đủ tiền để thêm cho các em ăn học. Trong sương muối sớm rét và giá lạnh, nàng đã phải bước ra ngõ để đi chợ rồi. Trên con đường mấp mô và đất rắn, Tâm bước những bước nhỏ và mau. Đồi nàng lại khó nhọc và cổ sức kể tiếp nhau. Có khi Tâm tưởng nàng vẫn còn ở nhà, vẫn còn con gái và buổi chiều nàng sẽ gánh hàng về căn nhà cũ, thấy các em ra đón và nghe tiếng mẹ nàng dịu dàng sẵn hỏi. Nhưng không, bây giờ nàng không được về nhà mẹ luôn nữa. Gia đình của chồng là gia đình của nàng: nàng phải lo tiền cho chồng vụ thuế. Những lúc giỗ Tết, phải may vá cho Bài: chiếc áo lương mới chàng sắm ngày cưới bây giờ đã bắt đầu bạc và rách rồi.

Ngày phiên chợ đối với nàng cũng kém vui. Má nàng hồng hơn, môi nàng thắm thêm, người ta bảo nàng bây giờ đẹp ra hơn trước. Nhưng nàng cần gì những cái đó nữa. Bọn trai làng không còn chòng ghẹo nàng, và trong lòng nàng cũng không còn cái thời con gái duyên thắm và chờ mong đã hết rồi. Nàng chỉ còn là một người đàn bà tảo tần hôm sớm để nuôi chồng. Buổi phiên chợ Bằng, Liên ngồi cạnh nàng nhí nhảnh khoe:

-- Này Tâm xem, tôi mới sắm được cái này đẹp lắm.

Liên đưa ra một đôi khuyên vàng cô mới gửi đánh ở trên tỉnh. Tâm cảm lấy ngấm nghĩa trên tay. Mắt nàng sáng lên, Tâm nghĩ đến những buổi nói chuyện với Liên khi nàng chưa lấy chồng. Hai chị em bàn về những đồ trang sức, và đôi khuyên là cái ước vọng tuyệt đích của hai cô gái quê. Hai người buổi vào cũng nhắc đến, và cùng hẹn nhau dành dụm để sắm một đôi đeo Tết.

-- Đẹp quá nhỉ. Chị mua hết bao nhiêu ?

Nàng ngần ngợ đưa trả lại Liên, yên lặng nhìn bạn mắc vào tai. Tâm nghĩ không bao giờ nàng có thứ ấy nữa. Làm sao dành dụm được chừng ấy tiền, mà nếu có số tiền ấy nữa nàng cũng còn phải để tiêu việc nhà, hay gửi cho các em. Lân đã lên học trường tỉnh, sự tốn kém lại tăng thêm. Đạo hè năm ngoái nó đã lấy của nàng hơn chục bạc. Hôm qua, bà Tú lại nhấn người bảo gửi thêm cho nó để nộp giấy đi thi. Nàng lo quá. Những số tiền nàng cho em là tiền dành dụm riêng của nàng; Tâm phải đưa giấu, sợ mẹ chồng và chồng nàng biết. Nhiều lần Bài đã gắt với nàng, vì Tâm không còn tiền đưa. Và những lời của mẹ chồng nàng đã bắt đầu có vẻ đay nghiến và nghi ngờ.

Hai năm sau, Tâm đẻ đứa con trai. Ở cũ được nửa tháng, nàng phải để con cho mẹ chồng trông nom, rồi lại gánh hàng đi chợ. Mấy năm khó nhọc đã thay hẳn người nàng. Tâm bây giờ không còn là cô gái xinh xắn hồi trước. Nàng già đi nhiều lắm. Đã lâu nàng không còn chú ý đến sắc đẹp của mình và cũng không biết nó tàn lúc nào. Sắc đẹp cũng vô ích cho nàng khi đã có chồng rồi. Tâm thấy mình già và yên tâm trong sự đứng tuổi. Những ngày chợ phiên, nàng nhìn các cô gái với ý nghĩ an phận của người đã qua tuổi trẻ rồi. Bây giờ nàng còn thì giờ đâu trang điểm nữa. Cái cô hàng xén xinh đẹp trước kia nổi tiếng cả một vùng, bây giờ không còn ai nhớ đến nữa. Đã có những cô con gái khác mới lớn lên, rực rỡ và tươi tắn, cười nói có duyên với những cậu con trai khác. Nhiều khi nhìn vẻ hân hoan sung sướng của họ, Tâm lại nghĩ đến ngày trước kia, hình như đã lâu lắm, nàng còn là cô hàng xén má hồng môi đỏ, e lệ cúi mặt dưới cái nhìn âu yếm của cậu giáo Bài nho nhã và đứng đắn trong tấm áo lương. Thời ấy bây giờ đâu ? Chị Liên may mắn đã lấy được chồng giàu, lên buôn trên tỉnh, chị ấy vẫn trẻ đẹp như xưa. Tâm khế thờ dài, bây giờ các chị em bạn cũ không còn ai ở lại để cùng chia sẻ những nỗi khó nhọc với nàng.

Tâm rảo bước đi qua cánh đồng nghỉ ngơi. Đã lâu, nàng không có dịp sang thăm nhà vì bận con mọn và buôn bán. Chiều nay Lân ở trên tỉnh về, nên nàng đến để gặp em và hỏi thăm ông Tú, mệt đã mấy tháng nay.

Cây đa cổ và cái quán gạch vẫn đứng đợi nàng ở đầu làng. Đường ngõ vẫn lồi lõm vì trâu đi, hai bên vệ vẫn mùi bèo và mùi rạ ướt. Trong làng chẳng có gì thay đổi.

Khi nghe thấy tiếng bà Tú âu yếm đón hỏi trên thềm, tiếng thằng Ái và em bé reo mừng chị, lòng Tâm dịu lại như ngày nàng còn gánh hàng về. Tâm bước vào ngồi trên phản bên cạnh mẹ; căn nhà đối với nàng hình như rộng rãi và lạng lẽ hơn trước nhiều.

-- Em Lân đâu ?

Nó vừa mới chạy đâu sang hàng xóm. Chẳng biết cần gì mà nó còn đợi con để xin tiền.

Tâm thở dài:

-- Con chả có đồng nào để ra cả.

Bà Tú nhìn con ái ngại:

-- Cậu giáo lại thôi dạy học, thì nhà con túng thiếu thật.

Hai mẹ con yên lặng không nói nữa. Tâm thấy mẹ già đi quá, hai mái tóc đã bạc phơ. Bỗng nhiên, nàng đau xót trong lòng, thương mẹ và buồn cho cảnh nhà nghèo.

-- Kia, chị đã đến. Em chờ chị mãi từ sáng đến giờ.

Lân ở ngoài bước vào, nhanh nhẹn. Cậu lớn hẳn lên, dáng điệu mạnh mẽ và hơi xác lác, rõ ra một cậu học trò lanh lợi trên trường tỉnh. Tâm nhìn em mừng rỡ. Mắt nàng sáng lên vì kiêu hãnh có người em như thế:

-- Em chơi đâu về ? Bao giờ lại lên tỉnh học ?

Nàng ân cần săn sóc, hỏi em. Lân trả lời chị qua loa, hơi bực mình về những câu hỏi lẩn thẩn của chị. Cậu nói ngay đến chuyện cần:

-- Em xin chị một chục bạc để mua sách học.

Tâm hoảng sợ:

-Sao nhiều thế, chị lấy đâu ra. Độ này buôn bán khó khăn lắm, một ngày vài hào chỉ lãi, em bảo chị làm thế nào được ?

Thấy Lân có vẻ không bằng lòng, Tâm vội đáp:

-- Hãy để thông thả chị lo rồi gửi chị Liên cho em.

-- Thế thì lấy tiền đâu mà nộp đơn và mua sách bây giờ ? Không có thà rằng ở nhà cho xong.

Lân vùng vắng đứng gậy bước ra ngoài thêm. Bà Tú ngược mắt trông theo, rồi vội vã bước ra gọi em lại. Nàng dịu giọng ngọt ngào:

-- Gớm, chưa chi em đã giận. Có phải chị tiếc em đâu, vì chị chưa có thật.

Lân yên lặng rồi không nói gì, quay mặt đi chỗ khác. Lòng chị lại không nở thấy em buồn:

-Thì đây, chị có chục bạc này là tiền lấy hộ cho anh ấy đây. Em cầm lấy rồi chị liệu vay sau cũng được.

Tâm lần ruột tượng lấy ra gói bạc giấy cuộn tròn. Số tiền nàng vừa lấy định trang trải các công nợ và lo sưu thuế cho Bài. Nhưng thấy vẻ mặt vui mừng của em, nàng quên mất cả những nỗi lo sợ đang chờ nàng.

Lúc Tâm ra về, trời đã tối. Nàng vội vã bước mau để về cho con bú. Sương mù xuống phủ cả cánh đồng, và gió lạnh nổi lên: Tâm thu vạt áo lại cho đỡ rét, lần theo bờ cỏ đi. Lòng nàng mệt nhọc và e ngại: lấy đâu mà bù vào chỗ tiền đưa cho em? Tâm nhớ lại những lời dẫn của mẹ chồng và những câu giận dữ của Bài mỗi khi hỏi nàng không có tiền. Nàng nghĩ đến những ngày buôn bán được, ngày không, Tâm dần bước. Cái vòng đen của rặng tre làng Bàng bỗng vụt hiện lên trước mặt, tối tăm và dày đặc. Tâm buồn rầu nhìn thấu cả cuộc đời nàng, cuộc đời cô hàng xén từ tuổi trẻ đến tuổi già toàn khó nhọc và lo sợ, ngày kia như tấm vải thô sơ. Nàng cúi đầu đi mau nào trong ngõ tối.

## Khái Hưng, Nhất Linh, Thạch Lam dưới cái nhìn xã hội chủ nghĩa Trọng Đạt

Văn chương há phải là đơn thuốc  
Chớ có khuyên xằng chết bỏ bu.  
(Tú Xương)

Chúng tôi nhận được cuốn "Thạch Lam, Về tác giả và tác phẩm" do một người bạn về thăm quê hương tặng, sách dày 500 trang, khổ lớn, nhà xuất bản Giáo dục, sách gồm trên 70 bài viết về Thạch Lam. Khoảng một phần tư là những bài viết từ thập niên 39, 40 tại Hà Nội và tại Sài Gòn trước 1975, ba phần tư là những bài viết trong nước đa số ở thập niên 90. Chúng tôi lấy làm ngạc nhiên Thạch Lam có thể được dư luận chú ý và ca ngợi nhiều đến thế, nhất là dư luận trong nước.

Ngày nay trong nước người ta đã đánh giá lại Tự Lực văn đoàn trong bài Thạch Lam Với Quê Hương Sáng Tác của Đinh QuangTôn (Thạch Lam, Văn Chương Và Cái Đẹp, NXB Hội Văn Hà Nội, 1994)

*"Gần đây kỷ niệm 82 năm sinh và 50 năm mất của Thạch Lam, chúng tôi lại về phố huyện Cẩm Giàng. Phần nhiều những người chúng tôi hỏi chuyện đều có biết nhà văn Thạch Lam quê ở đây. Những mặc cảm về giòng họ Nguyễn Tường cũng không còn nặng nề. Nhìn chung mọi người kể chuyện với thái độ khách quan, kể cả những cán bộ kháng chiến cũ. Họ đã "bước qua lời nguyện" để nhìn lịch sử một cách công bằng với tư duy đổi mới, đánh giá đúng con người với những đóng góp và những hạn chế của họ với lịch sử. Riêng đối với Thạch Lam, được họ nhắc đến với thái độ cảm tình".*

Như vậy theo tinh thần tư duy đổi mới, họ được nhìn lịch sử một cách công bằng hơn và đánh giá lại một giai đoạn đã qua của nền văn chương Việt Nam. Nhưng trên thực tế chúng tôi thấy nhiều nhà phê bình trong nước có khuynh hướng đánh giá rất cao Thạch Lam, coi ông như một ngôi sao sáng chói nhất của Tự Lực văn đoàn thí dụ như Lê Dục Tú nhận xét dưới đây:

*“Nhưng về phía độc giả Thạch Lam cũng hiểu một tình trạng có thực: đó là sự tồn tại của hai hạng người: một hạng chỉ cốt xem truyện để giải trí và hạng thứ hai thực sự là biết thưởng thức. Khác với một số nhà văn đương thời, Thạch Lam đã dũng cảm phục vụ hạng độc giả thứ hai để rồi phải chịu một thiệt thòi là sách của ông đã không tránh khỏi bị quên lãng trong một thời điểm nào đó. Song chỉ một thời gian sau đó, bạn đọc đã nhận ra được vẻ đẹp đích thực của văn chương ông và thừa nhận ông là “người có tài” và “viết hay hơn cả” trong Tự Lực văn đoàn”.*  
(Thạch Lam, Người Đi Tìm Cái Đẹp Trong Cuộc Đời Và Trong Văn Chương)

Hoặc như Nguyễn Phúc trong Quan Niệm Văn Chương Của Thạch Lam, Vị Nghệ Thuật Hay Vị Nhân Sinh (Thạch Lam, Văn Chương Và Cái Đẹp, NXB Hội văn Hà Nội 1994):

*“Nét đặc trưng của văn tài Thạch Lam trước hết thể hiện ở chỗ: Là thành viên chủ chốt của một văn đoàn vẫn được nhất trí coi là “lãng mạn” nhưng toàn bộ sáng tác của ông lại không chịu nằm gọn trong cái tên gọi đó, các nhà nghiên cứu văn học đã dụng công đi tìm những khái quát thích hợp, như “khuynh hướng nghiêng về bình dân với sự đồng cảm chân thành” “bút pháp tả thực tinh táo”... song xem ra vẫn chưa tìm được danh xưng nào vừa ý. Quả là một đời văn tuy ngắn ngủi nhưng lại có một tầm vóc “ngoại cỡ”.*

Ông này lại đánh giá văn nghiệp Thạch lam cao hơn ông kia một bậc: ngoại hạng, quá cỡ. Chúng tôi lại xin dẫn chứng một số nhận xét khác.

Hà Văn Đức (Thế Giới Nhân Vật Thạch Lam, Văn Học Việt Nam 1900-1945, NXB Giáo dục 1997). Cho thấy lối viết Khái Hưng, Nhất Linh không thực như Thạch Lam khi so sánh các nhà văn đồng nghiệp với nhau ấy dưới đây:

*“Ngòi bút của Thạch Lam tỏ ra trân trọng khi viết về những mặt tốt đẹp ở người lao động. Trong tác phẩm của những nhà văn lãng mạn như Nhất Linh, Khái Hưng, dân quê hiện ra như một đám người ngờ nghệch dốt nát, bán năng (Vội, Trống Mái). Thạch Lam không chấp nhận cách gán cho nhân vật của mình “những đức tính và tật xấu mà người dân quê không thực có”. Ông nhìn thấy những niềm vui bình dị, những ước mơ nho nhỏ, những đức tính đẹp tiềm ẩn trong họ”.*

Theo chúng tôi nghĩ cá nhân anh Vội không thể coi là đại diện cho đám dân quê, cái ngờ nghệch của anh Vội chỉ là trường hợp cá biệt không có tính cách biểu tượng, chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này sau.

Chúng tôi xin trích dẫn tiếp vài nhận định khác, dưới đây Phong Lê trong bài Thạch Lam Trong Tự Lực văn đoàn (cuốn Văn Chương Và Cái Đẹp).

*“Sự sống lại những giá trị văn học tiền chiến trong đó Tự Lực văn đoàn là hiện tượng ta đang chứng kiến, nhưng tôi không tin tất cả những gì thuộc Tự Lực văn đoàn sản sinh ra đều cần được khôi phục lại. Nhiều giá trị mà Tự Lực văn đoàn xây dựng được đã bị thời đại vượt qua, có bộ phận đã bị vượt qua ngay từ trước 1945. Còn Thạch Lam thì tôi vẫn tin ở sự tồn tại. Nếu không là tất cả thì cũng là phần lớn những gì ông đã viết”.*

Nghĩa là theo Lê Phong toàn bộ văn nghiệp của Tự Lực văn đoàn chỉ riêng có Thạch Lam là có giá trị vượt thời gian, còn lại đều lỗi thời và bị đào thải.

Dưới đây là nhận xét của Trần Ngọc Dung trong bài Phong Cách Truyện Ngắn Thạch Lam (cuốn Văn Chương Và Cái Đẹp):

*“Các nhà tiểu thuyết Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ, cũng tỏ ra quan tâm đến nhân dân lao động. Qua các trang viết không phải họ không hiểu được những nỗi thống khổ của người dân nghèo thành thị hay nông dân lao động, nhưng tình cảm không sâu sắc, nhiều khi không tránh được thái độ khinh bạc của những trí thức trưởng giả đối với những đám người “vô học” “dốt nát”, “hủ lậu”, “bần thủ”(Trống Mái, Dưới Ánh Trăng... của Khái Hưng. Tối Tăm, Một Kiếp Người, Chàng Nông Phu, Đầu Đường Xó Chợ... của Nhất Linh, Bùn Lầy Nước Động của Hoàng Đạo), nhân vật chủ yếu và lý tưởng của họ nói chung thuộc tầng lớp giàu sang, có học thức cao trong xã hội cũ (Hiện trong Trống Mái, Hạc, Báo trong Gia Đình của Khái Hưng, Duy, Thơ trong Con Đường Sáng của Hoàng Đạo, Dũng, Loan trong Đôi Bạn của Nhất Linh). Còn Thạch Lam lại xây dựng cho mình một thế giới nhân vật khác. Ông lặng lẽ hướng ngòi bút về phía những người nghèo khổ với tấm lòng trắc ẩn thương xót chân thành”.*

Trần Ngọc Dung chỉ công nhận Thạch Lam là người thực sự tôn thờ nhân bản trong Tự Lực văn đoàn, chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này sau.

Một cách tổng quát chúng tôi xin thu gọn những ý kiến đánh giá cao Thạch Lam của các nhà phê bình trên đây như sau:

- Thạch Lam là người viết hay hơn cả trong Tự Lực văn đoàn.
- Thạch Lam là nhà văn ngoại cỡ, ngoại hạng.
- Thạch Lam là người mô tả dân quê bằng những nét chân thực nhất, các nhà văn khác của văn đoàn như Khái Hưng gán cho dân quê những cá tính mà họ không có.
- Chỉ có văn chương Thạch Lam là tồn tại, giá trị văn chương của các tác giả khác trong văn đoàn đều đã lỗi thời, đã bị thời đại vượt qua.
- Chỉ có Thạch Lam là thực sự tôn thờ nhân bản, các cây bút khác của văn đoàn như Khái Hưng, Nhất Linh, Hoàng Đạo.. nhìn người nghèo bằng cặp mắt khinh bạc.

Như quý vị độc giả đều đã biết theo dư luận của các nhà phê bình và dư luận độc giả, Khái Hưng và Nhất Linh đã và đang được coi như có sự nghiệp văn chương lớn nhất trong Tự Lực văn đoàn. Theo dư luận chung, Thạch Lam đã được coi như nhân vật số ba của văn đoàn. Nay theo các nhà phê bình trong nước, thứ tự ấy cần phải được định giá lại nghĩa là Thạch Lam phải là cây viết sáng giá nhất của Tự Lực văn đoàn và Khái Hưng, Nhất Linh đương nhiên phải bị hạ bệ đưa xuống dưới chưa biết xếp vào đâu!

Các nhà phê bình có quyền đánh giá, khen chê một tác phẩm hoặc cả một công trình văn học, họ cũng có quyền định giá lại toàn bộ văn chương của một văn đoàn song không có nghĩa là ý kiến chung, dư luận chung của độc giả bị loại bỏ bởi vì người đọc cũng là một lực lượng phê bình đáng kể mà ta không thể phủ nhận hay loại bỏ một cách dễ dàng. Điều chúng tôi muốn nói ở đây là các nhà phê bình không thể bắt đám đông độc giả phải tuân theo sự lượng giá của họ trên thực tế, độc giả vẫn là độc giả, nhà phê bình vẫn là nhà phê bình.



Các nhà phê bình Tây phương từ hơn nửa thế kỷ nay đã không ngớt lời ca ngợi ngọn bút thần sầu quỷ khốc của Dostoievsky, nhà văn hào Nga thế kỷ 19, nổi tiếng về kỹ thuật mô tả tâm lý nhân vật. Người ta bảo ông ấy là nhà văn hào vĩ đại nhất của nhân loại từ trước tới nay, văn chương của ông ấy cho đến nay vẫn còn mới không bị rơi vào cổ điển, có người cho ông là triết gia sâu sắc, kẻ nói ông là nhà phân tâm học đại tài... thậm chí có người còn so sánh tư tưởng của ông với thuyết tương đối của nhà bác học Einstein nữa... Nhưng trên thực tế số độc giả của Dostoievsky tương đối ít thôi, nhiều người lại bảo đọc sách của ông họ không hiểu ông ấy nói cái gì, cũng có nhiều người thích và khen lẩy khen để văn Dostoievsky tuyệt diệu nhưng trong số này nhiều người không biết nó hay ở chỗ nào cả.

Và như vậy phải chăng các nhà phê bình chuyên nghiệp không thể lái độc giả theo ý mình vì độc giả cũng là một lực lượng phê bình đáng kể. Trở lại vị trí của Thạch Lam trong Tự Lực văn đoàn chúng tôi xin được đánh giá theo dư luận chung như sau.

Theo dư luận chung Khái Hưng vẫn được coi là một trong số các tác giả lớn nhất của Tự Lực văn đoàn. Theo Phạm Thế Ngũ (Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên, cuốn 3), Khái Hưng là cột trụ của Tự Lực văn đoàn, sáng tác của ông trong văn đoàn dồi dào cả về phẩm lẫn lượng. Theo Nguyễn Vỹ, người đã gặp Nhất Linh ở Sài Gòn 1952 (Kỷ Vật Cuối Cùng, Phương Hoàng, Cali 1997) Nhất Linh cho biết trong thời kỳ sáng tác cho Tự Lực văn đoàn ông thường đưa bản thảo cho Khái Hưng sửa, cuốn nào Khái Hưng sửa nhiều thì lấy tên cả hai người, cũng có cuốn do Khái Hưng sửa nhiều nhưng vẫn để tên Nhất Linh.

Chúng tôi đã được tiếp xúc với cụ Nguyễn Thạch Kiên trước đây, nhà văn, đảng viên Việt Nam Quốc Dân đảng, cụ cho biết Khái Hưng là người đã khuyến khích và nâng đỡ Thạch Lam. Tiểu thuyết luận đề của Nhất Linh bị Phạm Thế Ngũ chỉ trích trong khi Khái Hưng không thấy bị chỉ trích, người ta thường coi Khái Hưng như cây viết suất sắc nhất của văn đoàn. Nhất Linh là người đóng góp nhiều nhất cho công cuộc cải cách xã hội, vì công lao của ông với cách mạng xã hội quá lớn nên trên thực tế người ta vẫn thường xếp ông ngang hàng với Khái Hưng.

Và như vậy dư luận chung từ trước đến nay đã xếp hạng Nhất Linh, Khái Hưng như ngôi sao sáng của văn đoàn dĩ nhiên Thạch Lam, Hoàng Đạo sẽ đứng hạng ba, hạng tư. Ta thử so sánh toàn bộ văn nghiệp của Thạch Lam với Khái Hưng, Nhất Linh để có một kết luận khách quan công bằng hơn.

Về mặt số lượng, văn nghiệp của Thạch Lam so với Khái Hưng, Nhất Linh thật là quá khiêm tốn: một truyện dài khoảng 200 trang, ba tập truyện ngắn được độ 200 trang, một tùy bút khoảng 60 trang, một lý luận văn chương khoảng 70 trang, toàn bộ chỉ hơn 500 trang, dài bằng Xóm Cầu Mới của Nhất Linh hay cuốn Tiêu Sơn Tráng Sĩ của Khái Hưng. Như vậy nếu muốn xếp hạng Thạch Lam như một ngôi sao sáng chói đứng đầu Tự Lực văn đoàn thì phẩm chất các truyện của ông phải xuất sắc gấp bội Khái Hưng, Nhất Linh vì số lượng quá ít ỏi.

Trên thực tế các tài liệu cho thấy truyện của Thạch Lam khó bán, hoặc bán rất chậm, ngược lại truyện của Khái Hưng, Nhất Linh như Hồn Bướm Mơ Tiên, Gánh Hàng Hoa, Đoạn Tuyệt... bán chạy như tôm tươi. Lý do gì tác phẩm của Thạch Lam không được hoan nghênh? một điều chắc chắn là nó thiếu khả năng lôi cuốn vì tác giả của nó quá chú trọng vào hiện thực và mô tả nội tâm khiến cho câu chuyện trở lên buồn tẻ. Trong bài nói về cuốn Theo Giọng chúng tôi đã phân tích về tiêu chuẩn nghệ thuật của Thạch Lam, về cái chủ quan của ông trong việc đi tìm cái hay, cái đẹp của một tác phẩm văn chương.

Ông đã nói nhiều lần rằng người nghệ sĩ phải chăm chú vào sự thực, bề trong của con người,

hầu như ông đã cho hiện thực, diễn tả tâm lý hướng nội là tiêu chuẩn duy nhất của nghệ thuật và không để ý đến những tiêu chuẩn khác. Thạch Lam chỉ trích những hạng độc giả chỉ chú ý đến cốt truyện mà không màng đến tâm lý nhân vật có đúng hay không, hời hợt hay sâu sắc, nhưng trên thực tế tiêu chuẩn nghệ thuật của một tác phẩm văn chương rất phức tạp chứ không đơn giản như tác giả đã quan niệm.

- Đa số người đọc chú trọng về cốt truyện, những cuốn được coi như có giá trị lâu dài vượt thời gian là những cuốn có cốt truyện hay có khả năng lôi cuốn người đọc như Tam Quốc Chí, Nghìn Lê Một Đêm, Hồn Bướm Mơ Tiên chẳng hạn.

- Những tác phẩm có giá trị về lịch sử như Khói Lửa Kinh Thành (Lâm Ngữ Đường) Chiến Tranh Và Hoà Bình, Sông Don Thanh Bình (Sholokhov)... đã làm sống lại một giai đoạn lịch sử.

- Những tác phẩm có giá trị về xã hội như Godfather có thể coi như một tài liệu đầy đủ về xã hội đen.

- Những tác phẩm lãng mạn bay bướm như Anna Karénine, Đôi Bạn, Cuốn Theo Chiều Gió...

- Những tác phẩm diễn tả được những ý nghĩa, luận đề như Lão Ngư Ông Và Biển Cả của Hemingway ca ngợi tinh thần phấn đấu với số mệnh đến cùng.

Một tác phẩm văn chương hay phải là một tác phẩm cân đối và hoàn chỉnh rung cảm được người thưởng thức qua nhiều tiêu chuẩn nghệ thuật chứ không quá đơn giản như dưới cái nhìn của Thạch Lam. Sách của ông không bán được phần lớn vì buồn nản, tiếng pháp gọi là monotone mặc dù tâm lý nhân vật sâu sắc, hiện thực, tâm lý và hiện thực cũng không cứu vãn được tình thế.

Không đủ khả năng lôi cuốn người đọc mặc nhiên về nghệ thuật cốt truyện phải thua kém Nhất Linh, Khái Hưng và nhất là tính chất lãng mạn, một yếu tố quan trọng để khiến nó đủ khả năng lôi cuốn thì truyện của Thạch Lam cũng không được phong phú cho lắm như ở Khái Hưng, Nhất Linh. Không khí yêu đương lãng mạn trong văn chương Thạch Lam so với Nhất Linh, Khái Hưng còn thua kém nhiều. Nghệ thuật phải có tính chất đại chúng, phục vụ đám đông chứ không phải làm theo cái ý thích của mình.

Tiểu thuyết, truyện ngắn của Thạch Lam hiện thực được cả những nền nếp phong tục xã hội, những cảnh bần cùng đói khổ của giới người nghèo cùng mặt xã hội nhưng lại không mang những ý nghĩa cách mạng, cải cách xã hội như Đôi Bạn, Nửa Chừng Xuân, hoặc không nói lên được nhiều về những mặt trái tàn nhẫn của nền luân lý cổ như Lạnh Lùng của Nhất Linh. Thế giới giàu cũng có những cái hay riêng như trong Bản Khoản của Khái Hưng, không phải chỉ nói về giới nghèo mới là có giá trị cao.

Một tác giả muốn được xếp vào hàng ngoại cỡ chúng tôi nghĩ cần phải có sự toàn diện về nghệ thuật bởi vì một vài tiêu chuẩn riêng thực không đủ để xếp hạng như vậy, tiêu chuẩn nghệ thuật đa dạng và toàn diện, cái mà văn chương của Thạch Lam còn thiếu mặc dù có xuất sắc ở một vài bình diện nào đó.

Ở đây chúng tôi không lạc đề, không chỉ trích những yếu điểm của Thạch Lam để chìm ông xuống và đề cao Khái Hưng, Nhất Linh nhưng vấn đề là chúng ta phải nhìn nghệ thuật bằng cặp mắt khách quan đứng ngoài ảnh hưởng của thành kiến. Chúng tôi đồng ý nhìn nhận Thạch Lam là một nhà văn chuyên về đoản thiên có những nét sâu sắc, độc đáo, người đã đóng góp

rất nhiều cho Tự Lực văn đoàn cũng như đã tô điểm những nét đẹp cho nền văn chương Việt Nam nhưng ông vẫn chỉ là một nhân vật số ba của Tự Lực văn đoàn không hơn không kém và địa vị của Khái Hưng, Nhất Linh mà người ta thường gọi là cột trụ của Tự Lực văn đoàn là một sự kiện dĩ nhiên không thể đảo ngược bởi những lý do mà chúng tôi đã diễn đạt ở trên.

Chúng tôi xin trở lại nhận xét của những nhà phê bình trong nước về việc thẩm định lại giá trị văn chương của Tự Lực văn đoàn. Theo như nhận xét của Trần Ngọc Dung, Khái Hưng, Nhất Linh, Hoàng Đạo chỉ chú trọng tới xã hội trưởng giả, giàu có, ông ngụ ý chỉ trích họ không thực sự quan tâm đến giới bình dân, nhưng đề tài văn chương đâu có thể hạn hẹp vào một khuôn khổ nhất định được. Thiên chức của nhà văn không phải chỉ để ca tụng giới bần cố nông khổ rách áo ôm mà nghệ thuật của họ phải được mở rộng ra cho tới tận chân trời đến tất cả mọi khía cạnh của xã hội, con người. Chiến Tranh và Hòa Bình, Anna Karénine... của Léon Tolstoi chỉ diễn tả thế giới của giai cấp quý tộc, ông hoàng bà chúa không ca ngợi nông dân nhưng đã chẳng được dư luận chung xếp vào hàng những công trình văn hóa nhân loại là gì?

Các nhà phê bình khen lẩy khen để Thạch Lam như một ngôi sao sáng chói nhất trên bầu trời Tự Lực văn đoàn nhưng họ lại quên chú ý đến một điểm là sách của ông bán không được, chúng ta thử tìm hiểu tại sao? Thạch Lam ca ngợi Dostoievsky như một nhà viết tiểu thuyết có giá trị nhất của thế kỷ và trên hoàn cầu, ông đã chịu ảnh hưởng sâu đậm của Dostoievsky. Chủ đề chính trong các tác phẩm của nhà văn hào này là sự tranh đấu giằng co giữa thiện và ác để làm chủ tâm hồn và đã ảnh hưởng tới Hồn Bướm Mơ Tiên (Khái Hưng), Tháng Ngày Qua, Bắn Vịt Trời (Nhất Linh), Sợi Tóc, Một Con Giận (Thạch Lam). Thạch Lam chịu ảnh hưởng Dostoievsky nhiều nhất về thuật tả tâm trạng con người, đó chính là một trong những lý do khiến cho tác phẩm của ông khó bán vì thiếu khả năng lôi cuốn không đáp ứng được sự đòi hỏi của người thưởng thức. Người đọc có nhu cầu của họ, nhà văn viết theo sở thích của mình tức là tự mình tách rời đám đông và dĩ nhiên sẽ bị họ lơ là bỏ rơi không thương không tiếc.

Các nhà phê bình văn học trong nước ca ngợi Thạch Lam là người yêu thương và đi sát với những người nghèo cùng khổ, nhưng sự đi sát của ông có giá trị hơn công cuộc tranh đấu cải cách xã hội của Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo hay không? Điều mà họ nói nhìn lại lịch sử một cách công bằng phải chăng chỉ là trò GIAN MANH VĂN NGHỆ? Nhìn lại lịch sử một cách khách quan như thế phải chăng chỉ là đưa chính trị vào văn chương một cách vô cùng khôn khéo.

Phải chăng việc các ông lên án Khái Hưng, Nhất Linh, Hoàng Đạo vì họ là những người quốc gia chân chính đã can đảm đứng lên chống lại một tập đoàn bịp bợm gian ác trước kia? Phải chăng việc kết án Khái Hưng là khinh bạc dân nghèo để bào chữa cho việc thủ tiêu nhà văn lớn này một cách tàn nhẫn tại bến đò Cựa Gà Nam Định 1947 mà chứng cứ còn rành rành qua lời tường thuật của các nhân chứng hiện còn sống sót trong cuốn Kỷ Vật Cuối Cùng. Nhìn lịch sử một cách khách quan như các ông chỉ là trò mập mờ đánh lộn con đen, giả mù sa mưa hoặc trò tuyên truyền xảo quyệt.

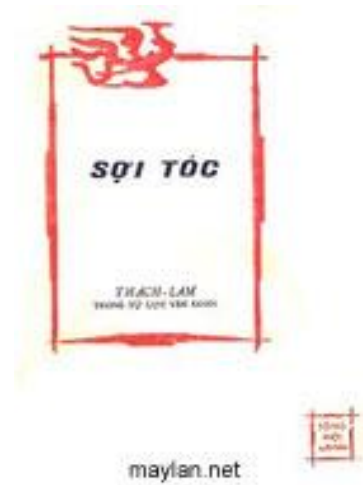
Những ý kiến lệch lạc và sai lầm tận gốc rễ ấy thực không đáng được gọi là phê bình, được viết lên bởi những kẻ đã cố tình bóp méo văn chương, bóp méo sự thật để loại bỏ những tác giả mà họ không đồng quan điểm.

Phê bình văn học đã đóng một vai trò quan trọng không những trong văn học sử mà còn có thể ảnh hưởng tới nền văn hoá lâu dài của cả một dân tộc. Chẳng thế mà người xưa đã quan niệm: làm thầy thuốc mà sai lầm thì giết một người, làm chính trị mà sai lầm thì hại một đời, làm văn hoá mà sai lầm thì hại muôn đời.

\*\*\*

**Phụ đính:**

Sợi tóc



Anh Thành nhòm dậy, nghiêng mình chống khuỷu tay xuống giường rồi bắt đầu nói với một giọng trầm và thong thả khiến người nghe hiểu được hết các ý tứ của câu chuyện:

- Tôi có một người anh họ rất giàu và rất ngốc (có lẽ mình cho anh ta là ngốc, bởi vì hắn không xử sự như mình, không có những quan niệm về cuộc đời như mình; nhưng thật ra biết đâu cách ăn ở của anh ta lại không khôn ngoan hơn, bởi vì anh ta đã giàu và sung sướng?). Tên anh ta là Bản, Bản rất phục tôi, coi tôi là một người sành sỏi, thạo đời và nhất là thạo các ngón ăn chơi. Bởi vậy, động có việc gì, hoặc là muốn mua bán cái gì, anh ta đều không quên đến hỏi tôi trước.

Hôm ấy, Bản đến rủ tôi cùng đi mua một cái đồng hồ. Anh ta muốn mua hạng thật tốt, và nhờ tôi xem hộ. Hai chúng tôi đến hiệu Chabot ở phố Tràng Tiền. Đồng hồ ở hãng này thì không còn phải nói gì nữa: Thật là những đồng hồ các hiệu có tiếng, có bảo hành chắc chắn và cố nhiên là giá đắt. Tôi chọn cho hắn ta cái đồng hồ đeo tay hiệu Movado, xuống nước hay vùi cát cũng không hề gì. Chiếc đồng hồ trông rất đẹp. Tôi thấy anh ta mân mê cầm lên ngắm nghía, xem chừng cũng muốn mua lắm. Nhưng cái tính hà tiện của anh ta lại thắng cái thích, nên rồi lưỡng lự một lát, anh ta trả lại nhà hàng, kéo tôi đi ra và bảo:

- Đẹp thì đẹp thật, nhưng mà đắt quá, anh ạ. Thôi, chúng ta lại các hiệu khác mà mua thì hơn.

Tôi yên lặng gật đầu, và theo đi, cũng chẳng muốn nói gì. Trong bụng nghĩ anh chàng này thật là ngốc, có tiền mà không biết chơi đồng hồ tốt. Lại kiệt nữa. Không biết hắn để tiền làm cái gì?

Vào một hiệu ở Hàng Ngang, sau khi mặc cả ráo riết từng hào, anh ta bằng lòng mua một cái đồng hồ hiệu không mấy ai biết tiếng. Hắn có hỏi ý kiến tôi, song tôi cũng ừ hừ bảo dùng được cho xong chuyện, vì hắn có mua được thứ tốt hay không, bấy giờ tôi thực không thấy quan hệ mấy.

Lúc trả tiền, tôi thấy hắn giở ra một cái ví da lớn, phòng chặt. Hắn đếm giấy bạc thong thả và cẩn thận.

Thoáng nhìn qua, tôi cũng biết trong ví nhiều tiền lắm: ngoài số tiền bạc lẻ hắn mang ra trả, tôi còn thấy gấp ở ngăn trên đến năm, sáu cái giấy bạc một trăm nữa, những giấy bạc mới, màu còn tươi nguyên - "Quái, thằng cha này làm gì mà lắm tiền thế? Mình thì chả bao giờ có đến được một trăm bạc bỏ túi!"

Tôi nghĩ thầm và so sánh thế.

Mua xong đồng hồ. Bàn rủ tôi đi ăn:

- Ta lên hiệu chén, rồi lát nữa làm một chầu chứ, - hắn vỗ vào túi - tôi có đủ tiền đây!

Chúng tôi vào hiệu. Bàn ăn vui vẻ lắm, có lẽ hắn vừa ý vì cái đồng hồ mua rẻ. Tôi thì trong óc cứ vờ vẫn cái ý nghĩ sao một thằng ngốc như hắn - tôi thấy hắn càng ngốc - lại có lắm tiền thế, còn mình...

Tuy vậy, ý nghĩ cũng không làm tôi ăn mất ngon. Tôi tỏ mặt sành, gọi những thức ăn quý và đắt tiền, và hai chúng tôi uống rượu say sưa.

Cơm xong, Bàn đưa tôi xuống Vạn Thái, vào nhà một người nhân tình của hắn. Hình như đã lâu không được đi hát, nên hắn có vẻ tha thiết và sung sướng đến đáng ghét. Về phần tôi, không thấy hứng lắm, - đi chơi với một anh có nhiều tiền mà mình lại khinh là ngốc, không có thú vị mấy - nhưng chẳng lẽ lại bỏ hắn nửa chừng. Tôi định bụng ở chơi qua quýt đến nửa đêm thì về.

Nhà hát, ngoài cô nhân tình của Bàn, các con em khác trông cũng khá. Tôi nằm bên bàn đèn nói vài câu chuyện tầm phơ. Còn Bàn, hắn không nghe hát hiếc gì cả. Ngồi nói chuyện với tôi một lát lấy lệ, rồi hắn cùng với cô nhân tình vào buồng trong đi nằm một chỗ. Hắn không quên - tính cẩn thận của anh kiệt! - đem cả cái áo tây trong có ví tiền vào chỗ nằm, vắt trên thành đầu giường.

Một mình tôi ở ngoài đâm chán. Nằm một lát rồi tôi cũng đứng dậy sửa soạn ra về; Bàn vẫn ở trong màn, nói vọng ra giữ lại:

- Anh hãy ở chơi đã, về làm gì vội. Ngày mai chủ nhật cơ mà.

- Thôi, tôi phải về. Sáng mai còn có việc.

Vừa nói tôi vừa với cái áo tây của tôi treo trên mắc. Bỗng nhiên có cái gì chuyển mạnh qua tim: tay tôi yên hẳn lại; tôi vừa mới nhận ra rằng cái áo tôi đang cầm không phải là áo của tôi. Thì ra lúc mang áo vào giường nằm, Bàn đã mang nhầm áo. Hai chúng tôi cùng mặc thứ hàng len giống màu, như vậy dễ lẫn lộn. Tôi ghé nhìn vào phía trong áo thấy cái ví tiền ở túi thò ra ngoài một ít. Cái ví tiền... mấy tờ giấy bạc...

- ở chơi đã anh. ở chơi sáng sớm mai về với tôi một thể.

- ờ... ờ...

Tôi điềm nhiên treo cái áo vào chỗ cũ, quay ra. Mấy chị em cũng phụ họa vào lời mời của Bàn,

nài nỉ:

- Tội gì mà về bây giờ anh, khuya và lạnh chết.

Tôi chỉ thoáng nghe thấy, trong trí như còn bận sự gì. Bâng khuâng tôi lại gần giường; một chị nâng chén mời:

- Anh uống chén nước nóng. Rồi nằm xuống đây có hơn không?

- Ờ thì hăng nằm một lát đã.

Tiếng Bân trong màn đưa ra:

- Phải đấy, đến mai hăng về. Tôi bảo chị Lan phải làm thế nào giữ anh ấy lại thì làm...

- Không... thế nào tôi cũng phải về, anh ạ...

Những lời đối đáp ấy cứ tự nhiên buột miệng ra, tôi không để ý đến. Trước mắt tôi, mấy tờ giấy bạc một trăm gấp trong ngăn ví, hiện ra rất rõ rệt. Lấy mấy tờ, độ hai tờ - tại sao lại hai? Tôi không biết - thật dễ dàng quá. Tôi cứ việc điem nhiên với lấy áo, mở ví rút ra hai tờ, rồi khoác áo ở trên vai, ra ý sắp sửa về. Rồi chọn lúc mọi người vô ý - mà dẫu có ý cũng không ai biết được - tôi đổi lấy áo của tôi vắt ở đầu giường Bân... Thế là xong, và gọn. Mai dậy Bân biết mất chắc chẳng bao giờ dám nghi ngờ cho tôi. Mà nghi ngờ thế nào được?

Tôi về từ đêm cơ mà! Vả lại cái áo đựng tiền hần đã cẩn thận mang vào giường ngay từ chập tối, vậy nếu có người lấy, thì chỉ có người nhà cô đầu mà thôi. Mà người nhà thì cũng khó lòng đến đây lấy được, họa chẳng có ngay cô nằm với Bân. ừ, có lẽ Bân sẽ nghi cho nhân tình của hần lấy... Chắc thế. Tôi mỉm cười: Bân sẽ không dám nói gì đâu; biết nhân tình lấy, hần sẽ im lặng, sợ làm cho nhân tình xấu hổ, và sợ làm tai tiếng chủ nhà. Hần vốn tính nhất, với lại hai trăm đối với hần chắc chả là bao.

Tất cả những cách xếp đặt ấy diễn qua rất nhanh trong trí tôi. Chỉ một thoáng thôi, tôi đủ tưởng trước được các việc xảy ra như thế, êm thấm và yên lặng, và trôi chảy... dễ dàng quá, mà không còn sợ cái gì cả...

- Mời anh xơi thuốc.

Tôi giật mình đỡ lấy dọc tẩu. Cô Lan đã tiem xong điều thuốc từ bao giờ, quay dọc sang mời. Mắt cô nhìn tôi âu yếm. Tôi đưa mắt nhìn xuống, cầm lấy dọc hút. Điều thuốc kêu vo vo, tiếng như ở đâu đưa lại. Qua làn khói trắng tỏa ra, tôi tưởng nhìn thấy tập giấy bạc một trăm, còn mới nguyên gấp trong ngăn ví. Hần làm gì mà có lăm tiền thế? Lại mang để trong ví làm gì? Rõ anh chàng ngốc không biết dùng đồng tiền, tiền ở trong tay hần cũng uống. Ngộ có đưa lấy đi thì sao? Để thế có bữa mất thật...

- Anh nghĩ gì mà thần người ra thế? Say thuốc có phải không?

Lan để tay nhẹ nhàng lên người tôi, lẳng lơ đưa mắt hỏi. Tôi giả vờ cười không đáp, rồi xoay nằm ngửa, nhìn lên trần nhà. Trong người bứt rứt không yên... Lẳng nghe thấy tiếng Bân thì thảo và tiếng cười khúc khích của nhân tình hần trong màn. Chiếc áo vắt ở đầu giường - chiếc áo của tôi - chắc vẫn còn y nguyên ở đấy.

Tôi tưởng tượng khi có hai trăm trong túi rồi, lên xe về điềm tĩnh đi nằm ngủ. Sớm mai mất tiền, thế nào hẳn chẳng về qua nhà mình. Hẳn gọi cửa vào, đánh thức mình dậy và bơ phờ bảo:

- Tôi mất hai trăm bạc tối hôm qua rồi, anh ạ...

Tôi thấy trước bộ mặt ngạc nhiên của tôi lúc bấy giờ - một vẻ mặt rất tự nhiên, - và tôi hỏi: "Chết chưa, mất bao giờ? ở đâu?" - Hẳn sẽ thuật lại buổi tối hôm nay, lúc mang áo vào giường, đến lúc thấy mất: "Chỉ có con nhân tình tôi nó lấy thôi, anh ạ. Chẳng còn ai vào đây nữa..."

- Thế giấy bạc của anh có biên số không?

Nếu hẳn không biên số thì mình cứ việc tiêu tự nhiên! Vạn nhất hẳn có biên số rồi, thì bảo hẳn đi trình cảnh. Nhưng mình sẽ tiêu ngay hôm ấy... Một người như mình cầm tờ giấy trăm vào Gô Đa mua hàng, ai dám nghi ngờ?...

Tôi nhớ lúc ấy tuy vẫn nói chuyện với mấy cô em, tôi xếp đặt đâu vào đấy rất chu đáo, phòng ngừa đủ mọi việc xảy ra. Chỉ còn việc lấy, và đổi áo nữa là xong. Rất dễ.

- Ấy kìa, anh đi đâu đấy?

- Tôi đi về đây, mai có việc bận, không thể ở lại được.

Tôi đã nhồm dậy đến bên mác, với áo, chiếc áo của Bân. Qua làn vải tôi thấy chiếc ví kệnh kệnh rần rần. Khoác áo lên một bên vai, tôi đi lại trong nhà, bồn chồn nóng ruột. Một cô đầu lê guốc ra hé cửa, nhìn ra ngoài trời:

- Tối lắm. Phải vạ gì mà đi bây giờ anh ạ.

- Đâu xem nào...

Tôi cũng đến bên cửa nghiêng nhìn ra ngoài. Tay tôi đưa vào trong áo, luồn vào khe ví, sờ vào mấy tấm giấy bạc. Tôi rung mình. Mấy ngón tay mân mê đầu tấm giấy, một cái, hai cái...

- Thôi, vào không gió, anh ạ. Vào nằm cho ấm...

Tôi bỏ tay ra - thong thả, không vội gì, - theo vào, cái áo vẫn đề trĩu trên vai. Tôi ngồi ghé xuống cạnh giường, cầm chén nước lên nhấp, rồi lại đặt xuống.

Tiếng Bân trong nhà cất lên:

- Ông ấy về rồi à?

Tôi đáp:

- Không, đã về đâu. Tí nữa.

Bân nói câu gì sau, tôi cũng không nghe thấy. Tâm hồn tôi lúc bấy giờ thế nào, tôi không biết rõ. Tôi đứng lên, ngồi xuống, như một cái máy. Tôi chỉ bản khoăn, bút rứt, và thời giờ qua... tôi cảm thấy đi qua tâm hồn tôi từ bên này sang bên kia... như thế không biết trong bao nhiêu lâu... Tôi khế thở dài, đứng lên lần này thì nhất định.



- Về thôi. Không mai đi sớm lại nhọc chết.

Bên hỏi vọng ra:

- Ồ, anh về à? Máy giờ rồi đấy nhỉ?

- Gần một giờ rồi. Anh cứ ở đây. Cả máy cô này nữa, đi ngủ đi cho béo mắt. Bên sau tôi ở lâu nhé.

Tôi đưa tay vuốt mái tóc một cô sán đến gần, hai tay để lên vai tôi, mắt nhìn ra về âu yếm. Hai cô khác ngồi yên trên giường, cũng đưa mắt nhìn tôi như chờ đợi.

- Thôi đi ngủ đi.

Tôi gạt tay cô ấy ra, gấp cái áo tây trên cánh tay, rồi đi vào phía giường Bên nằm. Tôi cúi xuống, tì vào thành giường - cố ý tì vào chỗ vắt cái áo - nhìn vào trong, qua màn.

- Anh ở lại nhé - tôi mỉm cười - tri kỷ hết đêm nay cho nó sướng...

Cô nhân tình khúc khích trong chăn. Và Bên ngửa đầu trông lên, tay vói vào tấm màn:

- Mai nhé.

- Oui, à demain.

Nhưng tôi chưa quay ra. Tôi vẫn cứ tì mình trên thành giường, lưỡng lự, một lát bấy giờ sao lâu thế. Rồi, không biết tại sao, bỗng nhiên:

- áo anh đây này, đây là áo của tôi.

Và nói thêm bằng tiếng Pháp:

- Anh đếm lại tiền đi. Và để cẩn thận vào trong ấy.

Bên nhòm nửa người dậy, cầm lấy áo:

- Merci, được rồi.

Tôi bước một bước lùi ra. Thế là hết. Bây giờ thì không sao đụng đến ví được nữa. Tôi bàn thần ngơ ngẩn, mặc lấy chiếc áo của tôi, và đội mũ... Vừa gài khuy, tôi vừa nói mấy câu bông đùa vô vị với cô ở đứng ở chân giường sắp tiễn tôi về. Tôi trùng trùng uống nước và hút thuốc, muốn cái thời khắc này cứ kéo dài ra mãi.

Đến khi ngồi trên xe về qua những phố khuya vắng vẻ, tâm trí tôi mới dần bình tĩnh lại. Gió lạnh thổi mát trên vầng trán nóng, và cái cảm giác mát ấy khiến tôi dễ chịu. Tôi nghĩ lại đến những cử chỉ và dự định của tôi lúc này, thật vừa như một người khôn khéo lại như một người mất hồn. Tất cả những cái đó bây giờ xa quá. Tâm trí tôi giãn ra, như một cây tre uốn cong trở lại cái thẳng thản lúc thường. Tôi cảm thấy một cái thú khoái lạc kỳ dị, khe khẽ và thẳm lặng rung động trong người, có lẽ là cái khoái lạc bị cám dỗ, mà cũng có lẽ cái khoái lạc đã đè nén được sự cám dỗ. Và một mối tiếc ngấm ngấm, tôi không tự thú cho tôi biết và cũng cố ý không nghĩ đến, khiến cho cái cảm giác ấy của tâm hồn tôi thêm một vẻ rờn rợn và sâu sắc.

\*\*\*

Sáng hôm sau tỉnh dậy ở nhà, tôi ngẩn ngơ nghĩ lại các việc tối hôm trước, y như trong một giấc mộng, chứ không phải việc đã xảy ra... Tôi ngạc nhiên tự hỏi sao mình hãy còn là người lương thiện, không phải là kẻ ăn cắp. Mà tôi thú thực rằng nếu bây giờ tôi đã là kẻ ăn cắp, cái đó cũng không khiến tôi lấy làm ngạc nhiên hơn. Mà còn là người lương thiện, tôi tự thấy cũng chẳng có gì là đáng khen. Tôi nhớ rõ lúc đó không có một ý nghĩ nào về danh dự, về điều phải, điều trái ngăn cản tôi, và khiến tôi đi vào con đường ngay, như người ta vẫn nói. Không, không có một chút gì như thế. Cái gì đã giữ tôi lại? Tôi không biết... Có lẽ chỉ một lời nói không đâu, một cử chỉ nào đấy, về phía này hay phía kia, đã khiến tôi có ăn cắp hay không ăn cắp. Chỉ một sợi tóc nhỏ, một chút gì đó, chia địa giới của hai bên... Tôi có tiếc đã không lấy hay không, hay bằng lòng mình vì đã chống giữ lại cái ý xấu? Tôi cũng không tìm biết rõ hơn. Hình như ý nghĩ ham muốn hay trừ trừ tối ấy không phải là của tôi, hình như của ai ấy, của một người nào khác lạ, khác với cái người thường của tôi bây giờ...

Chúng tôi đều yên lặng. Anh Thành nói xong, với cái điệu hút một hơi thuốc lào rất kêu. Rồi anh thở ra thông thả, mắt lơ mơ nhìn dõi theo làn khói đi.

*Rút từ tập truyện ngắn Sợi tóc,  
Nxb Đà Nẵng, Hà Nội, 1942.*

## Cái chân què

Cuộc đời có nhiều cái chế riều đắng cay và đau đớn làm cho chúng ta đột nhiên hiểu cái ý nghĩa chua chát và sâu xa. Tôi sẽ kể câu chuyện dưới đây làm chứng cho sự ấy.

Tôi có một người bạn tên là Minh. Anh ta là một thiếu niên linh lợi, đảm đang và rất có nghị lực. Nhà anh vốn nghèo. Cũng vì cái nghèo ấy, mà từ thuở nhỏ, anh Minh đã phải chịu bao nhiêu nỗi khổ sở, thiếu thốn, không kể những nỗi bị ức hiếp mà những người nghèo ở thời nào cũng phải chịu. Vì vậy, khi lớn lên, Minh chỉ có một chủ đích: làm giàu. Anh ta vẫn thường nói với tôi: "Đời bây giờ, chỉ có một sức mạnh, là đồng tiền. Nếu anh có tiền, anh làm gì cũng được". Tôi mỉm cười hoài nghi trả lời rằng sự đó không chắc lắm, rằng tuy đồng tiền là một sức mạnh đáng quý thật vì ai dám chê bai nó? Nhưng không phải là mục đích cốt yếu ở đời vì đồng tiền không đem lại cho ta sự sung sướng bao giờ cả. Minh nhún vai, cho tôi là một anh thi sĩ viễn vông, chỉ biết mơ màng hảo mà không biết đến những sự thiết thực khác cần hơn nữa.

Nhưng anh Minh hình như bị cái không may nó ám ảnh. Những công việc anh hăng hái làm đều bị thất bại cả. Những lúc anh tưởng được thành công, tưởng sẽ nắm trong tay được món tiền, thì lại là những lúc anh sắp được tin công việc hỏng. Cái không may ấy làm cho anh trở nên một người tảm tức, và ngày càng đồng tiền lại càng là cái ám ảnh độc nhất của trí não anh, cho đến một ngày cái không may lớn lên nữa đến làm anh khổ sở.

Hôm ấy, anh ta đương đi trong phố thì bị một cái ô tô tự nhiên bỏ đường nhảy lên hè cán phải. Minh chỉ kịp thoáng nghĩ đến cái sự không may ấy nữa, rồi anh ta đau quá ngất đi.

Khi tỉnh dậy, Minh thấy mình nằm trên một chiếc giường trong nhà thương. Anh chỉ mang máng nhớ lại hình như sau tai nạn, họ có mang anh lên bàn mổ, vì lúc bấy giờ anh thoáng nghĩ thấy mùi thuốc mê. Nhưng rồi sau Minh mê đi không biết gì nữa.

Anh khe khẽ cử động chân tay, thì biết chân bên phải như bị tê liệt. Chợt nghĩ đến sự cưa chân, Minh toát mồ hôi trán, quả tim đập mạnh.

Vừa lúc ấy, một người khán hộ bước vào phòng, tay cầm một chai thuốc. Cái câu Minh muốn hỏi người này, không ra khỏi được miệng anh ta. Minh sợ sự thực, sợ cái đã rồi, không bao giờ chữa được... Nhưng anh muốn biết.

Người khán hộ đặt chai thuốc lên bàn, nói với Minh:

- Cứ hai giờ ông lại uống một thìa. Đây là thuốc cầm máu.

Minh hỏi lảng:

- Tôi ngất đi có lâu không, ông?

- Lúc mang vào đây thì ông mê man không biết gì cả. Có lúc lên bàn mổ thì ông hơi tỉnh lại một chút. Nhưng mà lại bị đánh thuốc mê ngay. Minh hỏi hộp đưa lưỡi liềm đôi môi khô ráo, ấp úng hỏi:

- Thế... thế... mổ có... lâu không?

Thầy khán hộ không phải là người biết tâm lý. Thầy ta đáng lẽ phải trông thấy đôi mắt của Minh sáng lên, và cái vẻ lo sợ của Minh hiện ra trên nét mặt. Thầy ta trả lời:

- Chỉ độ mười phút. Cưa soẹt một cái là xong.

Và thầy ta đưa ngón tay trở vạt qua bàn tay trái, với một dáng điệu rất rõ rệt. Minh ngất đi.

Minh sống những ngày chán nản ghê gớm trên giường bệnh. Cụt chân! Bây giờ anh đã cụt chân thì còn làm gì được nữa. Nghĩ đến lúc phải lê cái chân gỗ như những người què anh thường vẫn gặp, Minh thấy rùng mình lạnh giá. Một người tàn tật như anh thì còn bao giờ mong đạt được cái chủ đích anh vẫn đeo đuổi xưa nay nữa. Còn mong gì có tiền! Đến mong cái chân lại lành như cũ không thể nào được rồi. Minh chỉ muốn tự tử.

Nhưng bốn tháng sau, khi ra khỏi nhà thương, Minh cũng quen dần với số phận của mình. Anh đành chịu vậy với một chân què. Đây là một sự an phận buồn rầu và khổ não, tràn lấp hết cả những hy vọng, những sở ước của đời anh.

Nhưng, đó là một cái may hay cái không may? Minh lại hy vọng khi người thầy kiện của anh đến bảo cho anh biết có thể kiện hãng ô tô để xin một số tiền bồi thường rất lớn được. Anh ta, từ đây, hỏi hộp mong đợi từng ngày cái kết quả của vụ kiện trên tòa án. Anh nghĩ đến số tiền mà anh sẽ có, nghĩ đến cái sức mạnh mà tiền sẽ mang đến cho anh. Tội thấy anh ta lại vui vẻ, huýt sáo miệng, và toan tính thực hành những cái mộng tưởng mà anh ta theo đuổi bấy lâu nay.

Quả nhiên anh được kiện. Ngày lĩnh tiền, Minh rủ tôi cùng đi. Anh mân mê những tờ giấy bạc một vụn bạc một cách thiết tha và khoan khoái. Mắt anh sáng lên, nhưng lần này vì vui mừng, anh giữ chặt vào ngực tập giấy bạc yêu quý, như ôm một người tình nhân.

Tuy vậy, lúc cùng đi xe trở về nhà, một mối buồn lại đến ám ảnh anh. Minh buồn rầu, chỉ vào cái thân gỗ của anh, nói:

- Giá không què chân mà được số bạc này có phải sướng biết bao không!

Rồi anh tấm tức thở dài, mắt đăm đăm nhìn thẳng ra xa như đang suy nghĩ lung lăm.

Được ít lâu, tôi gặp Minh luôn luôn ở những chốn ăn chơi trong thành phố. Đồng tiền làm cho anh đạt được mọi ý muốn. Anh lấy tiền bù đắp vào cái chỗ chân què của anh, cái sức mạnh đồng tiền làm cho anh say sưa. Muốn tận hưởng những cái khoái lạc cũng như người khác, Minh vun tiền ra không tiếc.

Tôi đã có lần khuyên anh nên dè dặt, thì Minh có vẻ tấm tức trả lời:

- Anh bảo tội gì mà không tiêu cho sướng? mà tôi còn giữ tiền làm gì cơ chứ?

Anh trầm ngâm một lát rồi nói tiếp:

- Anh không biết, tôi chơi bời để khuấy khỏa nỗi buồn và để quên đi.

Tôi đưa mắt nhìn cái chân gồ của anh không trả lời.

Mà thực, trong những hành động của Minh, người ta nhận thấy như một cái chua chát, một nỗi căm hờn... Có lẽ anh Minh không tha thứ cho số mệnh đã oái oăm với anh như thế, cho anh có tiền sau khi anh đã cụt một chân. Những cuộc chơi bời của anh kịch liệt như một sự phản động, mà chán nản như một vụ tự tử.

Hai năm sau. Điều mà người ta có thể đoán trước được đã đến. Phung phí trong hai năm, số tiền một vạn của anh Minh không còn một xu nhỏ. Anh lại trở lại với cái nghèo nàn như cũ, với những cái thiếu thốn của kẻ không tiền. Nhưng tâm anh đã rướm máu bị thương, lòng anh bây giờ không như trước nữa. Bây giờ trong lòng anh đầy những sự chua chát và chán nản. Cái chán nản sau những cuộc chơi bời, cái chua chát khi nhận thấy sự thay đổi của lòng người đối với kẻ có tiền và không có tiền.

Tôi đến tìm anh Minh trong một căn nhà ở ngoại ô. Ôn lại chuyện cũ, tôi hỏi anh một cách thân mật:

- Thế mà, bây giờ anh đã quên chưa?

Minh buồn rầu, giơ cái chân cụt ra ánh sáng, thông thả trả lời:

- Không, nó ở đây, không quên được.

Anh nói cả vết thương ở ngoài hình thể và trong tâm hồn.

## Duyên số

Ăn cơm xong, chúng tôi bắc ghế ngồi trong vườn. Anh Vân, chủ nhà, đang loay hoay pha mấy chén cà phê, mùi thơm phảng phất bốc trong không khí yên lặng.

Đã hai năm nay anh Bình và tôi mới lại gặp Vân.

Ba chúng tôi là bạn bè rất thân mật. Nhân nói tới việc anh Vân mới cưới vợ, câu chuyện cứ

quanh quẩn về việc vợ con và lập gia đình.

Bình nói:

- Tôi chỉ ước sao được một người vợ tuyệt đẹp thế là đủ.

Tôi tiếp:

- Tôi cũng ước như vậy.

Vân đáp:

- Người đẹp thì vẫn hay lắm. Nhưng tôi thì tôi cho việc vợ chồng chẳng qua là duyên số.

Chúng tôi phì cười:

- Anh này bây giờ thành ông thầy tướng chắc! Duyên số là cái quái gì mới được chứ?

- Là một sự bí mật không ai hiểu, mà chính tôi cũng không hiểu. Các anh hãy lặng yên để tôi kể câu chuyện của tôi cho mà nghe.

Nói xong, Vân điềm nhiên, thong thả châm điếu thuốc hút, rồi thong thả kể như một ông cụ:

- Chắc các anh cũng rõ, trước kia, tôi cũng lãng mạn như những người trẻ tuổi khác. Nghĩa là bình sinh chỉ ao ước được một người tuyệt thế giai nhân, như Tây Thi chẳng hạn để sánh vai, kẻ gối thì mới mãn nguyện. Mà việc ấy riêng đối với tôi thì lại có thể dễ dàng lắm, vì nhà tôi giàu, mẹ tôi lại chiều chuộng. Chỉ còn việc đi tìm người đẹp nữa là xong. Tôi bèn đi khắp thành phố Hà Nội, trong lòng tâm tâm niệm niệm sẽ tìm được con người trong lý tưởng.

Một hôm trong hội chợ tôi vào xem một gian hàng thêu. Lúc quay ra gặp ngay một bà cụ già tóc bạc phơ, với lại, đứng đằng sau... một cô gái.

Thoạt mới nhìn đôi mắt cô ta, tôi choáng váng như người nhấp cốc rượu mạnh. Thế rồi tôi yêu cô ta ngay, yêu tha thiết, yêu say đắm, không biết thế nào mà tả được. Tôi không biết rõ mặt mũi cô ta ra sao nữa, vì mỗi lần nhìn thì lại bị đôi mắt đen huyền ảo của cô ta làm choáng váng. Nhưng điều tôi chắc chắn, là cô ta rất đẹp. Ở hội chợ ra, tôi cứ theo riết cô ta và bà cụ về đến tận nhà, và sau khi đi đi lại lại trước nhà cô ta cho mãi đến 9 giờ tối, tôi mới chịu bỏ ra về.

Từ đấy, không ngày nào là tôi không đến đứng ở đầu phố hay qua nhà cô ta để mong được gặp mặt. Có khi đứng yên lặng hàng nửa giờ dưới mưa gió, tôi vẫn kiên gan không hề phàn nàn, chỉ mong nhìn mặt cô ta một lần cho đỡ nhớ. Bây giờ nghĩ lại độ ấy thật gian nan khó nhọc hơn một người đi lính.

Tuy vậy mà ba tháng đã trôi qua, tôi vẫn chưa tìm được cách nào để tỏ cho cô ta biết rằng tôi yêu cô ta, mà tôi cũng chưa rõ cô ta có để ý đến tôi không.

Trong lúc tôi đang mê mải về cô thiếu nữ ấy, một hôm mẹ tôi gọi đến bảo:

- Anh đã muốn lấy vợ chưa?

- Con ấy à? Rất sẵn lòng.

- Thế thì hay lắm. Tôi đã tìm được cho anh một chỗ rất môn đăng hộ đối, mà nhà lại giàu. Bà cụ là bạn cũ của tôi, còn cô ta...

Tôi không để cho mẹ tôi nói hết:

- Mẹ cứ để con chọn lấy, không cần gì giàu nghèo hay sang trọng, miễn là người ý hợp tâm đầu với con là được rồi.

- Nhưng anh có biết mặt cô này đâu. Cô ta ngoan ngoãn, có vốn liếng, mà cũng xinh đẹp.

Tôi nghĩ đến cái nhan sắc lộng lẫy của người vẫn mơ tưởng, nên không thiết gì bàn luận nữa. Mẹ tôi cũng chiều tôi không ép, nhưng còn tiếc:

- Không dám nào hơn đám này đâu, anh ạ. Nếu anh bằng lòng thì được ngay.

Tôi đâm gắt:

- Thì con đã xin mẹ cứ để mặc con mà lại! Con sẽ chọn lựa lấy được người hợp ý.

Trong bụng tôi định, hễ làm quen được với thiếu nữ kia, là sẽ nhờ mẹ tôi đem trầu cau sang hỏi. Cái địa vị và sự giàu có của tôi chắc sẽ cho tôi được mãn nguyện.

Mẹ tôi không nói gì nữa. Nhưng một tuần sau, bà cụ lại giờ đến câu chuyện cũ:

- Thế nào anh nghĩ kỹ chưa? Cứ nghe tôi bằng lòng đám này đi, không còn thì muộn mất. Vì người ta cũng đang có nhiều người hỏi lắm.

- Hỏi thì hỏi, càng hay. Mẹ cứ để mặc con.

Mẹ tôi phát dỗi:

- Ừ đấy thì để mặc anh. Tôi không nhọc xác!

Từ đấy, mẹ tôi không đã động đến câu chuyện ấy nữa. Tôi mừng rỡ đem hết trí nghĩ để tìm cách thu phục con người đẹp đẽ kia, nhưng vẫn chưa có dịp tốt nào. Chỉ biết thêm được tên cô ta là Bảo.

Một buổi chiều về nhà, mẹ tôi chỉ mấy cái bánh chưng, bánh dày bọc lạt đỏ, mà nói:

- Đây là cái đám hôm nọ tôi nói chuyện người ta biếu. Đấy, bảo anh, anh cứ lần khần không lấy, bây giờ người ta đi lấy chồng rồi. Thật đáng tiếc.

- Mẹ cứ nói vậy chứ tiếc quái gì. Thiếu gì nơi còn hơn thế nữa.

- Đành vậy. Nhưng cô Bảo này thật là được cả người lẫn nét.

Tôi sửng sốt hỏi:

- Mẹ nói cái gì? Cô Bảo à? Có phải cô Bảo nhà ở ngõ Gia Hưng không?

- Có còn cô Bảo nào nữa. Anh cũng không biết ư?

Tôi choáng váng không nghe thấy gì nữa, trống ngực đổ dồn như người bị cảm. Để mẹ tôi ngạc nhiên đứng đấy, tôi vùng chạy một mạch đến ngõ Gia Hưng, quả nhiên thấy trước nhà người vẫn mơ ước, xác pháo giải đố cả thềm. Qua bức màn, tôi thấy trong nhà đèn nến thấp sáng và có tiếng người ăn uống.

Thì ra cô Bảo của tôi đã đi lấy chồng thật!

Từ đó, tôi thất vọng, buồn rầu, không thiết gì nữa. Mẹ tôi lo sợ, vội hỏi cưới ngay cho tôi một người ở thôn quê. Lần này, khi mẹ tôi ngỏ ý, tôi nhận lời ngay, cũng không buồn đi xem mặt người con gái nữa. Thế rồi mấy tháng sau thì cưới.

Anh Vân ngừng lại. Ở trong nhà một người đàn bà mặc áo dài trắng bước ra, tay cầm cái ấm chè. Khi đến gần, sẽ cúi đầu chào chúng tôi rồi pha nước vào chén. Tôi nhìn thật kỹ, thấy người đã đứng tuổi, vẻ mặt xấu xí như những đàn bà nhà quê thường thấy. Anh Vân khẽ giới thiệu:

- Đấy, nhà tôi đấy.

Khi người đàn bà đã bước vào nhà, anh ta thở dài nói:

- Thế mới biết vợ chồng là việc duyên số không biết thế nào mà định trước được. Tuy vậy mà tôi với nhà tôi hợp ý nhau lắm, trong gia đình rất thuận hòa. Biết đâu, nếu tôi lấy cô Bảo kia, rồi sau lại không được như thế? Phải, biết đâu? Chúng tôi còn đồng thanh tỏ cho anh Vân biết rằng cũng đồng ý với anh về chỗ ấy, và hết sức an ủi cho anh hiểu rằng chỉ có sự hò thuận trong gia đình là đáng quý giá hơn hết.

## Người bạn cũ

Tôi với Khanh - người bạn duyên nợ trăm năm - đang ngồi cùng bàn câu chuyện làm ăn, ấm nước chè giải khát pha đã hầu nhạt. Chuông đồng hồ điểm mười một giờ; ngọn đèn lụi dần, dầu hỏa trong bầu do một tay rót có điều độ chỉ cháy được đến thế là hết. Cảnh tịch mịch một đêm khuya ở tỉnh nhỏ thật buồn bã, khiến tôi lại nhớ đến những đêm náo nhiệt, đầy ánh sáng ở Hà Nội.

Khanh sửa soạn sắp ấm con đi nghỉ, thì bỗng có tiếng gõ cửa rồi vú già vào.

- Thưa cậu, có người đàn bà nào hỏi cậu.

Tôi thất ý bảo:

- Sao vú không nói tôi vắng, bảo người ta lúc khác hãy đến có được không?

- Thưa, người ấy có việc cần, con không dám tự ý.

Tôi ngạc nhiên ngừng lên nhìn vợ, thì Khanh cũng đang ngạc nhiên nhìn tôi, đôi lông mày lá liễu đã bắt đầu dúm lại. Tôi bảo vú già:



- Vú ra hỏi ai đã.

Người vú vừa quay đi thì Khanh đã sầm ngay mặt lại lườm tôi mà rằng:

- Đàn bà, con gái, nửa đêm còn hỏi với han gì? Sao cậu không sai vú già tổng khứ đi cho rồi.

Ngay lúc ấy, người vú trở vào:

- Thừa cô Lệ Minh đấy, cậu ạ.

Tôi ngẩn người ra. Lệ Minh, người bạn đồng chí gặp gỡ ở Hà thành ba năm về trước, sao nay cô lại về đây? Cô đến bí mật thực. Không biết cô đến tìm tôi có việc gì trong lúc đêm khuya khoắt này? Đến nhà tránh nạn chăng? Trong một buổi mà tấm lòng nhiệt huyết còn sôi nổi, tôi đã hứa lúc nào cũng sẵn lòng giúp cô trong bước khó khăn. Lời hứa đó, và cái kỷ niệm một thời thiếu niên hăng hái thoáng qua trí nhớ khiến tôi băn khoăn; một mối lo ngại bỗng nhiên đến ám ảnh tâm trí làm tan nát cái yên tĩnh tôi đã giữ gìn trong mấy năm này.

Vú già vẫn đứng đợi. Tôi bảo Khanh:

- Mợ vào trông em nó ngủ trước. Tôi phải ra có việc.

Rồi vội bước để tránh câu bác chì mà tôi có thể đoán được, tôi ra ngoài tiếp khách. Trông khách mà kinh ngạc, không biết có phải Lệ Minh người cũ không. Áo sa chum ngoài áo cánh trắng càng làm rõ cảnh nghèo khổ ẩn ở trong; hai túi nhét đầy những thứ lạ gì, há hốc miệng như kêu đói; một giải lưng lụa đã ám màu xơ xác thoáng qua sợi sa thưa.

Tôi lại nhớ đến Lệ Minh ngày xưa, ông ả biết bao trong chiếc áo vải rỗng, đi đâu cũng cố động dùng nội hóa mà chính cô hiện cái gương diễm lệ.

Ngay đến dung nhan cô xét cũng khác xưa, đôi mắt tinh nhanh buổi trước bây giờ lơ lơ như bị ám sau cái màn lo nghĩ; đôi gò má hây hây nay không biết vì tuổi hay vì phiền não ở đời, đôi má kia đã thành ra hóp lại, hai gò má nổi cao, phải chăng như để tiêu biểu cho kẻ số phận vất vả long đong. Tôi ngại ngừng, lâu chưa nói được câu hỏi han, cô cũng ra vẻ sượng sùng, e lệ; một lát, cô khẽ nói:

- Mạnh quân chắc thấy em khác trước lắm.

Nào tôi có trách gì cô! Trong một phút nhìn sự thực, tôi hiểu chính tôi thay đổi nhiều lắm, mà tự ghen với người nữ đồng chí. Cái thân trường giả nửa mùa tôi nay đã nhiễm nhiên thành một người tòng sự công sở, họa chăng có lo lắng cho vợ con đủ ấm no là mãn nguyện. Cái đời nghĩa hiệp lãng mạn đã thuộc về thời quá khứ, cô đến đây thật là tiếng sét trong quãng bình minh. Rồi không biết tự nhủ mình hay nhủ ai, tôi đáp:

- Vâng, người đời ta mỗi lúc một khác.

Lệ Minh như không để ý đến câu triết lý ngớ ngẩn ấy:

- Em đến đây muốn phiền ông anh một việc, chả biết ông anh có sẵn lòng không?

Tôi hơi chột dạ. Không hiểu nhà nữ đồng chí này lại muốn bày ra chuyện gì. Song cũng gượng đáp:

- Việc gì, cô cứ cho biết.

Lệ Minh bắt đầu thuật lại quãng đời vừa qua.

- Anh em bây giờ mỗi người một nơi, người nào lo phận người ấy. Còn em thế cô, một thân lang thang nay đây mai đó, chẳng làm được việc gì, rồi một buổi chán nản, yếu hèn, em đã đem thân gửi một nhà lái buôn.

Nghe thấy cô có chồng tôi như đỡ được một gánh nặng, dần lòng nghe nốt câu chuyện. Chuyện cô cũng giống như chuyện trăm nghìn gia đình éo le khác. Gã lái buôn đã dối cô: gã đã có vợ cả. Cả, lẽ ghen tuông, cô vốn người học thức, không chịu được phận tôi đòi, một hôm cô ốm con lên đường tìm phương tự lập. Cô đến nhờ tôi tìm cho một chỗ dạy tự, nhất được nhà nào chịu nuôi thầy dạy con ở nhà thì càng hay, vì cô chỉ mong được một chỗ "yên thân" là quý.

Cô nói xong, cúi nhìn đi chỗ khác, như tự lấy làm xấu hổ vì cái điều mong mỏi tầm thường ấy. Yên thân! Bây giờ chúng tôi chỉ cầu có thể thôi ư? Tự nhiên tôi thấy khó chịu trong bộ quần áo lụa, trong căn phòng của tôi bày biện nào đỉnh đồng, tủ chè, sập gụ, những thứ đồ đạc làm nẩy về thềm muốn trong con mắt những người đồng sự ở cái tỉnh nhỏ này. Tôi không giấu được cái mối thẹn thùng đưa lên làm nóng mặt. Tôi quay lại phía Lệ Minh vừa gặp lúc nàng cũng đưa mắt nhìn tôi. Hai chúng tôi nhìn nhau ngượng nghịu.

Cô khẩn khoản thêm:

- Thế nào anh cũng cố giúp hộ tôi nhé.

Tôi nhận lời cho qua chuyện. Song tôi cũng thừa hiểu, trước cái hoạn nạn không xứng đáng kia, một lời hứa xoàng chẳng cũng quá ư nhạt nhẽo. Không tìm được phương cứu giúp cô một cách kiến hiệu hơn, tôi tự thấy mình hèn nhát. Nhưng biết làm thế nào? Mời cô ở lại đây ư? Tôi nghĩ đến cái giận dữ của Khanh mà sợ: nàng chẳng sẽ làm tan hoang nhà cửa ra mất?

- Hỏi thế này khí không phải, cô sao không đến chơi sớm hơn một chút?

Lệ Minh như mới hiểu mình đến giờ vô lý. Cô bối rối xin lỗi:

- Em chỉ còn nhớ chỗ ở ngõ huỳnh biên cho trước. Đến hỏi từ sáu giờ tối, họ chỉ quanh quẩn, và em không thuộc phố tỉnh này thành ra cứ đi vờ vẩn mãi. Và khi còn ở trên Hà Nội anh hay thức khuya lắm cơ mà. Anh thường vẫn nói, đêm là ngày của bọn trí thức, em vẫn tưởng thế nên mới dám đường đột đến đây.

Tìm công việc hộ cô, giới thiệu một thiếu nữ như cô vào một gia đình nền nếp cũ, tôi cho là khó khăn, mà nghĩ không có can đảm làm. Giúp cô cái vốn nhỏ để cô tìm cách tự lập, tôi vẫn cho là phận sự của tôi. Song mợ cháu giữ chìa khóa, mà Khanh đâu có phải là người có thể lấy nghĩa khí mà chuyển được lòng. Muốn tìm câu khuyên giải cô, song tôi thấy chính cần phải khuyên giải cho tôi nhiều hơn, nên tắc cổ không nói được nên lời.

Đồng hồ đánh mười hai tiếng lạnh lạnh trong đêm khuya. Tôi giật mình nhìn Lệ Minh, lo sợ. Đã một giờ đồng hồ ở nhà ngoài rồi, chắc Khanh ngủ vực, mà từ nãy đến giờ tôi chắc đã lắm bầm chán.

Lệ Minh như biết ý, đứng dậy xin cáo từ.

Tôi mở cửa tiến cô ra ngoài. Trông cô đi khuất vào bóng tối, tôi lại nhớ đến những ngày nào hồi còn trẻ vẫn cùng nhau hội họp khuya trong một căn phố tối tăm ở ngoại ô Hà Nội.

Tôi đóng cửa trở vào, thấy Khanh vẫn còn giọng đèn ẵm con ngồi đợi trên ghế. Tôi vào, nàng kể lể lời thôi, trách móc nào là không biết thương vợ thương con, nào là đã ngần ấy tuổi - (tuổi mới có ba mươi!) - mà còn toan tính những ai. Giọng Khanh tím tức như bị điều gì khổ sở lắm, rồi nàng cúi mặt tí tê khóc. Tôi phải liệu nhờ khuyên giải mãi, nàng mới nín.

Khi nàng đã ẵm con vào màn đi nghỉ, khi cái yên lặng tịch mịch của đêm khuya đã trở lại trong phòng, tôi cúi đầu suy nghĩ.

Từ cái dĩ vãng xa xôi thăm thẳm, tôi thấy hiện lên một hình ảnh rõ ràng, hình ảnh tôi trong lúc còn niên thiếu, một thanh niên hăng hái, nhiệt thành, bông bột những điều hay, sự đẹp, lúc nào cũng mơ màng những việc thành công to tát, một thanh niên chưa biết đến cái sự thực chua chát của cuộc đời.

Tôi lại nghĩ đến cái thân thể tôi bây giờ, một viên chức ở tỉnh nhỏ, sống cái đời yên lặng, trường giả, một đời ăn no mặc ấm, không phải lo lắng cái gì. Tôi hình như cảm thấy một sự ý hợp hơn.

Rồi tôi băn khoăn tự hỏi xem trong hai cái hình ảnh ấy, hình ảnh người thiếu niên hăng hái và hình ảnh người trường giả an nhàn, cái hình ảnh nào thật của tôi?

Tôi không dám trả lời.

*Rút từ tập truyện ngắn Gió đầu mùa,  
Nxb Đời nay, Hà Nội 1937.*

## Tối ba mươi

Đến cửa buồng số 12, Liên chuyển những đồ lè sang bên trái, cúi cầm xuống giữ cho chặt, còn tay phải vịn quả nầm. Những gói giấy chỉ chực tròng thành rơi. Liên cất tiếng khàn khàn gọi:

- Huệ ơi! Huệ!

Nàng tưởng sẽ thấy nét mặt vui vẻ của Huệ thò ra đón, vớ lấy các thức mua và hỏi "Sao mà về chậm thế?" nhưng trong phòng vẫn yên lặng. Liên mở cửa bước vào: Huệ đang cuộn chăn nằm ngủ trên giường, tóc xõa ra cả trên gối trắng. Vẻ lạnh lẽo của căn phòng đến ngay bao bọc lấy Liên, khiến cái vui trong lòng nàng mong manh sắp tắt. Liên để các gói xuống bàn, giữ bụi mưa trên áo rồi vội vàng đánh thức bạn:

- Dậy đi, Huệ!

Huệ ậm ự mở mắt lơ lơ nhìn, rồi lại định quay mặt vào trong ngủ. Bực mình Liên tung chăn ra bên, vừa xốc Huệ lên vừa nói:

- Gớm, ngủ cả ngày không biết chán.

Huệ đã tỉnh hẳn, vươn vai ngáp rồi ngồi dậy, kéo chăn trùm lên vai:

- Mà bảo chả ngủ thì làm gì?

Rồi nàng rùng mình:

- Lạnh quá! Kia cô ả, vào không khép cửa lại; mà sao đi lâu thế?

Liên ra đóng cửa phòng, quay trở vào:

- Tao phải chạy vội khắp các phố đấy. Các hiệu đã sắp đóng cửa cả. Giá cứ nghe mà thì chả kịp mua bán gì, đành là nhịn đói ăn Tết.

- Thì đã chết chưa. Không ăn, ngủ cũng được.

Liên nhận thấy nét mặt mỗi một của bạn. Nàng nhìn quanh căn phòng bản thủ. Dưới ánh ngọn đèn mờ, lổng chổng các đồ đạc quen thuộc: cái giường Hồng Kông cũ, đồng hồ và gi xạm, cái bàn gỗ ẩm ướt ở góc tường, hai cái ghế long chân. Liên nghĩ đến sự trợ trợ của đời mình. Tết đến nơi rồi. Tết đến thăm nàng ở đây, trong cái buồng nhà "săm" này cũng như đến những nơi thơm tho đầm ấm.

Nàng không muốn nghĩ vợ vẫn nữa. Cái buồn ghê gớm chỉ chực kéo đến giày vò nàng, Liên vội cười lên. Nàng đến cạnh bàn giờ các gói bọc giấy nhật trình buộc bằng dây cói: những thức ăn rẻ tiền mua hấp tấp ở các hiệu khách trước giờ đóng cửa đêm ba mươi.

- Nào, xem mà mua những gì nào.

Huệ cũng trở dậy đến bên giúp Liên giờ các gói và để thức ăn ra ngoài.

- Lạp xường này, bánh chưng này, giò lụa, lại cả gan kho nữa cơ à? Oai nhỉ! Còn gói gì thế này? à... cam. Tuyệt! Cam này thì phải biết!

Mấy quả cam đỏ lẩn ra bàn. Huệ cầm một quả toan bóc. Liên giằng lấy:

- Con khi! Ăn trước à? Còn để cúng đã chứ.

- Ừ thì để mà cúng! Nhưng vàng hương đâu?

Liên đáp:

- Chỉ có hương thôi. Còn vàng không cần. Tiềm tiệm thôi cũng được.

Huệ lặng im, tự dưng thoáng nghĩ đến thân thể lưu lạc của hai chị em và lòng se lại. Huệ nhìn bạn, âu yếm. Giờ chỉ còn Liên là người thân thiết với nàng.

Xếp các giấy gói sang một bên, Liên quay lại bảo Huệ:

- Chúng mình bày cỗ cúng đi chứ?

- Bày làm quái gì vội. Bây giờ mấy giờ rồi?

- Không biết. Để gần mười một giờ rồi đấy. Sửa soạn đi thì vừa.

Huệ không đáp, đi đến cửa sổ, tỉ trán vào cửa kính nhìn xuống đường. Mưa bụi vẫn bay tơi tả, hình như ở bóng tối khắp nơi dồn lại quăng phố hẹp này. Trên hè ướt át và nhớp nháp bùn, không một bóng người qua lại. Cái vắng lạnh như mệnh mông ra tận đâu đâu ở khắp cả các phố Hà Nội đêm nay. Huệ tưởng đến những căn nhà ẩm cúng và sáng đèn, then cửa cài chặt, mọi người trong nhà đang tấp nập sửa soạn đón năm mới trong sự thân mật của gia đình. Chỉ có hai chị em nàng xa cửa, xa nhà. Nhưng nàng còn nhà đâu nữa mà về? Mẹ chết rồi, cha đi lấy vợ khác không biết ở đâu. Đã bảy, tám năm nay, nàng không về đến làng. Những người quen thuộc còn ai không? Huệ nghĩ đến lại thương hại cho Liên, em họ nàng. Liên còn cha mẹ, nhưng Liên không dám về. Hai người sống cái đời trụ lạc ở Hà Nội từ lúc bỏ nhà ra đi. Hôm nay, ngày cuối năm sum họp hai người ở căn buồng này, trong một cảnh ăn Tết lạnh lẽo.

Huệ nhắm mắt lại. Vì trông mưa bụi hay vì nàng khóc thật? Hình như có chút nước mắt vừa rơm rớm ở mi nàng. Huệ chớp khẽ rồi nhớ đến cuộc đời mình, lúc trẻ thơ, lúc còn con gái, ở nhà quê. Một buổi sáng mùng một Tết, - nàng không nhớ rõ là tết năm nào, nhưng đã lâu lắm rồi thì phải - nàng mặc áo mới đứng trên thềm nhìn mấy bông hoa đào nở ở trước vườn. Tại sao nàng lại chỉ nhớ rõ có cái cảnh ấy? Huệ không biết, nàng chỉ mang máng cảm giác một sự gì trong mát, tươi non... Khác hẳn bây giờ. Tâm hồn Huệ u ám và nặng trĩu xuống.

Bỗng Huệ giật mình quay lại; Liên vỗ vai nàng, cười:

- Nghĩ gì mà thần người ra thế? Phải vui vẻ lên một tí chứ! Sắp giao thừa rồi đây này.

Huệ theo Liên đi vào và gặt đầu.

- Thôi, cúng đi. Chị sửa soạn xong chưa?

Trên chiếc bàn rửa mặt đầy vết bẩn, Liên đã đặt đĩa cam quít, cái bánh chưng và thép vàng.

Mấy gói lạp xường và giò cũng để ngay bên. Các đồ cúng nghèo nàn bỗng bày lộ ra trước mắt hai người. Huệ tìm lấy thẻ hương. Nàng quay lại hỏi Liên:

- Chị có mua gạo không?

- Có, gạo đây. Nhưng đổ vào cái gì bây giờ?

Hai chị em nhìn quanh gian buồng, nghĩ ngợi. Liên bỗng reo lên:

- Đổ vào cái cốc này này. Phải đấy, rất là...

Nàng im bật dừng lại. Hình ảnh ô uế vừa đến trí nàng. Cái cốc bẩn ở góc tường, mà cả đến những khách làng chơi cũng không thềm dùng đến, nàng định dùng làm bát hương cúng tổ tiên! Liên cúi mặt xuống, rồi đưa mắt lên trông Huệ; hai người thoáng nhìn nhau. Liên biết rằng những ý nghĩ ấy cũng vừa mới đến trong trí bạn.

Huệ cất tiếng nói trước, thản nhiên như không có gì:

- Hay cắm trên cái chai này... Không! Cắm trên tường này cũng được, mà y nhỉ.

Liên không dám trả lời, sẽ gặt đầu.

Nàng đến cạnh giường lật đệm lên lấy bao diêm.

Nhưng giật mình nàng quay lại: có tiếng người gõ cửa buồng.

- Ai đấy?

- Tôi. Cô mở cửa cho tôi với.

Hai chị em luống cuống nhìn các đồ cúng trên bàn. Hai người muốn cất dọn hết, nhưng chắc không kịp. Nhanh trí, Huệ đứng dựa bên bàn che khuất đi, trong lúc Liên ra mở cửa. Người bồi "săm" ngó đầu vào.

- à, bác Tâm. Hỏi gì thế?

- Tôi gửi cô giữ hộ chiếc chìa khóa.

- Bác về đằng nhà bây giờ à?

Anh bồi "săm" tươi cười:

- Vâng, phải về ăn Tết chứ. Thôi, cô làm ơn trông hộ nhà nhé. Giờ này cũng chẳng có ai đến nữa mà sợ.

Liên thấy đằng sau, tiếng Huệ đáp:

- Đêm nay thì còn ma nào đến. Bác cứ về.

Người bồi sắp bước đi, lại quay lại:

- à chút nữa quên, tôi xin chúc mừng trước hai cô nhé! Chúc hai cô sang năm mới được... được...

Người bồi áp úng, không biết nói thêm gì. Liên vội đỡ lời, cảm ơn, rồi đóng cửa buồng lại. Một lát, tiếng cánh cổng sắt dưới nhà rít lên trong yên lặng lạnh lùng.

Giờ chỉ còn hai chị em trong căn nhà. Gian buồng bỗng trở nên rộng rãi quá chừng: một cái lạnh thấm thía đến tâm hồn. Ngoài đường trời hẳn còn mưa, mưa buồn rầu và âm thầm trong tối. Trong gian buồng, ẩm ướt tăng thêm. Liên và Huệ đưa mắt nhìn mọi vật chung quanh. Cái giường sắt lạnh, đệm và gối hoen bẩn, cái thau gi, cái xô, và cái bàn rửa mặt gỗ đã mọc... Đó là khung cảnh của cuộc đời trụi lạc đã từ lâu...

Huệ đứng dậy hỏi bạn để cho tan sự yên lặng:

- Chị đã thắp hương chưa?

Liên cũng tự nhiên gọi Huệ là chị:

- Chưa. Chị thắp đi. Bao diêm ở bên cạnh đĩa ấy.

Khói hương lên thẳng rồi tỏa ra mùi thơm ngát đem lại cho hai nàng kỷ niệm những ngày cúng giỗ ở nhà, khi hai chị em còn là những cô gái trong sạch và ngây thơ.

- Sắp đến mười hai giờ rồi đấy, Liên nhỉ?

- Có lẽ đến rồi. Năm mới!

Huệ đặt lại các đĩa trên bàn, xếp vàng cho ngay ngắn. Nàng quay lại bảo Liên:

- Chị ra khẩn đi.

Liên tiến đến trước bàn thờ, đứng yên.

- Em biết khẩn làm sao bây giờ?

Nàng bỗng nấc lên, rung động cả vai rồi gục xuống ghé, tay áp mặt. Những giọt nước mắt nóng chảy tràn mi mắt, nàng không giữ được; Liên cảm thấy một nỗi tủi cực mênh mang tràn ngập cả người, một nỗi thương tiếc vô hạn; tất cả thân thể nàng lướt hiện qua trước mắt với những ước mong tuổi trẻ, những thất vọng chán chường.

Huệ nhìn Liên rồi nhẹ nhàng đến gần, buồn rầu vỗ vai bạn:

- Liên, khóc làm gì nữa, buồn lắm.

Tiếng nàng cũng cảm động nghẹn ngào. Dưới bàn tay thân mật của bạn, Liên càng nức nở. Hai chị em giờ này cảm thấy trợ trợ quá. Liên ngừng mặt lên nhìn Huệ, cố gượng một nụ cười héo hắt:

- Chị cũng khóc đấy ư?

Huệ gục xuống vai bạn, không trả lời. Nước mắt cũng ú lên rồi lặng lẽ dào ra má. Nàng quàng tay ôm hết sức chặt lấy Liên.

Tiếng pháo giao thừa bỗng nổi vang gần đấy rồi từ nhà nọ sang nhà kia lan rộng mãi vào đêm tối. Liên nói sẽ như thi thắm:

- Giao thừa.

Huệ không trả lời. Hai chị em nép vào nhau, yên lặng.

*Rút từ tập truyện ngắn Sợi tóc,*

*Nxb Đà Nẵng, Hà Nội 1942.*

## Tình xưa

Ngày theo học trường tỉnh Thái Bình, tôi ở trọ nhà ông Cả Vinh, một nơi quen biết của thầy mẹ tôi. Ông Cả cũng có người con trạc tuổi chúng tôi đi học, bởi vậy ông cho học trò đến ở, lấy cơ ràng để anh Hòe, con ông, được vui anh vui em. Thực ra, ông bà Cả muốn chứa trọ để kiếm lời. Nhà ông nghèo lại đông con, và số tiền tháng của ba chúng tôi cũng đủ giúp cho bà Vinh một cái vốn nhỏ để buôn bán.

Ông Cả ở một lớp nhà cổ, một cái nhà ngói năm gian chạy dài mặt phố và một căn nhà lá rộng, đầy những hàng hóa của bà Cả, rồi đến nhà dưới và bếp. Đằng sau nhà có một miếng đất trồng cây cối, ngăn với bãi cỏ hoang của tỉnh bằng một hàng rào râm bụt thấp. Ngay trước nhà gạch trông ra, có một cái sân vuông và hẹp, có bể nước lớn. Cái sân đó là giang sơn riêng của ông Cả: một cái núi non bộ nhỏ trong cái bể con bằng xi măng và hai dãy chậu trồng đủ các thứ lan. Cũng như nhiều người rồi khác, ông Cả có cái ham mê những công việc tỉ mỉ. Sớm chiều lúc nào tôi cũng thấy ông lom khom ở ngoài sân, cúi mình tỉa xén các chậu lan hay sửa sang non bộ. Thật là một dịp trọng vọng nếu chậu lan có chum một dò hoa. Phải nhìn vẻ vui sướng trên mặt ông lúc bấy giờ mới hiểu. Ông gọi chúng tôi ra xem hoa, với cái tự kiêu của một chủ nhân ông khéo léo; rồi hàng giờ ông đứng lặng ngắm chậu lan, dường như để đợi chờ bông hoa nở.

Sân gạch ngay chỗ cửa sổ buồng học chúng tôi trông ra, và lúc nào ngừng lên trên sách, chúng tôi cũng thấy bóng ông. Sự chăm chút âu yếm và cẩn trọng của ông làm chúng tôi buồn cười.

Nếu không có anh Hòe cùng ngồi đấy, chúng tôi đã bàn định tinh nghịch đùa ông một chuyến.

Bữa cơm họp đông đủ cả nhà: chúng tôi, anh Hòe và ông Cả ngồi ăn cơm nhà trên, còn bà Cả với hai cô con gái và đứa em nhỏ ăn riêng dưới bếp. Hai mâm cơm khác nhau: bữa cơm chúng tôi ăn ngày nào cũng có thịt cá, còn bữa cơm ở dưới nhà chỉ toàn rau muống và đậu phụ.

Không bao giờ chúng tôi thấy có món ăn khác, và có lúc chúng tôi thầm phàn nàn cho sự kham khổ của bà Cả và hai cô con gái. Vẻ xanh xao của Lan và Huệ không làm chúng tôi ngạc nhiên. Đó là hai thiếu nữ lặng lẽ và kín tiếng, không lúc nào cười nói to.

Bởi vậy tuy hai cô cũng trạc tuổi với chúng tôi, tôi cũng không để ý đến. ở trong buồng học trông ra, thỉnh thoảng tôi thấy bóng Lan đi qua sân xuống nhà dưới hay với tay múc nước trong bể. Nhưng cách đi đứng khép nép và cách phục sức nhã nhặn của cô không gợi ý chúng tôi bao giờ.

\*

\* \*

Chúng tôi ở trọ nhà ông Cả đã được ngót hai năm. Tôi thích ở đấy, giữa những người giản dị, và riêng đối với tôi, ông Cả rất có cảm tình.

Anh Hòe là một cậu học trò rất đần và dốt, chậm trí khôn; cùng vào học mà tôi lên lớp nhất, anh mới học lớp nhì. Bởi vậy ông Cả nhờ tôi rèn cặp cho anh ta, và bảo ban thêm. Tôi gắng làm công việc đó một cách chu đáo, nên ông Cả tỏ ý biết ơn. Những lúc nào anh Hòe chậm hiểu bài hay làm tính hỏng, ông Cả thường gắt bảo:

- Mà không xem cậu Bình đấy mà bắt chước. Cậu ấy học sáng bao nhiêu, mà lại chịu khó nữa.

Tôi lặng yên và tìm cách lánh ra ngoài để anh Hòe khỏi ngượng.

Từ đấy, tôi được gia đình ông Cả trọng vọng và yêu quý. Số tiền trợ trả sòng phẳng, và những quà cáp mà mẹ tôi không bao giờ quên mang đến biếu ông Cả mỗi khi lên thăm con, khiến bà Cả có ý biệt đãi tôi. Tiếng bà dịu đi và trở nên êm ái mỗi khi nói với tôi; khi nào về muộn, bà dành phần riêng cho tôi những món ăn ngon và một mâm cơm thơm tất. Hai bạn tôi ganh tị, thường nói mát:

- Thôi, sắp làm rể bà Cả đi thì vừa. Cho chúng tao ăn cỗ cưới với nhé!

Tôi mỉm cười không trả lời, vừa nghĩ đến cô gái cả bà chủ trọ: cô thiếu nữ ấy không làm tôi có chút ý gì. Mà thật ra, tôi cũng không biết mặt mũi cô ta thế nào cả: tôi chưa bao giờ nhìn kỹ cô ta.

Về cuối tháng tám năm ấy, sau ngày nhập trường ít lâu, một việc xảy đến làm náo loạn các học trò: một thiếu nữ, cô Bích, vào học lớp nhất lẫn với bọn con trai. ở Thái bấy giờ trường con gái chưa có lớp trên, mà cô này đã học hai năm liền ở lớp nhì rồi. Cha mẹ cô không thể gửi cô lên Hà Nội, bèn xin cho cô vào học trường con trai. Sau khi đắn đo mãi, ông đốc trường bằng lòng để cô học lớp nhất. Ngày đầu cô đến trường, bọn học trò thảm thì bàn tán và chỉ tay về phía cô. Ngay thầy giáo chúng tôi cũng có vẻ ngượng nghịu. Nhưng chỉ bọn học trò chúng tôi là xông xáo nhất. Chúng tôi không thể quên được có một người con gái lẫn vào trong lớp. Cô Bích lại đẹp và rất có duyên. Tất cả lớp ra công cố sức để bắt chim cô. Những bức thư tình gửi đi như bướm bướm. Chính tôi, tôi cũng yêu thầm nhớ vụng cô ta. Và vì thế mà tôi bắt đầu để ý đến các cô thiếu nữ.

Rất lâu, việc cô Bích vào học là đầu đề câu chuyện trong bữa ăn của chúng tôi. Chúng tôi thuật lại cho nhau nghe những cử chỉ của cô và của những anh mê cô. Anh Hòe cục mịch quá, không biết nói gì về chuyện ấy, nhưng ông Cả, tuy ngày thường rất đạo mạo, cũng thỉnh thoảng tự cho phép một câu nói đùa hóm hỉnh. Ông vuốt hai bên mép râu và nhìn chúng tôi cười một cách tự đắc. Tiếng ồn ào của chúng tôi đến tai bà Cả ở gian bên, và bà cũng chen vào một câu nói:

- Cô ta ở đấy thì học với hành gì được. Không khéo lại tăng tịu với anh nào thôi.

Ngưng một lát, bà lại hỏi đùa:

- Sao cậu Bình không nhân ngãi phẳng với cô ta có được không?

Tôi chưa kịp trả lời, hai anh bạn tôi đã nhao nhao lên đáp:

- Có, có đấy ạ. Cô ấy để ý đến anh Bình lắm ạ, vì anh ấy học giỏi nhất lớp.

Tôi toan cãi, nhưng lại thôi, lòng cũng hơi thích vì lời nói ấy. Một lát yên lặng theo sau câu chuyện. Rồi có tiếng thanh và nhỏ của con gái bên kia. Cô Lan nói chuyện với mẹ; tôi lắng tai chú ý, nhưng tiếng nói khẽ quá, không nghe rõ gì cả.

Một hôm giờ ra chơi, anh Ngạc, người bẻm mép và láu chuyện nhất lớp, bỗng tự dưng vỗ vào vai tôi, bảo:

- Sáng nay nhân tình mày ra phố mua sắm cho mày ăn phải không?

Tôi ngờ ngạc chưa hiểu Ngạc nói gì, thì anh đã nhìn tôi nháy mắt rất ý nghĩa, tiếp:

- Lại còn vờ mãi. Cô Lan con ông Cả chứ gì!

Rồi hấn quay lưng bỏ đi, để tôi đứng sững người, yên lặng; tôi chưa kịp cãi lại điều gì.

Về đến nhà, tôi thấy trong buồng học, ngay trên bàn về phía tôi ngồi, một đĩa sắn gọt sẵn để đấy. Câu nói của Ngạc trở lại trí nhớ tôi, làm cho tôi ngạc nhiên. Làm sao hẳn ta biết được cô Lan mua sắn, và để phần cho tôi? Vừa lúc ấy, anh Chi đi học về, chạy vào. Thấy đĩa quà, anh kêu lên:

- á sắn! Trông ngon quá.



Không lưỡng lự, anh cầm lấy ăn liền. Cử chỉ ấy khiến tôi khó chịu.

- Anh biết sản của ai đấy mà cũng ăn?

Chi cầm miếng sản cắn dở, quay lại phía tôi:

- Không phải sản của anh à?

- Không. Tôi không biết của ai để đấy.

Nghe thấy tiếng chúng tôi nói, bà Cả ở ngoài sân bước vào:

- Các cậu cứ ăn đi. Sản của em nó mua phần các cậu đấy.

Khi bà Cả ra rồi, Chi nhìn tôi với một vẻ trêu nghịch, vừa cầm miếng sản nữa trên đĩa:

- Cô ấy phần riêng anh đấy, chúng tôi ăn có được không?

Bực mình, tôi không trả lời, yên lặng ngồi xuống ghế. Chi không nhìn tôi nữa, và anh cúi mình ăn sản với một vẻ khoan khoái rất rõ rệt. Tôi nhìn trộm anh ta. Tự nhiên tôi nghi cho Chi và Hoạt đã đặt điều thêu dệt về tôi với các bạn ở trường. Hai anh đều là những người lém và hay bịa chuyện lắm.

\*

\* \*

Từ hôm ấy có những cái sản sóc nhỏ nhỏ tỏ rằng cô Lan chăm chú đến tôi. Đi học về, bao giờ tôi cũng thấy một vài thứ quà dành sẵn, để ngay trên bàn chỗ tôi vẫn ngồi. Có khi một bó hoa tươi cắm trong ống bút. Sách vở ngăn nắp và sạch sẽ khiến cho tôi biết cô Lan có vào buồng học lúc chúng tôi đi vắng. Tuy vậy, tôi cũng không dám chắc hẳn rằng Lan để ý đến tôi; tôi cũng không bao giờ cố ý giáp mặt nàng.

Một buổi chiều, chúng tôi ra vườn đằng sau nhà. Bấy giờ đầu tháng chín, hai cây hồng ở góc vườn trĩu những quả. Anh chị em Lan đang cầm quèo trĩ. Chúng tôi bước lại gần. Anh Chi nói:

- Nào, cô Lan cho chúng tôi mấy quả nào?

Lan lặng yên cầm quèo với một cảnh cao. Thân thể trẻ tươi và dẻo dăng của nàng vươn cong dưới bóng cây, và tấm áo mảnh căng sát để phô hẳn những đường mềm mại. Khi nàng hái chùm quả xuống, Chi và Hoạt xúm lại cướp ngay trên tay nàng những quả ngon. Tôi vẫn đứng riêng ra, và thèm muốn cái vẻ tự nhiên của hai người bạn. Nhưng sau cùng, Lan đến gần bên, đưa cho tôi một quả ngon nhất mà nàng đã giấu trong lúc các bạn tôi tranh. Tôi giơ tay đón lấy và ngón tay tôi chạm vào ngón tay nàng. Lan nói khẽ:

- Anh cầm lấy.

Đôi mắt nàng nhìn tôi, tôi bỗng rung động cả người; đôi mắt nàng phản chiếu một tình yêu mãnh liệt và tha thiết quá. Tôi hiểu ngay rằng nàng yêu tôi. Tự nhiên, một sự cảm động tràn lấn vào người; tôi cũng nhìn lại nàng. Nét mặt của Lan lúc bấy giờ tôi mới biết rõ. Nàng không đẹp, nhưng khuôn mặt dễ coi, và lúc này nàng có một vẻ xinh xắn đáng yêu, một cái duyên tươi thắm và kín đáo. Trước tôi, nàng cúi mặt xuống; một nỗi e thẹn làm ửng hồng hai gò má. Khi nàng quay đi, tôi nhìn theo khen phục cái dáng điệu uyển chuyển của nàng.

Sau buổi ấy, tôi biết chắc chắn ý tứ của nàng đối với tôi. Lan tìm hết cách làm cho tôi vừa lòng. Những sự chăm nom săn sóc riêng của nàng làm tôi tự kiêu. Đôi khi, nàng cố ý tìm cách gặp tôi. Những lúc tôi đi học về, tôi thấy nàng như tình cờ ra đứng ở ngõ. Khi tôi đi qua, nàng khép nép vào bên tường và nhìn tôi mỉm một nụ cười sung sướng. Tôi cũng mỉm cười trả lại nàng; tôi còn trẻ và tình yêu của một cô con gái khiến tôi tự đắc.

Một đêm giữa tháng, tôi ngồi buồn trong buồng học, không biết làm gì. Cả nhà đã đi ngủ, và anh Chi với anh Hoạt đi xem tuồng vắng. Tôi ngồi gần bên cửa sổ trông ra sân. Ở ngoài, trăng rằm vắng vạc, tường vôi sáng trắng lên chói lọi. Hai dãy chậu lan cất bóng xuống mặt sân, và các lá lan đen sẫm lấp lánh ánh trắng cong. Thời khắc rất êm dịu và thú vị. Tôi lặng yên hưởng luồng gió mát của ban đêm.

Bỗng nhiên một bóng người len vào các chậu cây, rồi tôi nghe thấy tiếng nước khẽ rót xuống. Cô Lan tưới hoa. Tôi nhớ mỗi khi chậu lan có dò hoa nở, ông Cả lại bắt nàng tưới ban đêm. Có khi, khuya lắm, chúng tôi hãy còn nghe thấy tiếng cô ở ngoài vườn. Một ý ham muốn bỗng đến chiếm lấy tâm hồn tôi. Mùi thơm nhẹ và sắc của hoa lan thoang thoảng ở ngoài. Lan vẫn cúi

mình trên chậu cây, dường như không biết có tôi bên cạnh. Tuy vậy, tôi đoán rõ sự cảm động của nàng. Tôi đến bên cạnh nàng khẽ gọi:

- Lan, em Lan...

Tôi để tay lên tay nàng. Lan rung động cả người, toàn thân nàng mềm lại. Nàng ngả người trên vai tôi... Tôi biết rằng từ đây Lan sẽ là một vật của tôi, và tôi muốn làm gì nàng cũng được.

Sau độ ấy, tính nết nàng hình như đổi hẳn, hay bây giờ nàng mới biểu lộ cái tính nết thực của nàng ra. Nàng không còn là cô gái lặng lẽ và kín đáo trước kia nữa. Lan nói năng luôn miệng và tiếng cười của nàng vang lên trong nhà; mắt nàng sáng lên, và hơi một chút việc cũng làm cho nàng vui sướng. Bà Cả lấy làm lạ về con và nhiều khi bà định ngăn cản cái vui tràn lan ấy:

- Ôi! Con Lan độ này làm sao ấy. Không biết có gì mà vui vẻ thế.

Hai bạn tôi hình như hiểu biết. Họ thường nhìn tôi với một vẻ trêu nghịch và cười với nhau một cách từng đàng. Tôi làm lơ như không biết gì.

ái tình đã khiến Lan thành một người khác. Tâm hồn nàng phô bày ra rõ rệt. Nàng thành ra con trẻ và ngây thơ quá. Nàng tưởng làm tôi vừa lòng bằng những cử chỉ săn sóc âu yếm. Những thức quà liên tiếp nhau trên bàn học, khiến chúng tôi ăn no bỏ cả cơm. (Chỉ béo cho hai anh bạn tôi, họ được hưởng tự nhiên và lại còn có chuyện để chế giễu tôi nữa). Lúc nào nàng cũng nghĩ cách để chiều ý tôi. Những cử chỉ vụng về của nàng khiến tôi vừa cảm động lại vừa ngượng với anh em. Nhưng Lan hình như không nhận thấy.

Một buổi chủ nhật, mấy người bạn đến rủ chúng tôi đi chơi. Vừa đi qua chợ ở đầu phố, bỗng thấy Lan tắt tả chạy theo, gọi. Tôi dừng lại, cau mày, không bằng lòng. Nàng trông lên, và lúc bấy giờ hình như mới biết tôi không đi một mình. Hai má đỏ bừng vì thẹn. Lan lúng túng:

- Anh... anh cầm lấy cái này mà ăn.

Nàng giở trong bọc áo mấy bẹ ngô nướng vừa mua ở chợ.

Tiếng cười của các bạn tôi vang lên. Bực mình, tôi đâm gắt:

- Ai bảo cô cho tôi? Tôi không dùng cái của ấy.

Lan sững người, đứng lặng nhìn. Tôi biết tôi đã làm phật ý nàng, nhưng ai lại đem cho quà giữa phố như thế. Anh Chi hỏi lờm:

- Sao, của *chị* ấy mua cho mà anh lại chê à?

Họ cười với nhau, rồi Hoạt giới thiệu với mấy người bạn:

- Nhân tình đẹp của anh tôi đấy.

Tôi không trả lời, khó chịu. Lúc về, tôi cố ý tránh nàng, và giữ vẻ mặt giận. Nhưng Lan vẫn trẻ con và vô lý như cũ.

Ngày mồng năm tháng năm, không biết nghĩ thế nào, Lan đưa tặng tôi một bộ bùa bằng vóc nhiều xanh đỏ. Đó là công trình tỉ mỉ mà nàng đã thức suốt đêm để khâu. Trông thấy vật ấy rõ ràng để trên tập sách của tôi, anh Chi và Hoạt rủ ra mà cười. Họ chụm tay nhau xem quả đào và quả ớt sặc sỡ ấy, và những câu mỉa mai lại gấp đôi lên. Xấu hổ, tôi giằng lấy và vứt ra ngoài cửa sổ. Cái bùa túi rơi ngay vào rãnh nước.

Chiều đến, khi gặp Lan, tôi thấy nàng nhìn tôi có vẻ âm thầm oán trách. Vừa bực mình cho tôi lại vừa bực mình cho nàng, tôi lặng yên giả vờ lãnh đạm rồi tránh mặt ra chỗ khác.

Ông bà Cả đã bắt đầu nghi ngờ một sự gì. Điều ấy khiến tôi lo ngại. Tôi đã nhiều lần bảo nhỏ Lan phải kín đáo. Nhưng mặc những điều khuyên nhủ cẩn thận của tôi, Lan hình như không thể giữ gìn được. Nàng có một tâm hồn giản dị và quê mùa trong tình yêu. Lan làm quà cho tôi những thức rất buồn cười và vô lý, và tỏ vẻ ngạc nhiên khi thấy tôi không bằng lòng:

- Những thứ ấy em biểu anh, anh không thích ư?

Biết không thể làm nàng hiểu được, tôi chỉ trả lời:

- Tôi không thích cô cho tôi cái gì cả.

Sự yêu mến của tôi với nàng có lẽ Hoạt và Chi đã kể cho nhiều người nghe rồi. ở trường các bạn học nhiều lần đã nói bóng gió xa xôi đến. Câu chuyện cái bùa túi ngày mồng năm họ đã biết. Ngạc, một hôm, tự dưng đến thò tay vạch áo tôi ra, bảo:

- Nào, xem cái bùa túi của mày đâu nào...

Tôi giận dữ gạt hẳn ra, quay đi. Ngạc chế với:

- Ê, ê, nhón thể kia mà còn đeo bùa túi kia!

Những lời chế giễu ấy làm tôi bực tức đến cực điểm. Tôi thầm trách Lan đã gây cho tôi những nỗi khó chịu ấy. Tình yêu mộc mạc của nàng bắt đầu đè nén tôi. Những cách yêu mến sẵn sốc của nàng chỉ làm tôi bận bịu.

Tôi bắt đầu tìm cách tránh nàng. Lan, trái lại, càng quấn quýt lấy tôi. Lòng ham mê khiến nàng quên hết cả giữ gìn. Hễ gặp tôi chỗ khuất là nàng nhảy đến ôm lấy, và tôi khó khăn mới gỡ được ra. Chúng tôi như thế đã suốt bị ông bà Cả bắt gặp mấy lần.

... Những vẻ chế giễu của các bạn học và những câu mỉa mai lại thoáng qua trong trí. Tôi không còn cái yên tâm để sẵn sàng hưởng tình yêu nữa. Tôi vội xa nàng. Lan không hiểu, và những câu trách móc, tuy rất kín đáo, với những giọt nước mắt của Lan mỗi khi thấy tôi thờ ơ, chỉ càng khiến tôi khó chịu thêm.

Một buổi chiều, cả nhà đi ăn cỗ vắng, Hoạt và Chi sang Nam Định chơi. Tôi ở ngoài về thấy mâm cơm chờ sẵn ở nhà với hai đôi đĩa và hai cái bát. Lan đứng khuất một chỗ khúc khích cười. Rồi, như con chim non, nhảy nhót chạy ra nắm lấy tay tôi mắng:

- Hôm nay cậu về muộn quá! Cơm nước nguội cả rồi!

Câu trách cợt đùa, nàng cố lấy giọng đứng đắn để giống như lời người vợ trách chồng. Tôi buồn cười, nhưng cau mày không đáp.

Lan nhìn tôi như đứa trẻ dò ý người lớn:

- Gớm, làm gì mà làm làm cái mặt thế? Thôi, tôi xin cậu đi.

Nàng bưng miệng cười, mở lòng bàn, rình sự bằng lòng của tôi trước những món ăn khéo làm mà nàng biết là tôi vẫn thích.

Nhưng tôi vẫn không nói. Tôi uể oải vào buồng bên, ngồi sau bàn học giờ sách ra coi. Biết nàng đang tiến lại gần, tôi cũng không quay lại.

- Anh Bình sang xơi cơm.

Tôi không đáp, nàng lại mời:

- Mời cậu Bình đi xơi cơm... Xin mời cậu Bình đi xơi cơm ạ!

Tiếng cười nàng giòn giã reo lên sau câu nói ấy. Nàng chạy đến bên định kéo tôi dậy, nhưng nét mặt nghiêm nghị của tôi bắt nàng ngừng im.

Vẻ sững sờ của nàng và sự oán trách buồn rầu ứa trên đôi mắt khiến tôi có ý ái ngại cho nàng, song tôi cũng nói:

- Được, cô cứ để mặc tôi, tôi chưa muốn ăn.

- Kia, nhưng mà...

- Không, chốc nữa tôi ăn cũng được.

Nàng toan nói, nhưng sau cúi đầu im lặng, nhìn tôi một lần nữa rồi quay ra.

Tôi ăn cơm một mình, ăn rất nhanh, và không để ý đến sự giận dỗi của Lan; xong bữa tôi đi chơi tức khắc.

ở ngoài phố, tôi gặp Chi và Hoạt bên Nam về, Chi làm bộ ngạc nhiên:

- Kia sao không ở nhà tự tình?

Hoạt thêm một câu:

- Ông bà đã giận nhau chứ gì?

Rồi cả hai nắc lên cười. Tôi cau mày để đáp lại.

Đêm hôm đó tôi bực mình và trần trọc không ngủ được. Nghĩ đến tình yêu của Lan đối với tôi, nghĩ đến bữa cơm chiều, tôi hơi lấy làm hối hận, và bởi thế lại càng thấy bực mình thêm.

Sáng hôm sau tôi nghe thấy bà Cả hỏi:

- Lan, mày mệt đấy à?

Tiếng Lan đáp:

- Thừa để không ạ.

Khi Lan ở dưới nhà đi qua sân, tôi thấy nàng mặt rầu rầu, hai mắt quầng thâm, dáng điệu lặng lẽ và chán ngán. Nàng xách cái thùng tưới đến để bên bể nước và hình như cố tình giữ lại trong lòng những tiếng thờ dài.

Tôi thấy lòng nao nao vừa bực vừa buồn, như thấy một sự gì êm đẹp đang mất đi mà không còn can đảm giữ lại được nữa.

Từ hôm ấy, Lan lại yên lặng như trước. Nàng ít nói và cũng không hay gặp mặt tôi. Nàng tỏ ra một thái độ đúng mực, lãnh đạm và lúc nào cũng buồn rầu. Sự đó để cho tôi được bình yên, nhưng cũng làm cho tôi phật ý. Tôi tưởng nàng chỉ thế trong ít bữa, chắc có buổi nàng không gan được nữa, sẽ phải tìm đến tôi, sẽ phải hỏi han tôi, và sự chờ đợi cái lúc nàng làm lành với tôi lại càng khiến tôi tức bực trong sự kiêu hãnh.

Cùng ở một nhà, chúng tôi như người xa lạ, và lâu dần, nghĩ đến nàng, tôi thấy lòng dửng dưng. Hơn một tháng trời thảnh thơi mới trông thấy nhau, Lan với tôi thản nhiên hỏi nhau hay trả lời những câu không giấu một ý tứ gì thân mật hay hờn giận.

Tôi cũng không để mắt đến dung nhan nàng nữa, và đôi khi tưởng tượng đến chuyện cũ, tôi ngạc nhiên như tìm thấy một tính tình dị kỳ.

Rồi mùa thi tới nơi. Chi, Hoạt và tôi chăm chỉ luyện tập. Sự ganh đua sốt sắng cuối năm là điều quan tâm hoàn toàn của người đi học. ở nhà ông Cả trong những bữa cơm, chỉ nói đến chuyện thi cử và bàn bạc đến những đầu bài khó hay dễ sẽ ra trong kỳ thi này.

Lan bị xóa bỏ hẳn trong đời tôi. Không bao giờ sự lãng quên lại mau chóng như trong tâm trí tôi hồi bấy giờ, và không bao giờ cuộc tình duyên của tuổi thanh niên lại đơn bạc đến như thế.

Giữa cô con gái ông chủ nhà cùng với người ở trọ học, hình như không có một tình nghĩa nào cả và cái đêm trăng ân ái trước đây dăm ba tháng chỉ là hình ảnh hờ hững của một giấc mộng thoáng qua.

Hồi ấy kỳ thi cơ thủy chưa mở ở Thái Bình. Tôi cùng các bạn hữu phải sang trường Nam và ở luôn đó bốn ngày để chờ đợi kết quả. Ngày thứ năm tôi trở về Thái với cái mừng được trúng tuyển và tức khắc nghĩ đến sự thu xếp về quê. Anh Hòe, con ông Cả, cũng may mắn như tôi, và hai anh Chi và Hoạt. Tôi để cả tâm trí vào sự vui vẻ của mọi người. Vợ chồng ông chủ làm một bữa cơm sang trọng như bữa tiệc để khao chúng tôi. Cả nhà ngồi ăn trừ cô Lan khó ở từ mấy hôm trước. Tôi hỏi thăm qua quýt lấy lệ và cười nói giã hoạt nhất nhà. Chi thảnh thơi trêu tôi bằng một câu ranh mãnh khác. Một lần, khi rượu ngà ngà say, và nhân thấy Chi đứng làm mối xin cô Lan cho tôi, ông Cả cười thích chí:

- Cái gì chứ cái đó thì được. Nhưng ai lấy con gái tôi thì phải ở gửi rể ba năm.

Tôi "xin vâng" và cười một cách rõ ràng tỏ ra tính cách đùa cợt của câu chuyện.

Tôi không kịp có thì giờ hỏi hận cho sự tàn ác vô tình có thể thấy trong câu đùa cợt. Tôi cũng không muốn nghĩ rằng Lan lúc đó có thể đau lòng vì tôi. Lan không còn liên lạc với tôi nữa.

Hôm sau tôi từ giã nhà ông chủ, lòng hờn hờ tưởng đến sự mừng rỡ của mẹ tôi lúc thấy tôi về. Trong cái thì giờ đi xe từ Thái đến bến Tân Đệ và đợi tàu ở Nam qua, tôi mãi nghĩ chuyện nghĩ hèn, chuyện lên Hà Nội học ban Thành chung, không một lúc nào có một ý mền tiếc cô thiếu nữ con gái ông Cả.

Khi tàu Nam tới tôi đáp thuyền lên, chọn chỗ cất hành lý và vui vẻ ngó đầu ra trông một lần cuối cái bến tôi vẫn đi về trong mấy năm qua. Hai dãy nhà lá bồng bênh ở hai con đường quanh quệ đang thông thả lùi lại và nhỏ dần. Một sự băng khuâng nhẹ nhàng dịu tâm hồn người đến những tình cảm man mác, tôi bỗng thấy cả người xúc động vì nhận ra trong bọn người lác đác ở bến một cái xe đỗ vội, và trên xe bước xuống một người con gái ngo ngác nhìn về phía tôi. Tàu đã xa hẳn mạn sông. Mặt người trên bến không nhìn rõ. Tuy vậy, tôi không thể làm được, người thiếu nữ kia chính là con người tội nghiệp đã hờn giận tôi và thương tôi.

Chỉ một lát, bến đò Tân Đệ đã khuất hẳn ven sông. Từ đó, tôi không gặp Lan lần nào nữa.

*Rút từ tập truyện ngắn Sợi tóc,  
Nxb Đời nay, Hà Nội, 1942.*

## Ba bài tựa của Khái Hưng viết cho Tú Mỡ, Thạch Lam Vương Trí Nhàn

Trong không khí của kỷ niệm 60 năm Tự Lực văn đoàn, chúng tôi xin giới thiệu ba bài tựa của Khái Hưng viết cho các tác phẩm của Tú Mỡ và Thạch Lam, trong đó bài cuối cùng được viết vào tháng 7-1943 tức là đúng 70 năm trước.

*Những ghi nhận về đóng góp của nhóm Tự Lực thường chỉ dừng lại ở việc đánh giá cao những tác phẩm nổi tiếng của các cây bút chủ lực trong văn đoàn. Theo ý chúng tôi lẽ ra chúng ta cần phải chú ý tới cả một quan niệm về văn học mà các nhà văn trong nhóm đã theo đuổi trong đó ít nhất bao gồm*

– về sứ mệnh của văn học trong đời sống

– về công việc mà những nhà văn với tư cách nhà hoạt động văn học phải đảm nhiệm

Không phải ngẫu nhiên mà từ Nhất Linh tới Thế Lữ, từ Thạch Lam tới Xuân Diệu, các ông đều là những người tham gia vào việc tổ chức nên đời sống văn học. Khi cần các ông viết báo viết tin viết đủ loại điểm sách, giới thiệu sách.

Vấn đề không chỉ ở chỗ ngồi bút các ông có một trường hoạt động rộng rãi.

Mà điều đáng nói hơn, văn hóa sáng tạo của các ông là rất chắc chắn, tự ý thức nghề nghiệp của các ông rất cao.

Cái phần đóng góp của mỗi người trên phương diện lý luận phê bình cũng là một chỉ số để đánh giá một nhà văn.

Với những *Hồn bướm mơ tiên, Nửa chừng xuân, Tiêu sơn tráng sĩ, Trống mái, Thanh Đức*, Khái Hưng quá nổi trên phương diện tiểu thuyết. Cho đến truyện ngắn của ông, sự giới thiệu cũng rất dè dặt, nói chi đến những bài báo vật..

Thật ra trên phương diện viết báo Khái Hưng cũng là một ngòi bút tràn đầy sức lực.

Chúng tôi hiện đã sưu tầm được một số bài tường thuật điểm sách ý kiến ngắn bàn về văn học, cùng các loại tạp văn của ông, xin hẹn giới thiệu vào một dịp khác.

Trước mắt mời bạn đọc đọc lại Khái Hưng qua những lời tựa — một việc mà người ta chỉ thấy trong văn học tiền chiến, còn với các lớp nhà văn sau 1945, là hiện tượng quá hiếm.

Vương Trí Nhàn sưu tầm, giới thiệu

\*\*\*

### LỜI TỰA VIẾT CHO DÒNG NƯỚC NGƯỢC VĂN BÁC HỌC VÀ VĂN BÌNH DÂN

Cũng như nhiều nền văn chương cổ kim, văn chương nước ta có rõ rệt hai dòng: Dòng bác học và dòng bình dân.

Dòng bác học, ta có thể ví với con sông, hai bên bờ có đê kiên cố để làn nước không tự do tràn ra đồng bằng được, phải lặng lẽ theo lòng sông mà chảy thẳng ra biển. Chỗ nào ngòng ngoèo quá thì người ta đào lạch cho nước thông mau, chỗ nào nông quá thì người ta khơi sâu thêm cho nước dễ thoát.

Trái lại, dòng bình dân chỉ ví như cái suối chảy trong vùng đồi núi hoang vu, quanh co, lượn khúc cạnh rừng lau mọi rợ hay bên bờ rậm dày cỏ sắc hoa dại, có khi thì thẳm róc rách trong khe, có khi âm âm đổ xuống thành ngàn thành thác, lại có khi gặp tảng đá lớn ngang giữa dòng, hung tợn vọt ngược lên cao.

Đê và lạch đối với con sông, cũng như — đối với nền văn chương bác học — những luật lệ qui tắc nhất định mà các văn nhân đạo mạo tự bắt buộc phải theo. Ở nước ta, tuy không có những sách văn pháp như ở bên Thái Tây, song đời đời người ta cứ lè lối cũ của Tàu mà bắt chước,

không hề dám suy suyễn: Văn sách, kinh nghĩa phải thế nào, thi phú, từ khúc phải thế nào, đặt câu bằng bằng trắc trắc ra sao, làm bài phá thừa luận kết ra sao, nhất nhất không dám mảy may thay đổi.

Văn chương bình dân thì chẳng mấy khi theo luật lệ qui tắc. Khi nào miễn cưỡng theo, cũng hục hặc phá phách như con ngựa bắt kham, vì dùng văn thất niêm thất luật be bét, dùng chữ và tiếng sai nghĩa lung tung. Song, chính nhờ đó mà nền quốc văn đã có lắm chữ mới và lối văn mới đặt rất bạo, thí dụ như những thổ ngữ, những thi ca lục bát, song thất lục bát, tứ tự, cùng là các lối về có văn ở giữa câu.

Về hình thức thì thế, mà về ý tưởng cũng vậy. Trong văn chương bác học, ta thấy đầy những điển tích chép nhặt trong các sách Tàu. Trong một bài diễn văn, ông Lê Dư thực đã bênh vực cho nền văn bác học bằng một câu rất có ý nghĩa: “Văn không có điển tích không phải là văn”. Nào chỉ có điển tích. Văn chương bác học nước ta lại còn phải ở trong khuôn phép thánh hiền, không bao giờ được vượt ra ngoài những tư tưởng luân lý, như tam cương, ngũ thường. Không dùng điển tích, không hề đạo mạo, đó là hai tính cách cốt yếu của văn chương bình dân. Và tuy cũng theo luân lý cổ nhưng văn chương bình dân xiết bao giản dị với những tính tình chân thành, với những nguyện vọng thiết thực. Khi bọn bình dân gặp một sự gì trái ngược với tính tình và nguyện vọng của họ, họ liền mạnh bạo thốt ra những lời văn oán trách chẳng chút rụt rè che đậy bằng những ý tứ mập mờ, bóng bẩy, cao xa. Ta hãy nghe bài hát sau này của một người đàn bà nhà quê, về thời vua Minh Mệnh:

*Tháng tám có chiếu vua ra,  
Cấm quần không đậy người ta hỡi hùng.  
Không đi thì chợ không đông,  
Đi thì bóc lột quần chồng sao đang.  
Có quần ra quán bán hàng,  
Không quần đứng nắp đầu làng trông quan.*

Lời văn thành thực giản dị mà táo bạo và ngộ nghĩnh ấy, không hề thấy có trong văn chương bác học, tuy văn chương bác học cũng nhiều khi nhiễm tư tưởng trào phúng, – cái trào phúng nặng nề đầy điển tích và nhứt nhát rụt rè đối với kẻ có quyền thế.

Vì vậy, muốn biết tập quán, phong tục trong dân về thời nào, không gì bằng đọc văn bình dân, nghĩa là những ca dao tục ngữ của thời ấy: đó là những cái gương phản chiếu tính tình và nguyện vọng của cả một thời đại. Hát một câu ca dao hay, ta biết cổ nhân vui hay buồn, sung sướng hay khổ sở. Ta ngậm ngùi rằng tác giả không để tên để tuổi lại hậu thế. Song đó cũng là một tính cách bình dân: Sống không để ai biết đến, có danh vọng cũng không cần ai hay. Những áng văn vô danh kia, đời đời ta truyền khẩu cho nhau, không bao giờ để mai một đi, như thế cũng đủ làm hài lòng bọn bình dân rồi, vì họ đã lưu lại được cái linh hồn chân thật của cả một nòi giống.

Song tuy thế mà thỉnh thoảng ta vẫn thấy một vài tác giả có chân tài trong phái bình dân. Đó là một sự rất hiếm trong văn giới nước ta, vì bọn học giả mình thường chỉ biết ngày xưa theo văn Tàu, ngày nay theo văn Tây, – có khi theo một cách nô lệ, – mấy ai đã lưu ý đến văn chương bình dân.

Mà thực ra thì ta vẫn khao khát được đọc văn bình dân, ta vẫn quý trọng các nhà văn bình dân. Hồ Xuân Hương tuy lẳng lơ nhưng vẫn được ta yêu tài và truyền tụng những bài thơ cợt nhả. Vì là một nhà văn bình dân. Ông Tú Xương tuy mỉa đời mà vẫn được đời kính mến. Vì ông là một nhà văn bình dân. Và ngày nay Tú Mỡ tuy tinh nghịch đùa bỡn, chế nhạo mà vẫn không mấy người ghét được. Vì Tú Mỡ cũng là một nhà văn bình dân.

So sánh Tú Mỡ với ông Tú Xương và cô Xuân Hương, hẳn có người cho là hơi quá, vì họ thấy hai bậc văn hoà kia tuy viết văn giản dị song đều ở trong phái nho học, còn Tú Mỡ thì lại là một nhà Pháp học. Nhưng văn bình dân không cần cỗi rễ ở đâu hết, quý hồ tả được tính tình và cốt cách của cả một dân tộc là đủ rồi.

Mà văn Tú Mỡ thì cũng như văn Tú Xương, văn Hồ Xuân Hương, cũng như những câu ca dao, tục ngữ, quả thực hoàn toàn có tính Annam.

Ngày 25 tháng 9 năm 1934

### LỜI TỰA VIẾT CHO GIÓ ĐẦU MÙA

Viết truyện ngắn nào có khó gì đâu. Một sự xảy ra ngoài phố làm rung động trái tim ta, một câu chuyện thuật trong phòng khách làm nở một nụ cười khoái trá trên môi ta, một khu rừng âm u lạnh lẽo, một xóm nhà tranh rải rác dưới ven đồi, một cái quán bán nước, một cái xe với anh phu kéo... hay không cái gì cả, *sự trống rỗng một phút, một giây của tâm hồn*. Những cảnh tượng ấy, dù trọng dù khinh đều là đầu đề câu chuyện ngắn, đều kích thích trí nghĩ ta mà ngầm ngầm tự cấu tạo nên một câu chuyện ngắn. Ta chỉ việc viết lên giấy những điều trông thấy, nghe thấy và những ý tưởng nảy ra trong thâm tâm ta. Có thể thôi. Cái khó- nếu quả có cái khó- chỉ ở chỗ phải có biết thế thôi.

Đó là quan niệm về truyện ngắn của Thạch Lam, tác giả tập truyện *Gió đầu mùa*.

Một gia đình hai vợ chồng trẻ với đứa con đầu lòng mới ra đời, một dãy phố chợ tòi tàn với bọn ngụ cư nghèo đói, cái vui sướng của một người thất nghiệp về làng sống với dân quê, sự đùa bỡn oái oăm của duyên số, cái kết quả tai hại của một cơn giận, sức áp bức quyết liệt của sự đói, cái chết đau đớn của người bạn trẻ nghèo... Toàn truyện giản dị cả. Muốn tả những sự xảy ra hàng ngày ấy tác giả không cần đến những tình tiết ngoắt ngoéo tối tăm, nhiều khi rất trẻ con mà ta thấy nhan nhản trong những truyện kiểu cách, loè loẹt của những nhà văn thiếu thành thực.

Thành thực, đó là đức tính không có không được của nhà văn. Ở Thạch Lam, sự thành thực lại trở nên sự can đảm. Đọc nhiều đoạn văn của Thạch Lam, tôi rùng rợn cả tâm hồn vì sự thành thực (những đoạn tả trong truyện *Ngày mới*).

Tôi xin thú thật rằng những điều nhận xét gay go về mình, và những người sống chung quanh mình, tôi cũng thường có, song vị tất đã dám viết ra. Nhưng sao lại thế nhỉ? Đáng lẽ bọn nhà văn chúng ta ai cũng phải can đảm hơn người thường. Đáng lẽ ta phải mạnh bạo viết những điều mà mỗi người, mà ta, nhất là ta, giấu kỹ ở tận đáy linh hồn, những nỗi băn khoăn, những sự vui mừng lo sợ, tức tối, thèm muốn, ghen ghét đang ẩn náu trong khối óc, trong trái tim ta. Tôi vẫn ước ao cái can đảm ấy, nhưng không sao có được, cái can đảm mà tôi thấy ở Tolstoi, mà trong đám văn sĩ mới nước ta, tôi thấy ở Thạch Lam.

Lòng ta là một thế giới mênh mang. Nếu ta để trí suy xét của ta len vào các ngách, các nơi kín tối, chăm chỉ tìm tòi ta sẽ thấy nhiều sự mới lạ. Tưởng sống tới trăm tuổi ta cũng không biết thực rõ được lòng ta.

Phái tả chân thường khoe khoang chỉ suy xét theo phương diện khách quan, liệu có được không? Tả một người giận dữ mà chỉ là những hiện trạng của sự giận dữ thì bức tranh của ta không thể đầy đủ được.

Muốn nó đầy đủ ta phải hỏi lòng ta, ta phải hỏi ký ức ta xem khi ta giận thì trí nghĩ và tính tình ra sao, thì cảm giác ta ra sao, hơn thế, ta phải sống lại một cơn giận. Người chủ động trong truyện *Một cơn giận* của Thạch Lam, có thể chỉ là Thạch Lam. Ông tự vẽ ông. Nhưng cũng có thể là bức tranh tả chân hết thấy ai ai trong một cơn giận vô lý giữa lúc ta thấy "*lòng ta chán nản và buồn bực, những ngày tự nhiên không hiểu tại sao ta thấy khó chịu và hay gắt gỏng*". Có lẽ vì không bao giờ rời bỏ phương diện chủ quan nên Thạch Lam để làm ra rung động: trước ta, chính ông đã rung động. Tả cái lạnh đầu mùa, ông nhớ ngay cái cảm giác mà ông có một đêm mưa rào, rồi bỗng trở ra gió bắc (*Gió lạnh đầu mùa*). Ông tả cái ngõ hẻm ở một xóm quê bằng cái cảm giác của ông đi qua nơi đó: "*Một cái cảm giác mát lạnh bỗng tràn lên hai vai. Tân ngừng đầu lên nhìn: chàng vừa đi vào dưới vòm tre xanh trong ngõ*" (*Trở về*).

Cả đến một buổi gặt, ông cũng tả bằng cảm giác của ông: “Tân chú ý đưa cái hái cho nhanh nhẹn, mỗi lần bông lúa rung động chạm vào mặt, vào người, mùi lúa chín thơm lại phảng phất với mùi rạ ướt mới cắt. Mùi thơm đó làm chàng say sưa như men rượu” (*Những ngày mới*). Nếu ta có thể chia ra hai hạng nhà văn, nhà văn thiên về tư tưởng, nhà văn thiên về cảm giác, thì tôi quả quyết đặt Thạch Lam vào hạng dưới. Ở chỗ mà người khác dùng tư tưởng, dùng lời có khi rất rậm để tả cảnh, tả tình, ông chỉ nói, một cách giản dị cái cảm giác của ông. Các cảm giác ấy bao quát hết tư tưởng của tác giả và của độc giả, và của độc giả nhiều khi đi xa hơn, sâu hơn trí, vì có cái cảm thấy mô tả không thể dùng tư tưởng để mô tả, để giải phẫu cái cảm giác của ta ra được, dù là một cái cảm giác nhẹ nhàng, *cái rung động khẽ như cánh bướm non* ấy là một tình cảm sâu xa.

Thực vậy, những cái cảm giác đậm đặc như thế mà ta thấy trong khắp các truyện của Thạch Lam đều giấu một mối tình sâu xa. Tác giả, mà ta tưởng rất điềm tĩnh, kỳ thực là một người có những tính tình mãnh liệt, quá khích nữa. Đứng trước sự khốn khổ của bác Lê, tác giả chỉ thủ thủ nói: “Giá cứ có người mượn làm thì cũng không đến nỗi”. Nhưng trong cái thủ thủ ấy, ta cảm thấy lòng tức giận, lòng oán trách xã hội lên đến cực điểm.

Sáu năm xa cách, người con giàu có về thăm mẹ già nghèo ở nhà quê, khi hắn ta từ già bà cụ ra đi, tác giả thần nhiên lạnh lùng viết: “Ra đến ngoài Tân nhẹ hẳn mình. Chàng tự cho đã làm xong bốn phận”. Nhưng sự lạnh lùng ấy giấu một tính tình khinh bỉ, một cảm tưởng chua chát không biết đến chừng nào

Những kẻ giàu có huyênh hoang trong bọn trường giả như người con trong truyện *Trở về* Thạch Lam rất ghét, cũng như ông rất thương rất yêu bọn nghèo đói, bọn bác Lê, anh Sinh, anh Dư... Ông đem hết tâm hồn ra để ghét tuy ông chỉ lãnh đạm nói đến họ. Lòng ghét âm thầm và dữ dội của ông có khi làm cho ông thiên lệch. Một lần nghe tôi đọc đến tên một người bạn giàu sang, ông chau mày nói: “Ô! Tôi ghét hẳn ta lạ. “ Tôi chưa kịp hỏi vì lẽ gì, thì ông đã tiếp: “*Trông cái má hắn ta phình phình, cái bụng hắn ta xệ xệ!*”.

Rồi ta sẽ thấy trong những tác phẩm của Thạch Lam rất nhiều nhân vật có cái bụng xệ, Thạch Lam sẽ trút lên đầu họ hết cả sự căm tức, oán trách một xã hội trường giả, bất công, tàn ác đối với những khốn khổ đáng thương mà Thạch Lam tha thiết bình vực an ủi.

3-9-1937

### LỜI TỰA VIẾT CHO HÀ NỘI BẢM SÁU PHỐ PHƯỜNG

Hà Nội Thăng Long – chốn cổ đô yêu dấu của chúng ta đã gần hai nghìn năm soi bóng trên giòng sông Nhị. Và nó sẽ mãi mãi soi bóng trong lòng người Nam Việt, khi mà mỗi thời còn có những trang phong lưu mặc khách đem ghi chép trong văn, thơ, để truyền lại hậu thế cái đời sống của nó, cái lịch sử của nó.

Lịch sử Thăng Long phải đâu chỉ là những lớp sóng phé hưng dần dập từ đời vua này sang đời vua khác, kế tiếp nhau mà xây cung điện nguy nga ven hồ Trúc Bạch, bên hồ Hoàn Kiếm? Nó còn là cuộc sinh hoạt hàng ngày của dân thành thị, với tất cả những phong tục, tập quán, với tất cả những nhân vật kỳ khôi, với tất cả những cái vui, cái buồn, cái tức, cái giận nho nhỏ và thoáng qua của những tâm hồn nho nhỏ sống trong xó tối, không tên không tuổi, không tiếng tăm lưu lại đời sau.

Mà những nhà biên tập pho sử ký bình dị này thường cũng không tên không tuổi không tiếng tăm lưu lại đời sau. Song những sử gia ấy, dù vô danh hay hữu danh, đều được công chúng yêu chuộng biết bao! Và những trang sử của họ có khi không cần đem in ra nhiều bản, chỉ truyền tụng từ miệng này sang miệng khác. Thế mà đó đều là những tác phẩm bất hủ, vì đã thành ca dao, tục ngữ, hoặc những giai thoại trong dân gian.

Long Biên, cái tên thứ nhất của Hà Nội, Long Biên mà một thi sĩ đã ca tụng trong một bài Đường luật:



*Long Biên đã đáp tự đòi nào?  
Chẳng thấp nhưng mà cũng chẳng cao.  
Chăm chăm ngoại thành xây cũng đẹp,  
Cồn cồn giòng nước chảy tuôn vào.*

Long Biên đã đáp tự đòi Cao Biền, nhà thơ Thăng Long cũng chẳng thêm biết. Đến cả hai chữ Cao Biền, thử hỏi trong dân chúng, mấy ai còn nhớ, nếu đó không là một tên thầy địa lý cao tay mà mọi người khiếp sợ. Môn chính trị xa họ bao nhiêu thì môn địa lý gần họ bấy nhiêu, gần với tín ngưỡng và tập quán của họ. Nếu Cao Biền chỉ là một chính khách khôn khéo, một nhà tổ chức có đại tài, thì y đã chết từ lâu trong ký ức dân Hà thành rồi. Phần dã sử hầu hoàn toàn chiếm lấy cái đời lạ lùng của nhà đô hộ. Mà phần dã sử ấy — nghĩa là thiên sử ký phong phú nhất, thật nhất vì sản xuất từ trí thành thực, chất phác của dân — phần dã sử ấy không ra ngoài môn địa lý. Nào truyện “Cao Biền dạy non”, nào truyện “Cao Biền cưới diều đi tìm đất”, nào truyện “Thần Tô Lịch hiện lên mách đất cho Cao Biền”. Bao nhiêu truyện kỳ dị và biến đổi tùy theo tài tưởng tượng của từng người kể, mà trong đó, môn chính trị của Cao Biền không dấu vết.

Cao Biền xa ta quá và đã hầu là một nhân vật hoang đường. Đến như những nhân vật gần chúng ta hơn mà sử ta đã ghi chép tường tận những huân công võ lược, cũng không còn có vang bóng gì trong trí nhớ dân chúng Hà Thành và Nam Việt. Đã mấy ai biết rằng trên sông Nhị kia, dưới gầm cầu “Giốc gạch”, hàng trăm thuyền lớn của Chế Bồng Nga đã chen chúc đậu và từ đó hàng nghìn hàng vạn quân Chiêm Thành, cởi trần, da nâu và bóng như đồng mắt cua, đã giương nỏ mạnh bắn những tên lửa lên các phố, các phường đầy dân thành thị tranh nhau chạy loạn?

Rồi tới nhà Lê, họ Mạc, họ Trịnh kế tiếp nhau xây dựng lâu dài bên hồ Tây và hồ Hoàn Kiếm.

Thì nay cũng chỉ:

*Thời cũ lâu dài bóng tịch dương*

Trong bóng tịch dương của thời gian và cả của lòng người.

Nhưng lòng người vẫn ghi nhớ những điều muốn ghi nhớ, những điều thuộc phạm vi mỹ thuật, và tình cảm... Lòng người coi thường trận thủy chiến kinh thiên động địa của họ Chế. Nhưng lòng người đã không quên cái tình cảm đáng thương của một nàng công chúa nhà Trần lọt vào tay anh Chàm đen đủi.

*Công chúa lấy thằng bán than,*

*Nó đưa lên ngàn cũng phải đi theo.*

Người Hà Thành đọc lại câu ca dao cổ gần nghìn năm, tác phẩm của một văn nhân Thăng Long đầy trắc ẩn còn như đứng bên bờ sông Cái mà nhỏ lệ trông theo nàng Huyền Trân sừng sững trên sàn lái một chiếc thuyền bồng giương buồm, thuận gió chạy ra biển để xuôi nam. Hình công chúa thon thon in bật lên nền trời sắc máu. Và dân Thăng Long chờ cho con thuyền lượn khuất sau cồn Phúc Xá mới chịu rời bước trở về nhà ngậm ngùi than tiếc:

*- Ngọc quý ngâu vầy!*

*- Thương thay cây quế giữa rừng,*

*Để cho thằng mán thằng mừng nó leo.*

Đối với dân Thăng Long, cũng như đối với dân Hà Thành ta ngày nay, rất mập mờ về khoa địa dư: Người mạn ngược hay người Chiêm, người Mên, họ đều cho là Mán, là Mường cả.

Vào thời giữa hai triều Trần và Lê, dân Thăng Long hẳn là lao đao khổ sở, hết chạy loạn Hồ đến chạy loạn Minh. Nhưng rồi người ta cũng chỉ còn ghi vào nhật ký, vào sử ký – sử ký của dân- những việc tức cười đau đớn:

*Cái nợ Liễu Thăng!*

Và cái chết của Nguyễn Trãi gây nên. Và theo lời dã sử — do sự báo oán tiền kiếp của một cô gái Tây Hồ bán chiếu, một nữ thi sĩ tinh nghịch cười đùa như Xuân Hương:

*Em ở Tây Hồ bán chiếu gon  
... Chồng còn chưa có hỏi chi con?*

Dân Hà Thành ta từ xưa vẫn thích cười: cười buồn cũng như cười vui. Thịnh thoảng lại phà lên một tiếng cười bi ai chua chát. Hay tiếng cười lỡm của cống Quỳnh về thời hậu Lê dưới quyền hống hách của chúa Trịnh. Và không biết ai đã thốt ra một câu ca dao quá quắt để mỉa mai ông quan thị mà chúa Sâm giao cho cái trọng trách canh phòng một nàng công chúa yêu?

Đó là cách viết sử của chúng ta. Nếu nói được rằng nhà sử đích đáng là biết chép những điều đáng chép và bỏ những điều đáng bỏ thì các sử gia Thăng Long thực đã làm tròn phận sự. Đã chép nhưng cái hoàn toàn có tính cách Thăng Long và Nam Việt. Còn gì Nam Việt hơn truyện Tấm Cám hiện nay vẫn lưu truyền ở cửa miệng, từ thành thị cho chí thôn quê. Đó là một truyện, một việc Thăng Long, đã xảy ra ở đất Thăng Long: Tấm, Cám là hai chị em khác mẹ quê ở mạn Đình Dù lấy chung một chồng: một chúa Trịnh.

Nhưng phải chờ hàng chục năm nữa, mới thấy được những nhà biên tập cho cuốn sử Hà Thành có tên có tuổi để lại hậu thế. Đó là nàng Xuân Hương, rồi chàng Tú Xuất, chàng Ba Giai. Chúng ta đi qua chùa Quán Sứ, ai mà giữ được không thăm đọc bài thơ tuyệt tác của Xuân Hương, tuy chùa Quán Sứ ngày nay chẳng còn nữa cái cảnh vắng teo, cái cảnh:

*Sáng banhh không kẻ khua tang mít  
Trưa trật nào ai móc kẻ rêu.*

Tôi chắc không nơi danh thắng Hà Thành nào lại không có vết tích các nhà văn yêu Thăng Long ấy, lại không được dự một phần vào cuốn sổ nhật ký, vào tập văn tùy bút của họ. Có lẽ chỉ vì không người gìn giữ cho nên những áng văn quý báu đã thất lạc mất cả, những áng văn mà người đạo mạo đồng thời coi thường là văn chương đùa bỡn hay nhỏ mọn, không đáng kể, không đáng lưu lại hậu thế...

Đến thời chúng ta, đến Tú Mỡ và Thạch Lam...

Như Ba Giai, Xuân Hương (cùng một họ Hồ với Tú Mỡ), Tú Mỡ đã giễu các nhân vật Hà Thành và khiến được họ bất hủ. Tú Mỡ yêu Hà Thành chẳng kém bọn Tú Xuất và Xuân Hương, yêu một cách tinh quái, ranh mãnh, ngạo ngược, nhưng rất yêu.

Người yêu Hà Thành thấm thía hơn, âm thầm hơn là Thạch Lam.

Cũng có lúc Thạch Lam mỉm cười thương hại như Cống Quỳnh, như Xuân Hương trước những cái dốt Hà Thành, trước những cái biển hàng chữ Pháp rất lố lăng và dở nát của các bác phó may của các anh thợ vẽ, của các bác phó cạo, của các ông hàng vải. Thạch Lam lại cũng tức giận như Xuân Hương khi thấy người ta vô tâm hay hữu ý làm mất vẻ đẹp nơi thành phố xinh xắn của chúng ta.

Xuân Hương viết:

*Ai về nhắn nhủ phường lò tói,  
Muốn sống đem vôi quét giả đèn.*

Và Thạch Lam thủ thi – bao giờ Thạch Lam cũng chỉ thủ thi, dù tức giận đến đâu:

*“Những thanh sắt ở đó (Chùa Ngọc Sơn) cũng khá lâu rồi thì phải, mà chưa thấy uỷ ban nào đó làm việc gì cả. Việc thì rất giản dị: nghĩa là bỏ những cái đó đi là xong.”*

Nhưng Thạch Lam lưu tâm nhất đến cuộc sống hàng ngày của Hà Thành, đến những cái thú con con của dân thành phố, cùng là những nhân vật bé nhỏ, đã gây cho thành phố cái tính cách đặc biệt của nó.

Ta hãy nghe Thạch Lam mở mục quà Hà Nội với một giọng yêu đương mà tự phụ của một dân Hà Nội: *“Quà Hà Nội xưa nay vẫn có tiếng là ngon lành và lịch sự. Ở các thôn quê, chút “quà Hà Nội” là của mong đợi, và tỏ được lòng quý hoá của người cho...”*

*“ Nếu chúng ta về các tỉnh nhỏ ít lâu, hay ở ngay Hải Phòng, Nam Định nữa, chúng ta mới biết quà Hà Nội có vị ngon là chừng nào! Cũng là thứ bún chả chẳng hạn, cũng rau ấy, bún ấy, thế sao mà bún chả của Hà Nội ngon và đậm thế, ngon từ cái mùi thơm, và từ cái nước chấm ngon đi.”*

Ta như nghe thấy tiếng nhai và tiếng xuýt xoa của người ăn bún chả. Ngon thật! Và cái ngon cái đặc sắc của Hà Nội ấy đáng được người ta nói đến và chép lại như người ta đã nói đã chép lịch sử bà Bé Tý, bà Tư Hồng, hai nhân vật Hà Nội nhất của thời nay.

Và Thạch Lam đã nói đến, đã ghi chép tường tận đầy đủ, tỉ mỉ với tất cả tấm lòng yêu của Thạch Lam. Thạch Lam yêu cũng như Thạch Lam ghét. Điều tha thiết tuy đều âm thầm. Thạch Lam thực là một nghệ sĩ, một thi sĩ về khoa thẩm vị. Nghệ sĩ muốn tận hưởng. Thi sĩ tìm cảm hứng trong vi tế cũng như trong vĩ đại. Hiểu nổi Thạch Lam tất đã phải biết như Thạch Lam rằng: *“Ăn quà là một nghệ thuật: ăn đúng cái giờ ấy và chọn người bán ấy mới là người sành ăn.”* Tất phải đã đứng ngắm nghĩa cô bán bánh cuốn Thanh Trì, *dáng điệu uyển chuyển gánh hàng đi vào trong phố hay ngồi nhanh nhẹn bóc từng cái bánh mỏng như tờ giấy và trong như lụa.*

Thạch Lam không quên một thứ quà rong nào, mỗi thứ Thạch Lam đều tả hết cái hương vị, cái hình thức đặc biệt của nó, hương vị và hình thức truyền lại không biết tự đời nào. Nếu Thạch Lam thích làm thơ thì hẳn đã viết những bài Đường luật hay tứ tuyệt để vịnh chiếc *“bánh rán nóng một xu hai”* hay *“cô hàng cơm nắm lẳng lơ với hai quang thúng bỏ chùng trông cũng ngon mắt như quà của cô vậy”*. Y như những bài thơ vịnh ốc nhồi, vịnh bánh trôi của Xuân Hương. Biết đâu Xuân Hương cũng không do cảm hứng trong khi xơi quà Hà Nội mà đọc ra những bài thơ lưu truyền kia.

Thạch Lam không làm văn vắn như Xuân Hương. Nhưng tứ thì phong phú, màu sắc sáng tươi, nét vẽ nhịp nhàng, đã khiến nhiều đoạn văn xuôi của Thạch Lam trở nên những bài thơ khẩu khinh. Đây, ta hãy nghe Thạch Lam tả ăn quà bún ốc:

*“Có ai, buổi trưa vắng, hay lúc đêm khuya, đi qua nhà cô đào, nhà các chị thanh tân, thấy họ ăn cái quà ấy một cách chăm chú và tha thiết đến đâu không? Nước ốc chua làm nhăn nét mặt tàn phẩn và mệt lả; miếng ớt cay làm xoa xuýt những cặp môi héo hắt, và khiến đôi khi rỏ những giọt lệ thật thà hơn cả những giọt lệ tình.*

*“Cô hàng ốc có một cái dụng cụ, một đầu là búa, một đầu là dùi nhọn. Một cái gõ nhẹ và một cái trở tay, là con ốc nguyên cả ruột đã gọn gàng rơi vào bát nước chấm. Cô thoăn thoắt rút ốc không kịp. Trông thấy người ta ăn ngon lành, chính cô cũng sinh thèm: cô thú thật với tôi như thế”*

Biết bao nghệ thuật trong một bức tranh nhỏ mọn nhưng tinh tế. Và đến được nghệ thuật ấy không phải chỉ có tài, mà còn phải có lòng yêu. Yêu thành thực, yêu trong thâm tâm, yêu những cái bé bỏng của những đời sống bé bỏng, nghĩa là yêu Hà Nội, vì những cái bé bỏng ấy tức là tất cả Hà Nội.

Thạch Lam vĩnh biệt Hà Nội, giữa một công cuộc mà anh đã tỏ ra có đủ tài năng đã theo đuổi tới đích: công cuộc soạn một pho Hà Nội sử ký. Nếu anh còn rảnh ở lại với chúng ta, thì ngòi bút linh động của anh tả cái Hà Nội hiện thời này, hẳn phải làm chúng ta...

20-7-43 - Nguồn: Dẫn theo <http://vuongtrinhan.blogspot.com>

## Quê hương thơm mát trong văn Thạch Lam

### Văn Giá

LTS: Ngày 9.5.2008, Sở VH, TT& DL Hải Dương kết hợp với UBND huyện Cẩm Giàng, Hội KH Lịch sử tỉnh và Hội VHNT Hải Dương tiến hành tổ chức Hội thảo: *“Di sản cổ trạch Tự lực văn*

*đoàn ở Cẩm Giàng” tại thị trấn Cẩm Giàng- nơi những năm trước 1945 gia đình của ba anh em ruột gồm các nhà văn Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam đã sinh sống. Nhà NCPBVH Văn Giá đã được mời tham gia Hội thảo với một tham luận bàn về những vẻ đẹp quê hương Cẩm Giàng trong văn Thạch Lam. Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc (BBT)*

1. Trong các trang văn của mình, nhà văn Thạch Lam rất hay nhắc đến hai chữ quê hương. Tuy nhiên, trong cảm nhận của ông, quê hương không phải là một khái niệm trừu tượng, mà là một hình dung vô cùng cụ thể, sống động - quê hương được hiện ra bằng mùi hương và hơi mát của đất, của làng. Nhà văn để cho các nhân vật của mình cảm nhận về đất đai, thôn xóm, quang cảnh quê hương bằng tất cả sự run rẩy của các giác quan, như một sự xâm chiếm tổng hòa, ngay lập tức, không thể tách bạch. Hương thơm và hơi mát của đất quê, làng quê tràn vào thân thể của con người.

Xin bắt đầu bằng một vài thống kê:

i)Hẳn những ai đọc Dưới bóng hoàng lan còn nhớ, cảm nhận của nhân vật Thanh trong lần trở về quê: “Thanh lách cánh cửa gỗ để khép, nhẹ nhàng bước vào. Chàng thấy mát hẳn cả người”, “Một mùi lá tươi non phảng phất trong không khí”. Khi đang nằm trên giường khoan khoái, bỗng chàng cảm thấy từ ngoài vườn “mùi hương thơm thoang thoang đưa vào”, “Thanh thấy tâm hồn nhẹ nhõm tươi mát như vừa được tắm ở suối. Chàng tắm trong cái không khí tươi mát này”. Đêm hôm ấy, khi Thanh tiễn cô gái láng giềng ra về, “Mùi hoàng lan thoang bay trong gió ngát”. Trong khung cảnh ấy, hai người để yên tay trong tay, nghĩa là từ tâm hồn hai người đã bắt đầu khởi lên một mối tình dịu dịu.

ii)Trong truyện ngắn Trở về, có đoạn kể lúc hai vợ chồng Tâm trở về thăm làng, khi đến đầu làng, Tâm thấy lòng cảm động, “một cảm giác mát lạnh bỗng trùm lên vai: Tâm ngẩng đầu lên nhìn, chàng vừa đi vào dưới vòm lá tre xanh trong ngõ”...

iii) Có hai đoạn văn khá giống nhau khi Thạch Lam miêu tả cảm nhận về mùi của chợ quê đã tàn ở trong hai tác phẩm: Hai đứa trẻ và Trở về. Đoạn thứ nhất: “Chợ họp giữa phố vắng từ lâu. Người về hết và tiếng ồn ào cũng mất. Trên đất chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và bã mía. Một mùi âm ẩm bốc lên, hơi nóng của ban ngày lẫn mùi cát bụi quen thuộc quá, khiến chị em Liên tưởng là mùi riêng của đất, của quê hương này”. Đoạn thứ hai: “Chợ đã vắng: những người đàn bà gồng gánh sắp ra về, trên mặt đất đầy những rác bần, những vỏ dưa, những lá gói. Một cái mùi âm ẩm bốc lên, cái mùi đặc biệt, hình như lẫn mùi đất, mùi ẩm, mùi rác đốt. Tâm nhớ lại rõ rệt những ngày còn trẻ”.

iiii) Hay trong Cô hàng xén, cũng có một nhân vật tên Tâm, nhưng là phận gái, tác giả cũng để cho nhân vật cảm nhận về mùi của đất và quê hương: “Sáng sớm hôm sau, trong gió bắc lạnh, Tâm đã mở cổng gánh hàng lên chợ. Sương trắng còn đầy ở các ngõ trong làng; mùi rơm rác và cỏ ướt thoang thoang bốc lên, mùi quen thuộc của quê hương và của đất mầu, khiến Tâm dễ chịu và thêm can đảm”.

Như vậy, các đoạn văn trên đều nói về mùi hương của đất, và của quê hương. Tôi nghĩ rằng Thạch Lam rất tinh tế nhận biết và có ý phân biệt giữa đất và quê hương. Đã đành đất thuộc về khung cảnh làng quê, nhưng đất là một thứ vật chất cụ thể, nhìn thấy được, con người bước đi trên đó, có một thứ hương riêng; trong khi đó quê hương không hẳn cụ thể như vậy, nó mơ hồ hơn, rộng hơn, bao trùm hơn, nó chính là bầu không khí riêng mà con người chỉ có thể cảm nhận được cái hương thơm riêng không lẫn. Cả đất và quê hương làm nên một thứ mùi hương tổng hòa, ám gợi, xâm chiếm, bao bọc con người đang ăn ở đi về trên đó.

Dẫn ra một số đoạn văn như vậy để thấy rằng Thạch Lam có một bảng từ vựng riêng về làng quê. Bảng từ vựng này bao gồm hai thứ mùi hương và hơi mát ôm trùm, vây bọc, lan tỏa trên đường làng, cánh đồng, mảnh vườn, phiên chợ, đất đai, đám mạ... Chỉ bấy nhiêu thôi, mà làng quê hiện lên thật cụ thể, thanh bình, yên tĩnh, nhuộm màu hoài niệm.

Hương thơm và hơi mát của đất đai làng mạc trong cảm quan của Thạch Lam làm nên một quê hương yêu dấu, mang ý vị của một niềm vui sướng êm đềm, ngọt ngào. Nơi ấy, cuộc sống con người chưa đến nỗi quá đói khổ, mà đang còn tạm tạm. Nơi ấy, có những người sống bên nhau biết thương yêu, đùm bọc, chăm sóc chở che. Như hai chị em Liên và An thương nhau, gắn bó với nhau, có một tuổi thơ tuy nghèo khó nhưng được ru vỗ trong tình yêu thương của mẹ. Như cô Tâm hàng xóm sẵn một tấm lòng hiếu đễ với mẹ già, thơm thảo với các em, yêu thương người khác đến quên cả bản thân mình. Thỉnh thoảng, những con người này lại mang nỗi u hoài về quá vãng xa xôi ngày thơ ấu...

Thạch Lam có phải là người thi vị hóa làng quê không? Tôi thấy không phải thế. Chứng cứ là nhà văn này có một cảm quan hiện thực khá sắc bén. Ngôi bút của nhà văn không chỉ hướng đến những khung cảnh êm đềm như vậy, mà khá nhiều truyện xoáy hẳn vào những cuộc đời bất hạnh, lam lũ, kéo dài cuộc đời của mình trong lần hồi túng thiếu hoặc bất hạnh, không tìm thấy lối thoát. Mỗi khi như thế, khung cảnh làng quê hiện lên bỗng mất hẳn cái hương thơm và khí mát như đã nói trên kia, mà thay vào đó là một quê hương rét mướt với khung cảnh gió bắc lạnh lẽo, âm u, tối tăm, hiu hắt. Ta có thể thấy khung cảnh ấy một phần trong Gió lạnh đầu mùa, Hai đứa trẻ, Cô hàng xóm, nhất là ở Nhà mẹ Lê, Cuốn sách bỏ quên, Hai lần chết... Thạch Lam là người đa cảm. Viết về những cuộc đời buồn khổ, nếu có thiên nhiên kèm theo cũng chỉ là một thứ thiên nhiên cản trở, khắc nghiệt, hù dọa con người. Ngược lại, viết về những cuộc đời bé nhỏ thân thương, chưa vướng vào vòng lằm than khắc nghiệt, cuộc sống đang còn trong trẻo êm đềm, thiên nhiên ủa vào toàn những thơm mát, ngọt lành. Thiên nhiên bỗng mang khuôn mặt hòa thuận, như thể phụ họa vào với lòng người, gọi lên trong lòng người những xúc cảm tinh tế, thanh khiết. Đọc văn Thạch Lam, không ai không biết những dòng tâm sự nổi tiếng của ông trong Lời nói đầu của tập Gió đầu mùa. Ông viết: “Trước ngọn gió đầu mùa tôi không khỏi ngỡ ngàng được những cảm giác sâu xa và mới lạ. Tôi đem tâm nghĩ ngợi đến những cơn gió đột khởi ở lòng người, báo trước những sự thay đổi trong cái bí mật của tâm hồn”. Thạch Lam là thế. Thế Uyên, người cháu gọi Thạch Lam bằng cậu, sau này đã có những nhận xét thật tinh tế và chí lý: “Đọc một vài đoạn văn của ông, đôi khi tôi có cảm tưởng Thạch Lam chỉ là một hệ thống dây tơ bện nhạy đến độ có thể thu nhận được sự thay đổi về cường độ ánh trăng hay âm sắc của các loại lá khô khi rụng va vào đất”.

2. Tôi nghĩ rằng, lòng yêu thương, gắn bó đối với làng quê một cách thực sự và đáng tin cậy hơn cả không phải thể hiện bằng lời nói, càng không phải bằng nhận thức như một việc phải có, mà bằng những rung động có tính cảm giác, và mỗi khi nhớ về làng quê, những cảm giác ấy bỗng được phục hiện. Đó là lòng yêu, là nỗi nhớ trong chiều sâu tinh thần, trong sự ám gợi thẳm lạng mà da diết, lâu bền, trở thành năng lượng sống của con người. Những nhân vật trong văn Thạch Lam ứng xử với làng quê đều theo cái cung cách ấy.

Đến đây, tự nhiên, một câu hỏi bật ra: Do đâu mà Thạch Lam có được những trang văn đậm đà ý vị thương mến và gắn bó đối với làng quê như thế? Có lẽ phải giải thích điều này từ phía tuổi thơ của Thạch Lam. Theo như tư liệu hồi ký đáng tin cậy nhất cho đến ngày hôm nay giúp ta hiểu kỹ về cuộc đời ấu thơ của Thạch Lam là cuốn Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường (NXB Sóng, SG.1974) của bà Nguyễn Thị Thế - chị gái liền đót của nhà văn. Trong tài liệu này, bà cho biết, gia đình Thạch Lam sống ở quê ngoại Cẩm Giàng hai lần: lần một, thời gian chị Thế và cậu Sáu (tên tục của Thạch Lam) đang còn thơ bé; lúc ấy, người cha của họ mất việc làm ở

Thái Hà áp, anh cả anh hai học ở Hà Nội, gia đình lâm vào cảnh gieo neo, nên cả nhà phải chuyển về đây để cho anh Tam và Tư học ở trường huyện. Trong hồi ký, bà Thế cũng nói không nhớ rõ là gia đình bà sống ở Cẩm Giàng được mấy năm. Sau đó thì gia đình chuyển về Tân Đệ Nam Định theo anh Cả khi anh được bổ làm việc ở đó. Lần hai, gia đình lại về Cẩm Giàng, bà mẹ đã cho xây ngôi nhà theo cách của ngôi nhà Ánh sáng. Lúc này bà mẹ của Thạch Lam đã bước vào tuổi già, sức khỏe yếu, mấy người con như Nhất Linh, Hoàng Đạo và Thạch Lam đang làm báo Ngày Nay ở Hà Nội, thỉnh thoảng họ đi đi về về ngôi nhà Cẩm Giàng; và trong thời gian này cũng đã có nhiều văn nghệ sĩ về thăm, có khi còn ở lại ăn tết cùng với gia đình Thạch Lam. Rõ ràng, phần lớn tuổi thơ của Thạch Lam nằm trọn ở quê ngoại Cẩm Giàng. Toàn bộ những ký ức tuổi thơ, từ làng quê, phố huyện, ga tàu, tiếng còi tàu, những ngày tham gia cùng chị giúp mẹ trông hàng, những lần đón đưa các anh lên phố học, rồi những đứa trẻ trong làng và bà con lối xóm... đều đã hình thành nên trong tâm hồn Thạch Lam những ám ảnh đeo bám suốt đời. Thế giới trẻ thơ, một thế giới thần tiên, trong suốt, những gì chứng kiến, những gì đi qua dễ đọng lại, được lưu giữ rất sâu trong tâm thức, tham gia góp phần tạo nên cấu trúc tinh thần, tâm tính của mỗi người. Gia đình Thạch Lam vốn không phải là một gia đình khá giả, và đã từng có lúc lâm vào cảnh gieo neo, thiếu đói. Do sống gần với hai người bà nội và bà ngoại, nên được các cụ giúp đỡ nhiều. Theo như cách miêu tả của bà Thế, cả hai cụ đều là những người nhân đức, tốt bụng, yêu thương con cháu, yêu thương những đứa trẻ trong làng. Đặc biệt, Thạch Lam có một bà mẹ vô cùng nghị lực, tháo vát, từ tâm, hết lòng chăm nom, che chở, diu dắt đàn con nên người, không bao giờ kỳ quặc khó nhọc, không so đo tính toán. Cảnh ngộ gia đình cùng với tất cả những người thân thiết ấy đã góp phần tạo nên nhân cách nghệ sĩ Thạch Lam. Ở người nghệ sĩ này, tình thương đối với con người trở thành một phẩm chất nổi bật, chi phối toàn bộ cách cảm thụ, cách hình dung về đời sống, làm nên vẻ đẹp của những trang văn.

3. Những ai đã từng sống ở nông thôn chắc hẳn dễ đồng ý với tôi điều này: cái mùi phân trâu là một thứ mùi rất đặc trưng, thân mật đối với mỗi người (là loài ăn cỏ, nên phân trâu không gây ra mùi xú uế). Trâu là một con vật hiền lành, thân thuộc của mỗi gia đình. Người nông dân chăm sóc trâu, hát những bài ca ru vỗ trâu, coi con trâu là một trong những lao động chính trong nhà. Người ta quen nét con trâu, kể từ tiếng cọ gióng chuồng, tiếng bước chân..., và quen luôn cả cái mùi phân trâu hàng ngày nữa. Chẳng thế mà Thạch Lam khi miêu tả hình ảnh cô Tâm đi bán hàng trở về khi trời đã tối: “Chân cô dẫm lên lá tre khô và tai nghe tiếng xao xác đã quen; mùi bèo ở dưới ao và mùi rạ đưa lên ẩm ướt”; đặc biệt khi bước chân vào cổng nhà, cô bỗng thấy: “Mùi phân trâu nồng ấm sặc ngay vào cổ, thoảng qua cô nghe thấy tiếng chân trâu đập trong chuồng”. Một người cầm bút bình thường nếu không tự tin vào ngòi bút của mình liệu có dám hạ mấy chữ mùi phân trâu nồng ấm hay không? Có thể ai đó cho rằng chi tiết ấy không được nhã cho lắm (!). Nhưng Thạch Lam lại rất chân thực ở chỗ này. Ông yêu quê, nhưng không bao giờ mỹ lệ hóa hình ảnh làng quê. Làng quê thanh bình, đẹp đẽ thật đấy, nhưng cũng có trăm ngàn dáng vẻ muôn mặt đời thường, thậm chí lấm thứ thật khắc nghiệt. Nhưng trong trường hợp này, chỉ có thể nói rằng nhờ sự thành thực của tâm hồn, một tâm hồn giản dị, xa lạ với tất cả những gì làm bộ làm tịch, điệu dàng, phù phiếm, Thạch Lam đã mới có được một ca miêu tả độc nhất vô nhị như thế. Tôi cho rằng văn Tự Lực văn đoàn không có một ca nào tương tự. Vậy là quê hương trong cảm nhận của Thạch Lam hiện lên qua một bảng mùi, mà không chỉ là mùi hương của các loài hoa, mùi của đất màu, của bãi chợ tàn, của ao bèo... mà còn mùi của phân trâu nữa. Tất cả làm nên “mùi riêng của đất, của quê hương”. Đó là gì nếu không phải là tâm hồn xứ sở, là hồn vía của làng được cất thành lời!

Thạch Lam là một trí thức Tây học. Ấy thế mà toàn bộ con người ông lại thuộc về cái “tâm hồn An Nam” như cách nói của ông. Nói theo cách nói bây giờ tức là phẩm tính dân tộc, bản sắc dân tộc. Ngấm lại, trong cuộc đời, có một quy luật này: càng hiểu biết đến nói đến chốn văn hóa phương Tây, lại càng sống sâu sắc với văn hóa Việt Nam. Chỉ những người nào hiểu

phương Tây nửa vò mới bị lai căng, mất gốc. Toàn bộ văn chương và cuộc đời Thạch Lam là một minh chứng đầy sức thuyết phục cho quy luật đó.

Với những trang văn Thạch Lam, vẫn còn nguyên một tâm hồn quê hương thơm mát tỏa lan.

*Hà Nội, ngày Giỗ Tổ Hùng Vương 2008*